

CHUNG TAY XÂY DỰNG CHÂU Á TRONG KỶ NGUYÊN HẬU COVID-19

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ
HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025

NGƯỜI LÀM BÁO GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII

LÀNG SEN VIỆT NAM- NƠI KẾ THỪA TÌNH HOA VĂN HÓA VIỆT

ĐẦU TƯ THÔNG MINH TẠI THÀNH PHỐ SMART21



VIET-TIEP

NIỀM TIN CỦA MỌI NHÀ



CÔNG TY CỔ PHẦN KHÓA VIỆT - TIỆP

Địa chỉ: Thị trấn Đông Anh - Thành phố Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: 024.3883.2442

Email: info@khoaviettiep.com.vn

Fax: 024.3882.1413

Website: khoaviettiep.com.vn

SHOWROOM GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

ĐỊA CHỈ 1:

Số 40 Thuộc Bắc - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: 024.3825.1987

ĐỊA CHỈ 2:

Số 37 Hàng Điều - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Tel: 024.3826.6191

HỆ THỐNG CHI NHÁNH

CHI NHÁNH TẠI TP ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 2 - Đường Xuân Thủy - P. Khuê
Trung - Q. Cẩm Lệ - TP. Đà Nẵng
Tel: 023.6362.9919 - Fax: 023.6362.9191
Email: tpdanang@khoaviettiep.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP BUỒN MA THUỘT

Địa chỉ: Số 191 Trần Phú - P. Thành Công
TP. Buôn Ma Thuột
Tel: 026.2249.0688 - Fax: 026.2249.0699
Email: tpbuonmathuot@khoaviettiep.com.vn

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Số nhà 157-159 Đường Song Hành
Phường 10 - Quận 6 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: 028.6293.1773 - Fax: 028.3755.3671
Email: tphochiminh@khoaviettiep.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 38 - Đường 3/2 - P. Hưng Lợi
Q. Ninh Kiều - TP. Cần Thơ
Tel: 029.2625.3510 - Fax: 029.2625.3512
Email: tpcantho@khoaviettiep.com.vn

CHI NHÁNH TẠI CAMPUCHIA

Địa chỉ: No.210 Mao Tse Tung Blvd (245)
Phnom Penh - Cambodia
Tel: (+855) 316.183.163
Email: cambodiabranh@khoaviettiep.com.vn



HEAD OFFICE

176 Thai Ha, Dong Da, Ha Noi
Email: ktcabd@gmail.com

Editor-in-Chief

LE VAN SANG, Ph.D.

Deputy Editor-in-Chief

LE KIM SA, Ph.D.

Board of Advisors

Tran Van Tho, Ph.D.
Vo Dai Luoc, Ph.D.
Nguyen Xuan Thang, Ph.D.
Tran Dinh Thien, Ph.D.
Dang Nguyen Anh, Ph.D.
Le Bo Linh, Ph.D.
Dang Xuan Thanh, Ph.D.
Nguyen Duc Thanh, Ph.D.
Tran Duc Hiep, Ph.D.

Managing Editor

Nguyen Thi Thanh Thuy
Phone: 0915307889-0915947026
Email: thanhthuyktcabd@gmail.com

Designer

Vuong Nguyen

Licence:

No.414/GP-BTTTT

Printed at 123 Ha Noi

Printing Services and Trading Co., Ltd

Price: 50.000 VND

QUAN SÁT (OBSERVATION)

- 4 Chung tay xây dựng châu Á trong kỷ nguyên hậu Covid-19
- 8 Join hands to build Asia in the post - Covid-19 era
- 12 Chiến lược phát triển chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ Số giai đoạn 2021-2025
- 14 E-government development strategy towards digital government in the period of 2021-2025
- 16 Người làm báo góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết đại hội Đảng lần thứ XIII
- 18 Trong thời khắc nào nhà báo vẫn là những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận kinh tế văn hóa xã hội
- 20 Bảo vệ nền tảng tư tưởng không tách rời chủ nghĩa Mác - Lê Nin với tư tưởng Hồ Chí Minh
- 22 Làng Sen Việt Nam: Nơi kế thừa tinh hoa văn hóa Việt
- 24 Đầu tư thông minh tại thành phố Smart21
- 27 Tỉnh Hòa Bình: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị và hiệu quả cao
- 29 Tập trung hỗ trợ chuẩn hóa các sản phẩm OCOP năm 2021
- 30 Lương Sơn: Cửa ngõ hòa bình xây dựng nông thôn mới
- 32 Đồng Thuận từ tư duy đến hành động
- 33 Huyện Cát Hải (Hải Phòng): “Luồng gió mới” thay đổi diện mạo nông thôn
- 35 Tạo điều kiện tốt nhất để thu hút đầu tư
- 36 Bước đột phá trong xây dựng nông thôn mới
- 37 Bản giao hưởng 4 mùa từ Flamingo Cát Bà

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI (RESEARCH - EXCHANGER)

- 39 Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng
- 43 Kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Bác đã lựa chọn trong thời kỳ mới
- 45 Ngành du lịch Việt Nam dưới tác động của đại dịch Covid-19
- 50 Phát triển kinh tế tuần hoàn: Từ lý thuyết đến thực tiễn ứng dụng
- 52 Những rào cản đối với tín dụng xanh tại Việt Nam
- 56 Thu hút FDI và thúc đẩy xuất khẩu ở Việt Nam - phản ứng chính sách trước bối cảnh đại dịch Covid-19
- 60 Tác động của công đoàn đối với thị trường lao động

CHUNG TAY XÂY DỰNG CHÂU Á TRONG KỶ NGUYÊN HẬU COVID-19

Sáng ngày 20/5/2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã tham dự và có bài phát biểu quan trọng tại Hội nghị quốc tế về Tương lai Châu Á lần thứ 26 theo hình thức trực tuyến. Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu “Chung tay xây dựng châu Á trong kỷ nguyên hậu COVID-19” của Thủ tướng Chính phủ.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu tại Hội nghị Tương lai Châu Á lần thứ 26. - Ảnh: VGP/Nhật Bắc

*Thưa Ngài Chủ tịch,
Thưa Các vị Lãnh đạo,
Thưa Quý vị đại biểu,*

Hôm nay, tôi rất vui mừng được tham dự và phát biểu tại Hội nghị Tương lai châu Á lần thứ 26. Trước hết, tôi xin cảm ơn Chính phủ Nhật Bản và Tập đoàn Nikkei đã mời tôi dự Hội nghị hết sức có ý nghĩa này. Nhân dịp này, thay mặt Chính phủ Việt Nam và với tình cảm cá nhân, tôi xin gửi tới các vị lãnh đạo, các quý vị đại biểu lời chào trân trọng và lời chúc mừng tốt đẹp nhất!

Thưa các Quý vị đại biểu

Tôi hoan nghênh Báo Nikkei đã lựa chọn chủ đề rất đúng đắn và phù hợp cho Hội nghị lần này, đó là: **“Định hình kỷ nguyên hậu Covid: Vai trò của châu Á trong khôi phục toàn cầu”**; thể hiện vị thế, vai trò của châu Á trong cuộc chiến phòng, chống COVID-19 và khôi phục, phát triển kinh tế thời kỳ hậu COVID-19. Hội nghị năm

này diễn ra trong bối cảnh tình hình dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến hết sức nhanh chóng, phức tạp, khó lường, khó dự báo trên thế giới và ở khu vực, tác động sâu sắc, mạnh mẽ đến kinh tế-xã hội và đời sống người dân các nước. Tác động của đại dịch đã làm bộc lộ gay gắt hơn những vấn đề mà châu Á cũng đang phải đối mặt như khoảng cách phát triển về thể chế, hạ tầng, công nghệ; các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống như thiên tai, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu...; hơn thế nữa, đại dịch đã làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới.

Thưa các Quý vị đại biểu

Châu Á luôn giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong nền kinh tế và chính trị thế giới, có ảnh hưởng sâu rộng và đa diện đến sự định hình kỷ nguyên mới. Trong nhiều thập kỷ

qua, châu Á đã vững vàng vượt qua không ít khủng hoảng, suy thoái, thảm họa thiên nhiên; vươn lên trở thành một động lực rất quan trọng của kinh tế toàn cầu. Sự thành công bước đầu của các nước châu Á trong phòng, chống dịch bệnh và khôi phục kinh tế thời gian qua đã chứng minh sự năng động và sức sống mãnh liệt của một khu vực đang vươn lên khẳng định vị thế trong một thế giới đang thay đổi.

Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 được đánh giá là “thảm họa lớn nhất mà nhân loại phải đối mặt kể từ sau Chiến tranh Thế giới thứ hai”, đã, đang và sẽ tác động sâu sắc đến cục diện thế giới, khu vực, cũng như đời sống kinh tế xã hội của tất cả các nước. Hơn lúc nào hết, đây là thời điểm đòi hỏi tất cả các nước cần gác lại mâu thuẫn, bất đồng, đoàn kết, thống nhất hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau, tất cả cùng chiến thắng vượt qua đại dịch. Càng trong những lúc khó khăn, chúng

ta càng cần phải đoàn kết hơn nữa, hợp tác bình đẳng, gắn bó hơn nữa để cùng nhau vượt qua khó khăn, thách thức. Hoàn cảnh đặc biệt đòi hỏi phải có những hành động và giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt và đặc biệt. Chúng ta cần một khuôn khổ hợp tác mới với những đột phá cần thiết để vừa giúp nền kinh tế trụ vững qua đại dịch, vừa đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững và bao trùm trong tương lai; cùng nhau **“Chung tay xây dựng châu Á hòa bình, hợp tác, phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong kỷ nguyên hậu COVID-19”**.

Với phương châm phát triển mạnh mẽ nội lực, khả năng thích ứng, tự lực tự cường; tăng cường củng cố hợp tác quốc tế; lấy con người làm trung tâm, lấy những giá trị văn hóa cốt lõi tốt đẹp làm nền tảng, lấy khó khăn thách thức làm động lực để hợp tác cùng vươn lên, chúng ta cần tập trung vào sáu nội dung hợp tác sau:

Thứ nhất, phát triển hạ tầng chiến lược chất lượng cao là biện pháp hữu hiệu kích thích tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn, đồng thời là đột phá chiến lược về dài hạn. Với tốc độ phát triển hiện nay, châu Á cần hệ thống hạ tầng vững chắc để hỗ trợ phát triển kinh tế và kết nối thông suốt từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Theo Ngân hàng Phát triển châu Á, đến 2030 các quốc gia châu Á đang phát triển cần đầu tư ít nhất 1.700 tỷ đô la Mỹ mỗi năm cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Do vậy, chúng tôi hoan nghênh các sáng kiến về cơ sở hạ tầng chiến lược chất lượng cao mà Chính phủ Nhật Bản và các đối tác đã đề xuất. Chúng ta cũng cần có cách tiếp cận mới, sáng tạo trong huy động vốn và khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân, khuyến khích các hình thức đối tác công-tư (PPP), lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư.

Thứ hai, thúc đẩy tiến trình hợp tác, hội nhập và liên

kết kinh tế bình đẳng, hiệu quả song phương, đa phương nhằm bảo đảm dòng chảy thương mại, đầu tư và chuỗi cung ứng toàn cầu. Sự phục hồi hậu COVID của châu Á sẽ phụ thuộc rất nhiều vào khả năng duy trì thương mại và đầu tư cả trong nội khối cũng như với các khu vực bên ngoài. Các nỗ lực này cần được triển khai ở tất cả các cấp độ từ toàn cầu, khu vực, liên khu vực, đến nỗ lực cải cách trong nước của mỗi quốc gia. Các khuôn khổ liên kết kinh tế theo hướng mở, dựa trên luật lệ như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) sẽ giúp thúc đẩy hơn nữa quá trình phục hồi và phát triển kinh tế khu vực. Đồng thời, các bên cần cùng nhau thảo luận, tìm ra cách thức vận hành nền kinh tế khu vực phù hợp với điều kiện vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế, ưu tiên cho lưu chuyển hàng hóa và đi lại của người dân, bảo đảm chuỗi cung ứng và sản xuất, kinh doanh vận hành suôn sẻ.

Thứ ba, tăng cường hợp tác trong lĩnh vực khoa học công nghệ, công nghệ số, chuyển đổi số chính là động lực giúp châu Á chuyển mình trong giai đoạn hậu COVID. Để tối ưu hóa lợi ích và giảm thiểu nguy cơ từ nền kinh tế số đang bùng nổ, chúng ta cần tăng cường hợp tác trong: (1) Cải thiện hiệu quả cơ sở hạ tầng và kết nối kỹ thuật số, đặc biệt là tại các quốc gia đang phát triển; (2) Xây dựng chính phủ điện tử và hướng đến chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; (3) Nâng cao hiểu biết và kỹ năng số của người dân; đào tạo kỹ năng mới cho người lao động; (4) Phối hợp xây dựng các khung khổ về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, quản lý thuế và hệ thống logistics cho hoạt động thương mại điện tử.

Thứ tư, thúc đẩy tăng

trưởng xanh bền vững, hiệu quả ngay từ giai đoạn đầu phục hồi sau đại dịch. Điều này sẽ giúp định hướng cho sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế trên nền tảng bền vững hơn, bảo đảm cân bằng sinh thái và giải quyết những thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu. Chúng ta cần thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ trong xây dựng mô hình tăng trưởng phát thải bằng không, kinh tế tuần hoàn, quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên; nỗ lực thực hiện Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu; hoàn thành đúng hạn các Mục tiêu phát triển bền vững 2030 của Liên Hợp Quốc; và đạt được thoả thuận toàn cầu về chống rác thải nhựa đại dương.

Thứ năm, tăng cường phối hợp xử lý đại dịch COVID-19 và nâng cao năng lực hệ thống Y tế công cộng, an sinh xã hội, sẵn sàng ứng phó với các thách thức Y tế tương lai. Việt Nam sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm phòng, chống dịch COVID-19 với các nước, đồng thời mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ từ các nước trong cuộc chiến này, nhất là trong việc nghiên cứu, sản xuất và tiếp cận bình đẳng trong phân phối vaccine phòng COVID-19. Trong tình huống khẩn cấp như hiện nay, sản xuất và phân phối vaccine không còn là câu chuyện riêng của một quốc gia, một doanh nghiệp, mà là vấn đề nhân đạo với mục tiêu quan trọng nhất là sức khỏe cộng đồng, không nước nào có thể bảo đảm an toàn khi các nước khác vẫn còn dịch bệnh trong điều kiện hội nhập hiện nay. Do đó, ưu tiên hàng đầu là bảo đảm nguồn cung, tiếp cận bình đẳng, kịp thời vaccine, đồng thời giảm các rào cản về sở hữu bản quyền, thúc đẩy chuyển giao công nghệ về sản xuất vaccine một cách cởi mở, thiết thực, hiệu quả, công bằng. Đồng thời, chúng ta có thể nghiên cứu thành lập hoặc phát huy các cơ

chế hợp tác khu vực nhằm đối phó với đại dịch COVID-19 cũng như các dịch bệnh truyền nhiễm khác sau này; như việc thành lập Trung tâm ASEAN về các tình huống Y tế khẩn cấp và dịch bệnh mới nổi.

Thứ sáu, điều kiện tiên quyết cho phục hồi và phát triển thịnh vượng sau đại dịch là bảo đảm môi trường quốc tế hoà bình, ổn định, hợp tác, phát triển. Trong bối cảnh khu vực và quốc tế đang phải tập trung nguồn lực để xử lý các vấn đề cấp bách chưa có tiền lệ, thì trên hết và trước hết các nước cần đóng góp có trách nhiệm đối với vấn đề này; cần tôn trọng lẫn nhau, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi. Đối với vấn đề Biển Đông, cần giải quyết các tranh chấp và bất đồng bằng giải pháp hòa bình, thượng tôn pháp luật, nhất là Hiến chương của Liên Hợp Quốc, Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982; phát huy các cơ chế hợp tác đa phương, thực thi đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và phối hợp chặt chẽ trong đàm phán Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC) sớm đạt được hiệu quả; duy trì hòa bình, hợp

tác, phát triển trong khu vực và tự do hàng hải, hàng không trên Biển Đông.

Việt Nam tham gia có trách nhiệm và sẵn sàng cùng các nước vun đắp cho hòa bình, ổn định, phát triển và tình đoàn kết; vì lợi ích chung và sự phát triển phồn vinh của từng quốc gia và trong khu vực; vì sự ấm no và hạnh phúc của mọi người dân trên thế giới.

Người Việt Nam có câu “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”; người Nhật Bản có danh ngôn “Hoa mơ nở trong tuyết”. Chúng tôi có niềm tin sâu sắc rằng chúng ta sẽ đoàn kết, cùng nhau **“Chung tay xây dựng châu Á trong kỷ nguyên hậu COVID-19”**. Niềm tin này xuất phát từ những giá trị, bản sắc châu Á. Đó là những giá trị về tinh thần cộng đồng, tầm nhìn, sự bền bỉ, quả cảm, kỷ luật, linh hoạt thích ứng và khát vọng vươn lên.

Thưa các Quý vị đại biểu,

Nói đến tương lai châu Á, chúng ta không thể không nhắc tới vai trò của Nhật Bản – một trong những nền kinh tế tiên tiến hàng đầu thế giới đã có những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của châu

lục. Các nước châu Á và Nhật Bản đã cùng nhau vượt qua khủng hoảng tài chính 2008, trở thành động lực tăng trưởng kinh tế toàn cầu và ngày nay đang tiếp tục hợp tác chặt chẽ để ứng phó với đại dịch COVID-19. Những công trình, dự án với sự hỗ trợ hiệu quả của Nhật Bản trải dài khắp châu Á, từ hạ tầng giao thông, năng lượng đến nông nghiệp, Y tế, công nghệ, viễn thông, văn hóa, giáo dục và sức khỏe cộng đồng.

Quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng Việt Nam-Nhật Bản tiếp tục phát triển tốt đẹp, mạnh mẽ và thực chất trên nhiều lĩnh vực, với sự tin cậy chính trị cao. Việt Nam đánh giá cao sự hỗ trợ quý báu mà Chính phủ và nhân dân Nhật Bản đã dành cho chúng tôi trong công cuộc phát triển kinh tế xã hội hơn bốn thập kỷ qua. Việt Nam hoan nghênh các nỗ lực của Nhật Bản về kết nối khu vực, liên kết kinh tế, phát triển bền vững, và mong Nhật Bản tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực. Nhân dịp này, tôi xin chúc và tin tưởng rằng Chính phủ và nhân dân Nhật Bản dưới

sự lãnh đạo bản lĩnh và quả cảm của Thủ tướng Suga Yoshihide tiếp tục gặt hái những thành công mới trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, và tổ chức thành công Thế vận hội Olympic và Paralympic 2021, đưa sự kiện trở thành biểu tượng của sự đoàn kết toàn cầu trong điều kiện chống đại dịch COVID-19 và chứng minh cho sự khảng định đúng đắn như Thủ tướng Suga Yoshihide đã phát biểu.

Thuta các Quý vị đại biểu,

Cùng với cộng đồng quốc tế, trong hơn một năm qua, Việt Nam đã hết sức nỗ lực ứng phó với đại dịch COVID-19. Chúng tôi xin bày tỏ sự xúc động và lời cảm ơn chân thành nhất tới các nước trong khu vực, nhất là Nhật Bản đã tích cực hỗ trợ Việt Nam ứng phó với dịch bệnh COVID-19, khắc phục hậu quả lũ lụt, hạn hán, thiên tai. Với quyết tâm cao của chính phủ và sự đồng lòng của người dân, chúng tôi tập trung thực hiện “mục tiêu kép” là vừa phòng chống dịch hiệu quả, vừa phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội nhanh. Một số định chế quốc tế có đánh giá, Việt Nam nằm trong các nền kinh tế có khả năng phục hồi tốt nhất hậu COVID-19 xuất phát từ tình hình chính trị-xã hội ổn định; từ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; các biện pháp quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ; cũng như nền tảng kinh tế vĩ mô tương đối vững chắc. Chúng tôi sẽ phát huy những kết quả đạt được, vượt qua các khó khăn, thách thức, và tiếp tục đưa đất nước phát triển dựa trên 3 trụ cột chính là chiều sâu của bề dày truyền thống văn hóa-lịch sử hào hùng của dân tộc, giá trị con người Việt Nam và tài nguyên thiên nhiên.

Quan điểm của chúng tôi về phát triển là: **Thứ nhất**, phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm phát triển hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa

kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Lấy đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển kinh tế xanh, nhu cầu thị trường, các ngành mới nổi và tăng năng suất lao động làm định hướng; **Thứ hai**, hoàn thiện thể chế phát triển một cách đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập là điều kiện tiên quyết; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế; **Thứ ba**, thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, ý chí tự cường và phát huy sức mạnh đại đoàn kết của toàn dân để phát triển đất nước. Phát huy tối đa giá trị con người, lấy con người là trung tâm, chủ thể, vừa là nguồn lực vừa là động lực quan trọng nhất và là mục tiêu cao nhất của sự phát triển. Không “hy sinh” tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần; **Thứ tư**, xây dựng nền kinh tế tự chủ trên cơ sở làm chủ công nghệ và tích cực hội nhập, nâng cao khả năng thích ứng, chịu đựng của nền kinh tế. Phát huy nội lực là yếu tố quyết định gắn với ngoại lực và sức mạnh thời đại; **Thứ năm**, thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả, và là thành viên có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế.

Thuta các Quý vị đại biểu,

Thị trường 100 triệu dân năng động và tiềm năng của Việt Nam hội tụ đầy đủ các yếu tố về thể chế, chính sách, hạ tầng, vị trí địa lý, sự ổn định về chính trị, xã hội, môi trường đầu tư và nguồn nhân lực để phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn mới. Trong 10 năm tới, Việt Nam sẽ tập trung thực hiện ba đột phá chiến lược về hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đẩy mạnh kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là hạ tầng chiến

lược. Chúng tôi cũng sẽ dành ưu tiên đặc biệt cho các dự án xây dựng kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Việt Nam mở ra nhiều cơ hội đầu tư, kinh doanh cho các doanh nghiệp ở các nước trong khu vực và trên toàn thế giới. Chúng tôi sẵn sàng cùng các bạn mở rộng hợp tác đầu tư vào các lĩnh vực hạ tầng chiến lược, năng lượng, công nghiệp chế tạo và phụ trợ, công nghiệp môi trường, nông nghiệp chất lượng cao, điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông, công nghệ sinh học, đô thị thông minh, và logistics. Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi và cùng đồng hành với các nhà đầu tư nước ngoài để tất cả cùng thắng, đồng thời chia sẻ rủi ro khi có nguyên nhân khách quan.

Thuta các Quý vị đại biểu,

Một châu Á vươn lên vì hòa bình, ổn định, phát triển và thịnh vượng chính là khát vọng chung các quốc gia trong khu vực. Đoàn kết, bình đẳng giữa các quốc gia; quyết tâm của các chính phủ; sự chung tay, đồng lòng của doanh nghiệp và người dân chính là chìa khóa để xây dựng một tương lai tươi đẹp cho châu Á. Với tinh thần đoàn kết, tự lực, tự cường, không ngừng đổi mới, sáng tạo và đi lên từ “bàn tay, khối óc, mảnh đất, khung trời, cửa biển” trên toàn châu lục, chúng ta hoàn toàn có thể “biến không thành có, biến khó thành dễ, biến điều không thể thành có thể”. Châu Á có trong tay cơ hội và sức mạnh để định hình vai trò và vị thế của mình trong giai đoạn mới của thế giới và để có thể nói rằng: **Tương lai là châu Á, châu Á cùng hướng đến Tương lai.**

Xin cảm ơn các quý vị đã dành thời gian lắng nghe và xin chúc Hội nghị thành công tốt đẹp./.

JOIN HANDS TO BUILD ASIA IN THE POST-COVID-19 ERA

On the morning of May 20, 2021, Prime Minister Pham Minh Chinh attended and delivered an important speech at the 26th International Conference on the Future of Asia in an online format. The Asia Pacific Economic Review would like to introduce the full text of the Prime Minister's speech "Joining hands to build Asia in the post-COVID-19 era".

Dear Mr. Chairman,

Dear Leaders,

Dear delegates,

Today, I am very pleased to attend and speak at the 26th Asia Future Conference. First of all, I would like to thank the Government of Japan and the Nikkei Group for inviting me to the very meaningful Conference. This. On this occasion, on behalf of the Government of Vietnam and with personal affection, I would like to send to the leaders, delegates respectful greetings and best wishes!

Dear delegates,

I applaud the Nikkei newspaper for choosing the right and appropriate topic for this Conference, which is: "Shaping the post-Covid era: Asia's role in global recovery"; demonstrates Asia's position and role in the fight against COVID-19 and economic recovery and development in the post-COVID-19 period. This year's conference took place in the context of the rapidly evolving, complicated, unpredictable and unpredictable COVID-19 epidemic situation in the world and in the region, having profound and strong impacts on the economy, socio-economic conditions and the lives of the people of the countries. The impact of the pandemic has revealed more sharply the

problems that Asia is also facing such as the development gap in institutions, infrastructure, technology; traditional and non-traditional security issues such as natural disasters, environmental pollution, climate change...; Moreover, the pandemic has profoundly changed the world's economic order, structure, mode of governance, economic activity, and social organization.

Dear delegates,

Asia has always held a particularly important position in the world economy and politics, having a far-reaching and multifaceted influence on shaping the new era. Over the past decades, Asia has steadily overcome many crises, recessions and natural disasters; rise to become a very important engine of the global economy. The initial success of Asian countries in disease prevention and control and economic recovery over the past time has proved the dynamism and intense vitality of a rising region to assert its position in the world. Changing.

However, the COVID-19 pandemic is assessed as "the biggest disaster that humanity has faced since the Second World War", has been and will have a profound impact on the world situation, the region and the world. sectors, as well as

the socio-economic life of all countries. More than ever, this is the time that requires all countries to put aside conflicts, disagreements, unite, unite to support and help each other, all together to overcome the pandemic. The more difficult times are, the more we need to unite, cooperate equally, and stick together to overcome difficulties and challenges together. Special circumstances require strong, drastic and special actions and solutions. We need a new cooperation framework with the necessary breakthroughs to both help the economy survive the pandemic and lay the foundation for sustainable and inclusive development in the future; together "Join hands to build Asia of peace, cooperation, stronger development in the post-COVID-19 era".

With the motto of strongly developing internal strength, adaptability, self-reliance; strengthen and consolidate international cooperation; With people as the center, with good core cultural values as the foundation, with difficulties and challenges as the driving force for cooperation, we need to focus on the following six cooperation contents:

Firstly, developing high-quality strategic infrastructure is an

effective measure to stimulate economic growth in the short term and at the same time a strategic breakthrough in the long term. At the current rate of development, Asia needs a solid infrastructure system to support economic development and smooth connectivity from North to South, from East to West. According to the Asian Development Bank, by 2030 developing Asian countries need to invest at least US\$1.7 trillion per year in infrastructure construction. We therefore welcome the high-quality strategic infrastructure initiatives proposed by the Government of Japan and its partners. We also need a new, innovative approach to raising capital and encouraging private sector participation, promoting public-private partnerships (PPPs), with public investment leading the way.

Second, promote the process of economic cooperation,

integration and linkage on an equal and effective basis, bilaterally and multilaterally, in order to ensure the flow of trade, investment and global supply chains. Asia's post-COVID recovery will depend heavily on its ability to sustain trade and investment both within the bloc as well as with external regions. These efforts need to be deployed at all levels from global, regional, inter-regional, to each country's domestic reform efforts. Open, rules-based economic integration frameworks such as the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) and the Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) will help promote further the process of regional economic recovery and development. At the same time, the parties need to discuss and figure out how to operate the regional economy in

accordance with the conditions of both anti-epidemic and economic development, giving priority to goods and people's movement, ensure the supply chain and production and business run smoothly.

Third, strengthening cooperation in the fields of science and technology, digital technology and digital transformation is the driving force to help Asia transform in the post-COVID period. To maximize the benefits and minimize the risks from the booming digital economy, we need to strengthen cooperation in: (1) Improve the efficiency of digital infrastructure and connectivity, especially in developing countries; (2) Building e-government and moving towards digital government, digital economy and digital society; (3) Improve people's digital literacy and understanding; training new skills for employees; (4) Coordinating

the development of frameworks on ensuring network security, data privacy, tax management and logistics system for e-commerce activities.

Fourth, promote sustainable and effective green growth right from the early stage of post-pandemic recovery. This will help guide the development of the entire economy on a more sustainable basis, ensuring ecological balance and addressing environmental challenges and climate change. We need to promote experience sharing and technology transfer in building a model of zero emission growth, circular economy, and sustainable management of natural resources; efforts to implement the Paris Agreement on climate change; timely completion of the United Nations 2030 Sustainable Development Goals; and reached a global agreement to combat ocean plastic waste.

Sixth, a prerequisite for recovery and prosperous development after the pandemic is to ensure an international environment of peace, stability, cooperation and development. In the context that the region and the world are focusing their resources on dealing with unprecedented urgent issues, first and foremost, countries need to contribute responsibly to this issue; mutual respect, equal cooperation and mutual benefit. Regarding the East Sea issue, it is necessary to resolve disputes and disagreements by peaceful solutions, respecting the law, especially the Charter of the United Nations, the 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea; promote multilateral cooperation mechanisms, fully and effectively implement the

Declaration on the Conduct of Parties in the East Sea (DOC) and closely coordinate in negotiating a Code of Conduct in the East Sea (COC).) soon to be effective; maintaining peace, cooperation, development in the region and freedom of navigation and overflight in the East Sea.

Vietnam participates responsibly and is willing to work with other countries to foster peace, stability, development and solidarity; for the common interests and prosperous development of each country and in the region; for the well-being and happiness of the people of the world.

The Vietnamese have a saying “Fire tests gold, hardships test”; There is a Japanese saying that **“Plum blossoms bloom in the snow”. We have a deep belief that we will unite, together “Building Asia in the post-COVID-19 era”**. This belief comes from Asian values and identities. Those are the values of community spirit, vision, perseverance, courage, discipline, adaptability and aspiration to rise.

Dear delegates,

Talking about the future of Asia, we cannot fail to mention the role of Japan - one of the world's leading advanced economies that has made important contributions to the development of the continent. Asian countries and Japan together weathered the 2008 financial crisis, becoming the engine of global economic growth, and today continue to work closely together to respond to the COVID-19 pandemic. Works and projects with the effective support of Japan spread throughout Asia, from transport infrastructure, energy to agriculture, healthcare,

technology, telecommunications, culture, education and health. community.

The Vietnam-Japan extensive strategic partnership continues to develop well, strongly and substantively in many fields, with high political trust. Vietnam appreciates the valuable support that the Government and people of Japan have given us in our socio-economic development over the past four decades. Vietnam welcomes Japan's efforts in regional connectivity, economic integration, and sustainable development, and hopes that Japan will continue to play an important role in consolidating peace, stability, cooperation and development. development in the region. On this occasion, I wish and believe that the Government and people of Japan under the brave and courageous leadership of Prime Minister Suga Yoshihide will continue to reap new successes in the cause of national construction and development, and successfully organize the Olympic and Paralympic Games 2021, making the event a symbol of global solidarity in the fight against the COVID-19 pandemic and proving the right assertion like Prime Minister Suga Yoshihide spoke.

Dear delegates,

Together with the international community, over the past year, Vietnam has made great efforts to respond to the COVID-19 pandemic. We would like to express our emotions and sincere thanks to countries in the region, especially Japan, for actively supporting Vietnam in responding to the COVID-19 epidemic, overcoming the consequences of floods, droughts, and droughts. drought, natural disaster. With

the high determination of the government and the consensus of the people, we focus on realizing the “dual goal” of both effective epidemic prevention and rapid socio-economic recovery and development. Some international institutions have assessed that Vietnam is among the economies with the best ability to recover from COVID-19 due to the stable socio-political situation; from the strength of great national unity; drastic, timely and effective measures of the Government; as well as a relatively solid macroeconomic foundation. We will promote the achieved results, overcome difficulties and challenges, and continue to develop the country based on three main pillars, which are the depth of the rich historical and cultural traditions of Vietnam, ethnicity, Vietnamese human values and natural resources.

Our view on development is: First, to develop quickly and sustainably on the basis of science and technology, innovation and digital transformation; ensure harmonious, reasonable and effective development between economy, culture, society, environmental protection and climate change adaptation. Taking the innovation of growth model, economic restructuring, green economic development, market demand, emerging industries and increasing labor productivity as orientation; Second, perfecting the development institution in a full, synchronous, modern and integrated manner is a prerequisite; creating a favorable, healthy and fair investment and business environment for all economic sectors; Third, promote the aspiration to develop a prosperous and happy country, the will to be

self-sufficient, and promote the great unity of the people to develop the country. Maximizing human values, taking people as the center, the subject, both as the most important resource as well as the driving force and the highest goal of development. Not “sacrificing” progress and social justice to pursue economic growth alone; Fourth, build an autonomous economy on the basis of technology mastery and active integration, improving the economy’s adaptability and tolerance. Promoting internal strength is a decisive factor associated with external forces and the strength of the times; Fifth, implement the foreign policy of independence, self-reliance, multilateralization, diversification, proactively actively integrate comprehensively, extensively and effectively, and be a responsible member to the community, international cooperation.

Dear delegates,

Vietnam’s dynamic and potential market of 100 million people fully converges factors of institutions, policies, infrastructure, geographical location, political and social stability, investment environment and environment. human resources to develop strongly in the new period. In the next 10 years, Vietnam will focus on implementing three strategic breakthroughs in improving institutions, improving the quality of human resources and promoting synchronous infrastructure, especially strategic infrastructure. We will also give special priority to projects that build the digital economy, green economy, circular economy and climate change adaptation.

The strong development

of Vietnam’s economy opens up many investment and business opportunities for businesses in countries in the region and around the world. We are ready to cooperate with you to expand investment cooperation in the fields of strategic infrastructure, energy, manufacturing and supporting industries, environmental industry, high-quality agriculture, electronics, information technology, information and communication, biotechnology, smart cities, and logistics. The Vietnamese government will continue to improve the business environment, create favorable conditions, and accompany foreign investors for all to win, and at the same time share risks when there are objective causes.

Dear delegates,

An Asia rising for peace, stability, development and prosperity is the common aspiration of all countries in the region. Solidarity and equality among nations; the determination of governments; The cooperation and solidarity of businesses and people is the key to building a beautiful future for Asia. With the spirit of solidarity, self-reliance, self-reliance, constantly innovating, creating and going up from “hands, minds, land, sky, sea” across the continent, we can completely “turn the impossible into yes, turn the difficult into easy, make the impossible possible”. Asia has the opportunity and the power to shape its role and position in the new phase of the world and to be able to say: The future is Asia, Asia is looking to the Future.

Thank you for taking the time to listen and wish the Conference a great success.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ HƯỚNG TỚI CHÍNH PHỦ SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025

“ Phát triển Chính phủ số một cách tổng thể, toàn diện, phát huy kết quả đạt được, tập trung nguồn lực, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, có giải pháp, cách làm đột phá, mang tính khác biệt, để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển Chính phủ điện tử vào năm 2021 và hình thành Chính phủ số vào năm 2025. ”



Ảnh minh họa

Đó là nội dung tại Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 đã được Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam ký phê duyệt.

Năm nhóm mục tiêu đến năm 2025 được đề ra trong Chiến lược gồm: Cung cấp dịch vụ chất lượng phục vụ xã hội; huy động rộng rãi sự tham gia của xã hội; vận hành tối ưu các hoạt động của cơ quan nhà nước; giải quyết hiệu quả các vấn đề lớn trong phát triển kinh tế-xã hội; thay đổi đột phá xếp hạng quốc gia, với các chỉ tiêu cần đạt là đưa Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu cả về chỉ số tổng thể, chỉ số tham gia điện tử cũng như chỉ số dữ liệu mở.

Trong đó, người dân, doanh nghiệp có thể sử dụng dịch vụ số theo nhu cầu cá thể hóa, theo suốt cuộc đời, khi cần, theo cách thuận tiện, trực tuyến hoặc trực tiếp, dễ dàng, đơn giản, nhanh

chóng, không giấy tờ, không cần sự hiện diện nếu pháp luật không yêu cầu.

Mỗi người dân có danh tính số kèm theo QR code, tiến tới đều có điện thoại thông minh. Mỗi hộ gia đình có địa chỉ số, có khả năng truy cập Internet cáp quang băng rộng; Mỗi người dân đều có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân. Mỗi trạm Y tế xã đều triển khai hoạt động quản lý trạm Y tế xã trên môi trường số. Mỗi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đều triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa dựa trên nhu cầu thực tế. Mỗi bệnh viện, trung tâm Y tế công đều triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, thanh toán viện phí không dùng tiền mặt, đơn thuốc điện tử. Công khai giá thuốc, giá trang thiết bị Y tế, giá khám chữa bệnh.

Mỗi học sinh, sinh viên đều có hồ sơ số về việc học tập cá nhân. Mỗi cơ sở đào tạo đều triển khai hoạt động quản lý dạy và học

trên môi trường số. Triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt, học liệu số. Triển khai đại học số là quốc gia số thu nhỏ, thay đổi mô hình dạy và học để tối ưu hóa vận hành các cơ sở đào tạo đại học, tối ưu hóa trải nghiệm học tập của sinh viên và khuyến khích các mô hình đào tạo mới.

Cơ quan Nhà nước thiết kế mô hình tổ chức, cách thức vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, tạo ra môi trường làm việc và công cụ làm việc để cán bộ, công chức, viên chức có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ của mình, kết nối và hợp tác với nhau dễ dàng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn...

6 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUỐC GIA

Chiến lược đề ra 6 nhiệm vụ trọng tâm quốc gia, gồm: 1-

Hoàn thiện môi trường pháp lý; 2- Phát triển hạ tầng số; 3- Phát triển các nền tảng số và hệ thống quy mô quốc gia; 4- Phát triển dữ liệu số quốc gia; 5- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ quốc gia; 6- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia.

Trong đó, các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ triển khai các dịch vụ cơ bản, thiết yếu liên quan đến người dân, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước cần được phát triển trước. Xác định dữ liệu về dân cư, đất đai, doanh nghiệp là dữ liệu trụ cột, cốt lõi cần phải hoàn thành, đưa vào khai thác sớm để dẫn dắt, liên kết, thống nhất toàn bộ dữ liệu trong cơ quan nhà nước về các ngành, lĩnh vực.

Xây dựng dữ liệu có phạm vi toàn quốc phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, ưu tiên dữ liệu trong các lĩnh vực quan trọng: hạ tầng không gian địa lý; bảo hiểm; Y tế, an sinh xã hội; tài chính; căn cước; hộ tịch; giáo dục; đào tạo; cán bộ công chức, viên chức; nông nghiệp; lao động, việc làm; phương tiện giao thông, xây dựng, xuất nhập khẩu.

Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân và doanh nghiệp có thể truy cập đến các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương qua một địa chỉ duy nhất trên mạng, tích hợp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của các bộ, ngành, địa phương theo lộ trình phù hợp theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa tạo môi trường thuận lợi thu hút mọi cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp tham gia

tích cực đóng góp và khai thác các tài nguyên tri thức số...

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định cũng nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, địa phương. Trong đó, trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phát triển hạ tầng mạng đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng ưu tiên thuê dịch vụ, kết nối và sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Triển khai Trung tâm dữ liệu phục vụ Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp và thực hiện kết nối với nền tảng điện toán đám mây Chính phủ theo mô hình do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ số gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ chuyên nghiệp, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, tận dụng, kết hợp tối đa với hạ tầng của các tổ chức, cá nhân đã đầu tư.

Phát triển các dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu người dân và theo các sự kiện trong cuộc đời, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần

thiết. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ như trợ lý ảo, trả lời tự động. Triển khai các nội dung khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, trước hết xem xét để giảm chi phí và thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến.

Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển Y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí. Gắn kết các dịch vụ đô thị thông minh với các dịch vụ chính quyền số. Triển khai đô thị thông minh tuân thủ Khung tham chiếu ICT, Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh.

Các bộ, ngành lựa chọn phát triển ứng dụng, dịch vụ quy mô quốc gia một cách phù hợp cho toàn ngành từ trung ương đến địa phương để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu...

Thanh Thủy (theo Chinhphu.vn)

E-GOVERNMENT DEVELOPMENT STRATEGY TOWARDS DIGITAL GOVERNMENT IN THE PERIOD OF 2021-2025



“ Develop a comprehensive and comprehensive digital government, promote the achieved results, focus resources, mobilize the participation of the whole political system, have solutions and ways to do breakthroughs and differences. , to basically complete the development targets of e-Government by 2021 and form a digital government by 2025. ”

That is the content of the Strategy for E-Government Development towards Digital Government in the period of 2021-2025, with a vision to 2030, signed and approved by Deputy Prime Minister Vu Duc Dam.

In which, people and businesses can use digital services according to their personalization needs, throughout their lives, when needed, in a convenient way, online or in person, easily, simply, quickly, no paperwork, no

presence unless required by law.

Every citizen has a digital identity with a QR code, and then there's a smartphone. Each household has a digital address and is able to access broadband fiber optic Internet; Every citizen has a digital health record. Each commune health station implements the management of commune health stations in the digital environment. Each medical examination and treatment facility deploys remote medical examination and treatment

consultation based on actual needs. Every hospital and public health center deploys electronic medical records, non-cash payment of hospital fees, and electronic prescriptions. Publicize drug prices, medical equipment prices, medical examination and treatment prices.

Each student has a digital record of personal learning. Each training institution deploys teaching and learning management activities in the digital environment. Implement

non-cash tuition payment, digital learning materials. Deploying digital university as a miniature digital country, changing the model of teaching and learning to optimize the operation of higher education institutions, optimize the learning experience of students and encourage training models. create new.

State agencies design organizational models and operating methods based on data and digital technology, creating a working environment and working tools for officials, public employees and employees to perform their best. their tasks, connect and cooperate with each other more easily, make more timely decisions, issue better policies, use resources more optimally...

6 national key missions

The strategy sets out six key national tasks, including: 1- Improving the legal environment; 2- Development of digital infrastructure; 3- Developing digital platforms and national scale systems; 4- Development of national digital data; 5- Developing national applications and services; 6- Ensuring national network safety and security.

In particular, national databases serving the implementation of basic and essential services related to people, businesses, and state agencies should be developed first. Identifying data on population, land, and businesses is the core data that needs to be completed and put into early exploitation to lead, link, and unify all data in state agencies on sectors and fields.

Building nationwide data for socio-economic development, prioritizing data in important areas: geospatial infrastructure; insurance, health care, social security; finance; identity card; civil; education; educate; officials and civil servants; Agriculture; labor and employment; means of transport, construction, import and export.

Develop and complete the National Public Service Portal so that people and businesses can access online public services of ministries, branches and localities through a single address on the network, integrating services Online public service level 3, level 4 of ministries, branches and localities according to the appropriate roadmap according to Decision No. 274/QĐ-TTg dated March 12, 2019 of the Prime Minister approving the Service Portal Project national public.

Developing a digital Vietnamese knowledge system creates a favorable environment to attract all agencies, organizations, people and businesses to actively participate in contributing and exploiting digital knowledge resources...

Key tasks of ministries, branches and localities

The decision also clearly states the key tasks of ministries, branches and localities. In which, within the scope of sectors, fields and geographical areas under their management, ministries, ministerial-level agencies, Governmental agencies, provinces and centrally-run cities are responsible for developing network infrastructure to meet the needs of the Internet. needs to deploy digital government at ministries, branches and localities in the direction of prioritizing service rental, connection and effective use of specialized data transmission networks of Party and State agencies. Deploying Data Centers to serve the Digital Government at ministries, branches and localities in the direction of using cloud computing technology, prioritizing the form of hiring professional services and connecting with the cloud computing platform The government follows the model guided by the Ministry of Information and Communications.

Developing Internet of Things (IoT) infrastructure for professional and specialized

applications in implementing Digital Government in association with smart city development at ministries, branches and localities, prioritizing the form of service hire professional services, ensuring effective implementation, avoiding overlap, making full use of and combining with the infrastructure of organizations and individuals that have invested.

Developing online public services based on people's needs and life events, people only provide information once, leveraging the power of technology to develop new digital services, simultaneously Time to cut some unnecessary services. Strong application of artificial intelligence technology in providing services such as virtual assistants, automatic answering. Implement content to encourage people to use online public services, first of all, to reduce costs and time for people when carrying out online administrative procedures.

To develop smart urban services suitable to actual conditions, characteristics and needs; Prioritize the development of services to solve pressing social problems in urban areas such as traffic congestion, environmental pollution, tourism development, health development, education development, management order of construction and must ensure efficiency, avoid formality and waste. Link smart city services with digital government services. Deploying smart cities in compliance with ICT Reference Framework, ICT Architecture for smart city development.

Ministries and branches choose to develop national-scale applications and services in an appropriate way for the whole industry from central to local to save cost and time in implementation. Data formed from shared applications and services is shared when there is a need....

Thanh Thuy

(According to Chinhphu.vn)

Người làm báo

GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG LẦN THỨ XIII

Trong không khí tung
bùng kỷ niệm 96 năm
ngày báo chí cách mạng Việt
Nam (21/6/1925-21/6/2021),
mỗi người làm báo cách mạng
Việt Nam càng thêm tự hào
và ý thức hơn về trách nhiệm
trong công tác thông tin,
tuyên truyền thực hiện thắng
lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần
thứ XIII.



Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 25/1-1/2/2021
đã thành công tốt đẹp. Ảnh: Tư liệu

6 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ 3 ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

Thực hiện mục tiêu đến năm
2025, nước ta là nước đang phát
triển, có công nghiệp theo hướng
hiện đại, vượt qua mức thu nhập
trung bình thấp; đến năm 2030,
là nước đang phát triển, có công
nghiệp hiện đại, thu nhập trung
bình cao; đến năm 2045, Việt
Nam trở thành nước phát triển,
thu nhập cao; Đại hội lần thứ XIII
của Đảng đề ra 6 nhiệm vụ trọng
tâm trong nhiệm kỳ 2021-2026,
đó là: **1-** Xây dựng Đảng và hệ
thống chính trị; **2-** Phát triển kinh
tế; **3-** Nhiệm vụ về quốc phòng,
an ninh, đối ngoại; **4-** Nhiệm vụ
về văn hóa, xã hội; **5-** Nhiệm vụ
về thực hiện dân chủ XHCN, đại
đoàn kết dân tộc; **6-** Nhiệm vụ về

quản lý tài nguyên, môi trường,
ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trong đó nhấn mạnh:

1- Đổi mới phương thức lãnh
đạo, cầm quyền của Đảng; tiếp
tục đẩy mạnh đấu tranh phòng,
chống quan liêu, tham nhũng,
lãng phí, tiêu cực, “lợi ích nhóm”,
những biểu hiện “tự diễn biến”,
“tự chuyển hóa”; nhấn mạnh
củng cố niềm tin, sự gắn bó của
nhân dân với Đảng, Nhà nước,
chế độ XHCN gắn với đẩy mạnh
học tập, làm theo tư tưởng, đạo
đức, phong cách Hồ Chí Minh và
thực hiện các quy định về trách
nhiệm nêu gương. Đổi mới mạnh
mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu
quả công tác cán bộ.

2- Tập trung kiểm soát đại
dịch COVID-19, tiêm chủng đại

trà vaccine COVID-19 cho cộng
đồng; phục hồi, phát triển kinh
tế-xã hội, xây dựng hoàn thiện
đồng bộ thể chế phát triển phù
hợp với nền kinh tế thị trường
đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát
triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết
giữa các khu vực, các vùng, các
thành phần kinh tế, các loại hình
sản xuất kinh doanh; ứng dụng
những thành tựu của cuộc CMCN
4.0; thực hiện chuyển đổi số quốc
gia, phát triển kinh tế số, nâng
cao năng suất, chất lượng, hiệu
quả, sức cạnh tranh của nền kinh
tế; huy động, phân bổ, sử dụng có
hiệu quả các nguồn lực, tạo động
lực để phát triển kinh tế nhanh và
bền vững.

3- Giữ vững độc lập, tự chủ,
tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu

quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

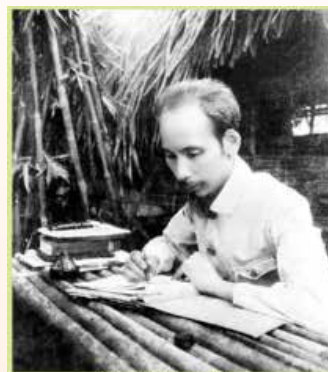
4- Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước Việt Nam phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

5- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là việc thực thi tinh thần “thượng tôn pháp luật”.

6- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nhằm thực hiện mục tiêu được Đại hội thông qua, Nghị quyết đã đề ra 3 đột phá chiến lược. Cụ thể là:

i) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường



Chủ tịch Hồ Chí Minh
Ngày Báo chí cách mạng Việt Nam
(21/6/1925)



Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người sáng lập Báo Thanh Niên (21/6/1925)

định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả.

ii) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát

triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin,



Bác Hồ nói chuyện với các nhà báo tháng 9/1960. Ảnh: Tư liệu

TRONG THỜI KHẮC NÀO NHÀ BÁO VẪN LÀ NHỮNG CHIẾN SĨ TIỀN PHONG TRÊN MẶT TRẬN KINH TẾ VĂN HÓA XÃ HỘI

Trách nhiệm của những người làm báo là phải cung cấp thông tin kịp thời nhưng phải đảm bảo sự trung thực, tính chính xác và quyền phát ngôn của những người chúng ta quan tâm, khai thác thông tin, điều đó được pháp luật bảo vệ. Báo chí chân chính là làm tròn trách nhiệm của mình nhưng không làm thiệt hại đến quyền và lợi ích của người khác. Trong suốt cuộc đời mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc nêu gương những người tốt, việc tốt để tuyên truyền và giáo dục cho đông đảo quần chúng nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới”. Trong những năm qua lực lượng Báo chí luôn đi đầu trong mặt trận tuyên truyền, lan tỏa những giá trị sống thông qua phản ánh, định hướng và biểu dương những nhân tố mới trong mọi lĩnh vực như: sản xuất kinh doanh, văn hóa - văn nghệ, y tế, giáo dục. đồng thời phản ánh sinh động đời sống và dòng chảy của xã hội. Báo chí đã và đang nhận trọng trách to lớn thực hiện sứ mệnh cao cả mà Đảng và Nhà nước giao cho để thể hiện một cách nhất quán tư tưởng đạo đức và nhân cách Hồ Chí Minh cùng với nhân dân xây dựng một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nhân kỷ niệm 96 năm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/06/1925-21/06/2021), phóng viên Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương đã ghi lại tâm tư của những nhà quản lý, Doanh nghiệp về những suy nghĩ của mình về Nghề báo và những thách thức trong tình hình mới hiện nay.

ÔNG PHẠM NGỌC HƯNG, PHÓ CHỦ TỊCH HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH NHIỆM KỲ VI (2016-2021):

Đối với các Doanh nghiệp thì Nhà báo là bạn đồng hành của Doanh nghiệp, và sự phát triển của Doanh nghiệp gắn liền với sự đóng góp và đồng hành của các Nhà báo. Bản thân Doanh nghiệp luôn tìm hiểu thị trường từ các kênh thông tin lớn nhất, tin cậy nhất về thị trường để kinh doanh cũng là nhờ những tin tức của các Nhà báo, những tiếp cận chính sách của Nhà nước cũng như những khó khăn của Doanh nghiệp thì cũng luôn luôn được các Nhà báo phản ánh thiết thực, tích cực và nhanh chóng. Ngoài ra, Doanh nghiệp cũng rất cần Nhà báo quảng bá thương hiệu để đưa thông điệp của mình đến người tiêu dùng cũng như ghi nhận những ý kiến của mình để hoàn thiện và phát triển. Tóm lại, Nhà báo và doanh nghiệp là những người bạn không thể tách rời nhau được.

Trong những ngày mà dịch Covid đang diễn biến phức tạp, phải nói rằng bản lĩnh của Nhà

Báo đã phản ánh được tình hình của Doanh nghiệp gặp khó khăn, nguyên nhân và cách giải quyết... Những gói hỗ trợ của Chính phủ được phản ánh rõ nét đều có sự chung tay của Báo chí kịp thời cho Doanh nghiệp hiểu rõ những chính sách của Đảng và Nhà nước để điều chỉnh cho phù hợp. Chính vì sự đóng góp quan trọng của đội ngũ Báo chí, cho nên thời gian qua tôi rất lo lắng cho lực lượng Biên tập viên, Phóng viên, đây là những lực lượng cũng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid, nhiều anh chị em chưa được chích ngừa, thậm chí có phóng viên của Đài truyền hình khi đi lấy tin bài mà chưa tiêm ngừa Covid thì rất lo lắng, vậy cơ chế cho phóng viên cũng phải đặt lên hàng đầu để hạn chế nguồn lây nhiễm cho cộng đồng. Những người khác trên tuyến đầu, không thể đánh giá hết những vất vả, nhưng các Nhà báo, Phóng viên cũng phải được ưu tiên như tuyến đầu chống dịch, và Nhà nước cũng phải có cơ chế để



bảo vệ họ trong thời gian dịch bệnh như thế này.

Tóm lại, thực tế cho thấy trong 96 năm đã qua, báo chí Việt Nam của chúng ta luôn đi đầu trong thông tin về những sự kiện lớn, vấn đề mới của đất nước, đi đầu trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng đạo đức từ việc bám sát thực tiễn sinh động, phản ánh trung thực dòng chảy phát triển của xã hội.

ÔNG NGUYỄN CHÍ NGUYỄN, PHÓ CHỦ TỊCH KIÊM TỔNG THƯ KÝ HỘI ĐỒNG DOANH NHÂN VIỆT NAM-HOA KỲ

Trước tiên xin được gửi lời chúc tốt đẹp đến quý nhà báo và những người làm các công việc liên quan đến báo chí trong ngày kỷ niệm đáng nhớ nhất của mình 21/6.

Là Doanh nghiệp, từ rất lâu rồi chúng tôi đã song hành cùng các bạn, vui sẻ chia và buồn lo cùng san sẻ. Với suy nghĩ hạn hẹp của mình tôi cho rằng, kinh tế cũng như văn hóa đều là những mặt trận mà ở đó các bạn là những chiến sĩ ở tuyến đầu. Cụ thể, các bạn đã truyền tải thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội... giúp cho Doanh nghiệp, cho những người tiêu dùng một cách kịp thời, có hiệu quả để từ đó đề ra những hoạt động đáp ứng yêu cầu nhanh nhạy của thị trường. Chính từ những ngòi bút sắc bén của mình, các bạn đã nhân rộng những sản phẩm, con người, hoạt động tốt, nhân văn và



hữu ích cho xã hội. Đồng thời Báo chí cũng là nơi cảnh báo, góp phần ngăn chặn và đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng đến sức khỏe, tài chính, nhận thức của người tiêu dùng...

Tại Thành phố Hồ Chí Minh, báo chí đã làm được rất nhiều cho

thành phố, cho đất nước này. Dù đó là những sự kiện báo chí lớn, rầm rộ được mọi người quan tâm hay chỉ là những công việc thầm lặng, bền bỉ và tận tâm của những con người bình thường. Dù ở nơi đô thị nhộn nhịp, sôi động hay những nơi xa xôi hẻo lánh đầy hiểm nguy, Nhà báo luôn hiện diện, độc giả sẽ không bao giờ quên các chiến sĩ báo chí. Ngày nay, trong thế giới phẳng và thời đại 4.0, chúng tôi biết các bạn sẽ nỗ lực rất nhiều để đáp ứng yêu cầu của công việc. Mong rằng với trình độ được cập nhật từng ngày, với tâm trong sáng, vững tay bút các bạn sẽ là những người 'gạn đục khơi trong' để hướng dư luận đến những thông tin chính xác, tích cực, góp phần xây dựng Thành Phố này và đất nước Việt Nam ngày càng phát triển hơn.

ÔNG PHẠM LÂM - CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN DKRA VIỆT NAM (DKRA VIET NAM)



DKRA Việt Nam quan niệm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp dựa trên sự hài hòa lợi ích của tất cả các bên trong đó có phần đóng góp không nhỏ của lực lượng báo chí, các Nhà báo đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế văn hóa cũng như sự dẫn dắt thị trường theo chiều hướng

tích cực, và vai trò đó càng trở nên quan trọng trong việc thông tin kịp thời tích cực trong đại dịch Covid hiện nay.

Mặc dù mạng xã hội đã và đang hoạt động rất nhiều trên không gian mạng với nhiều luồng thông tin khác nhau. Nhưng Báo chí đóng vai trò chen chốt, báo chí vẫn là nguồn thông tin chính thống đa dạng và dẫn dắt thị trường, định hướng và triển khai những thông tin thuận lợi hơn cho người đọc. Trong tình hình hiện nay, dù thế nào chăng nữa cũng không thể thay thế vai trò của Báo chí. Thời đại công nghệ số, các anh chị Nhà báo luôn thể hiện bản lĩnh của mình, chất lọc những thông tin chính xác, nhanh chóng thiết thực hơn đến với người dân, phát huy được vai trò mà Đảng và Nhà nước giao phó, nhanh chóng kịp thời. Ngay cả khi thuận lợi thì vẫn có những thách thức. Trong tình hình hiện tại, báo chí mang đến cho người dân những thông

tin bổ ích và tránh những thông tin xấu, độc. Đó là vai trò, là sứ mệnh và là kim chỉ nam mà trong suốt mấy chục năm qua Báo chí đã thể hiện được bản lĩnh cũng như tiên phong trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Ngày nay, một số không gian mạng như FB, Tik tok hay Zalo... đã chiều về văn hóa nhưng với định hướng chuyên nghiệp của báo chí thì không thể có gì thay thế được, do vậy theo tôi nghĩ, Báo chí vẫn là những chiến sĩ đi đầu trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa của đất nước. Tôi nghĩ rằng, báo chí không dừng lại ở phản ánh, mà báo chí còn định hướng tư tưởng thông qua biểu dương những nhân tố mới, những gương sáng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương điển hình tiên tiến để cái tốt ngày càng sinh sôi, cái xấu ngày càng bị đẩy lùi.

Ngọc Thủy (thực hiện)

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG KHÔNG TÁCH RỜI CHỦ NGHĨA MÁC LÊN NIN VỚI TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

ThS. Đỗ Minh Khánh

Phó Trường Khoa Xây dựng Đảng - Trường chính trị tỉnh Lai Châu



“ Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận chủ yếu quyết định sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Nghiên cứu lịch sử hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng ta thấy rõ con đường Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Người đã nghiên cứu, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin một cách cơ bản, hệ thống. Theo Người: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi đã nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác”.

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ “tách mình” ra khỏi C.Mác, Ph.Ăng-ghe-n và V.I.Lênin để đưa ra các quan điểm riêng, mà như Người nói là “cố gắng vận dụng” tư tưởng của các nhà kinh điển đó, “nhưng vận dụng một cách sáng tạo phù hợp với thực tiễn Việt Nam”. Do vậy, Chủ nghĩa Mác - Lênin là nguồn gốc lý luận chủ yếu quyết định sự hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin đã cung cấp cho Chủ tịch Hồ Chí Minh thế giới quan, phương pháp luận khoa học,

những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; đồng thời, đặt “hòn đá tảng” những vấn đề có tính nguyên tắc về lập trường quan điểm, về tinh thần xử lý mọi việc.

Bản chất của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là khoa học và cách mạng. Vì thế, không thể tách rời mối quan hệ vốn có giữa tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin; không thể lấy tư tưởng Hồ Chí Minh để thay thế cho chủ nghĩa Mác - Lênin và ngược lại; Không thể đề cao hoặc tuyệt đối hóa tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như bằng cách này hay cách

khác lại phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin. Tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Những cống hiến đó có được trước hết do Người đã nắm được bản chất cốt lõi, “linh hồn sống” trong tư tưởng của các nhà kinh điển Mác - Lênin là phép biện chứng duy vật.

Để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, ngày 22-10-2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW “Về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Nghị quyết chỉ rõ: “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước”.

Công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng theo tinh thần Nghị quyết 35 của Bộ Chính trị có nội dung rất toàn diện, từ bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đến bảo vệ Cương lĩnh, đường lối lãnh đạo của Đảng, từ bảo vệ Nhà nước pháp quyền XHCN, bảo vệ Nhân dân đến bảo vệ sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, từ bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc đến bảo vệ công cuộc hội nhập quốc tế, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước, từ bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách, pháp luật đến việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, các quan

điểm xuyên tạc, bịa đặt của các thế lực thù địch, của các phần tử cực đoan, cơ hội, thoái hóa, biến chất... Phải thường xuyên giáo dục cho toàn Đảng tinh thần tự phê bình và phê bình, làm cho Đảng luôn trong sạch, vững mạnh theo đúng nguyên lý xây dựng Đảng kiểu mới của VI. Lênin và Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng.

Đối với Trường Chính trị tỉnh Lai Châu, nhiệm vụ của mỗi cán bộ, đảng viên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng phải xuất phát từ những hành động cụ thể gắn với công việc, cuộc sống hàng ngày. Mỗi cán bộ, đảng viên phải là trung tâm của trí tuệ, hạt nhân của sự đoàn kết, thống nhất ở địa phương, trong cơ quan, đơn vị công tác; Luôn tuân thủ Điều lệ, chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết và các quy định của Đảng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, cán bộ, đảng viên còn phải là công dân gương mẫu, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước. Khi phát hiện các trường hợp cán bộ, đảng viên hoặc người dân có những phát ngôn thể hiện sự bất mãn hay thái độ thiếu nghiêm túc khi bình luận về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về Đảng, hay thể hiện quan điểm cá nhân trên mạng xã hội có biểu hiện lệch lạc, không đúng mực về một số vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội thì phải kịp thời báo cáo cấp ủy; đồng thời chủ động phân tích, khuyến can để chấn chỉnh nhận thức, đã thông tư tưởng cho họ, đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ nhằm gột rửa cho sạch thói hư, tật xấu để

uy danh của Đảng sống mãi trong lòng nhân dân. Đó là phương cách hiệu quả nhất để đất nước đổi mới, ổn định và phát triển bền vững.

Đảng ta xác định rất rõ: công cuộc đổi mới hiện nay phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không phải xa rời mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Những biểu hiện tư tưởng cổ tinh tách rời, cô lập tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách “ra vẻ” đề cao hoặc “nâng tầm” tư tưởng Hồ Chí Minh là hoàn toàn trái với quan điểm, đường lối của Đảng ta. Vì vậy, cần kiên quyết đấu tranh chống các quan điểm sai trái để bảo vệ và phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam; bảo vệ nền tảng tư tưởng không tách rời chủ nghĩa Mác - Lê Nin với tư tưởng Hồ chí Minh, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.2, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.289
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.315.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.668
4. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb CTQG-ST, H.2016, tr.69

Làng Sen Việt Nam

NƠI KẾ THỪA TINH HOA VĂN HÓA VIỆT

“ Nói đến văn hóa Việt Nam thì đa phần các đề tài, người ta thường cắt gọt một vài chi tiết bé nhỏ của hiện tượng văn hóa để chia sẻ. Tuy là đề tài đưa ra là những mảng miếng rời rạc, một phần của bức khảm văn hóa hùng vĩ đồ sộ của Việt Nam nhưng luôn luôn thu hút sự quan tâm đông đảo bạn bè trong và ngoài nước. ”



Ví dụ Nhật Bản từ một nước phong kiến như Việt Nam ta hồi thế kỷ 19, đã áp dụng mạnh mẽ *phong trào giáo dục dân gian* để hun đúc con người biết về giá trị nguồn cội và quốc dân phẩm tính, từ đó mà nhanh chóng trở thành một cường quốc văn minh hiện đại. Ở Việt Nam gần đây cũng đã nổi lên Dự án Làng Sen Việt Nam (Đức Hòa – Long An) của Nhà phát triển công trình xanh Phuc Khang Corporation như đơn vị cũng tiên phong đặt nền móng và duy trì những giá trị văn hóa truyền thống, là nơi hội tụ văn hóa ba miền Bắc- Trung- Nam.

“Cây có gốc mới trở cành xanh ngọn,

Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu.

Con người ta có từ đâu,

Có tổ tiên trước, rồi sau mới có mình.”

(Ca dao Việt Nam)

Các thành viên của gia đình Phúc Khang hầu hết là dân đến từ nhiều nơi khác nhau nhưng cùng chung lý tưởng, hướng đến chân- thiện- mỹ, họ gắn kết với nhau thực hiện từng ngày, từng chi tiết tỉ mỉ để kiến tạo nên những sản phẩm mang giá trị xanh và truyền thống Việt. Chính vì có yếu tố bản ngã chân chính, thấu hiểu được nhu cầu cuộc sống của người dân đến từ nhiều vùng miền văn hóa khác nhau, cùng thụ hưởng thời kinh tế tri thức, Phúc Khang đã đánh thức phạm trù “ký ức hồn quê” bằng nhiều yếu tố lồng ghép vào sản phẩm bất động sản khiến cho ngũ giác quan của tất cả những người con Việt Nam dễ dàng được “chạm” vào những điều thân thuộc mến yêu như đang hiện diện trên chính quê hương mình được sinh ra.

Tính theo không gian văn hóa thì miền Bắc của Việt Nam bao

gồm các tiểu vùng như Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ và Đồng Bằng Sông Hồng; ở miền Trung của Việt Nam gồm có các tiểu vùng như Bắc Trung Bộ, Khu vực duyên hải, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên; và miền Nam của Việt Nam thì gồm có Đông Nam Bộ, tiểu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và đồng bằng sông Cửu Long. Theo đó, Phúc Khang dựa theo đó đã dành phần lõi trung tâm dự án Làng Sen Việt Nam để phát triển các không gian sinh hoạt cộng đồng cho cư dân với công viên Bách Việt, cùng với đó là dãy thương mại Cửu Long - Sông Hồng mô phỏng kiến trúc đặc trưng của các vùng miền với những hình ảnh cây đa, bến nước, mái hiên của phố cổ Hội An hay văn hoá trên bến dưới thuyền quen thuộc của người dân Nam Bộ. Đặc biệt, Trung tâm hội nghị Tre Việt trên Hồ

Tịnh Đê Liên do kiến trúc sư Võ Trọng Nghĩa thiết kế đã dùng các nguyên liệu truyền thống từ cây tre, cây vọt, tầm vong xây dựng nên khiến cho những ai đến đây đều thỏa sức tưởng tượng về hình ảnh chiếc nón lá truyền thống, chim Lạc trên trống đồng, không gian như trong hang động người xưa, hay như khi chụp hình từ trên đài quan sát sẽ có cảm giác như đang ở đỉnh nóc nhà Nam bộ Núi Bà Đen. Công trình này đã giúp cho Làng Sen Việt Nam đạt được kỷ lục quốc gia với danh hiệu **“Kỷ lục Nhà tre lớn nhất Việt Nam”** năm 2015, ngoài ra còn có một kỷ lục khác nữa chính là Cổng chào Lạc Việt là Cổng chào có họa tiết trống đồng lớn nhất Việt Nam năm 2019.

Với lợi thế khí hậu nhiệt đới gió mùa, hoa trái quanh năm, đặc biệt là những vườn rau xanh luôn dư dả để tổ chức nhiều bữa tiệc lớn tại đây. Nào là đậu lạc, dây gấc, khóm sả, vườn chuối, mít nghệ lúc lửu quả khiến cho chúng ta như được tiếp nhiều năng lượng từ thiên nhiên trù phú ban tặng.

Ký ức hồn quê không chỉ hiện ra với cánh diều trong buổi hoàng hôn, không chỉ là ao sen bát ngát hay lũy tre ngà khắc ghi chuyện đời xưa tích cũ, mà Chủ đầu tư Phúc Khang Corporation còn tổ chức định kỳ các lễ hàng năm như Tết Nguyên Đán, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày Quốc tế Thiếu Nhi, Trung Thu Làng Sen, Ngày Hiến Chương Nhà Giáo... Qua đó, các nghệ sỹ chuyên nghiệp và nhiều chuyên gia nghiên cứu văn hóa xây dựng đa dạng kịch bản sân khấu hóa để quý cư dân cũng như các thành viên Phúc Khang được dịp trải nghiệm nhiều góc



Sinh viên đại học tham quan dự án Làng Sen Việt Nam. Ảnh: Phúc Khang

độ văn hóa các vùng miền như Quan Họ, ca Huế, đờn ca tài tử cải lương, hát bội...

Làng Sen Việt Nam còn là niềm tin và điểm tựa nghiên cứu cho nhiều trường Đại Học như Đại học Bách Khoa, Đại học KH-XH và NV, Đại học Thủ Dầu Một... để quý thầy cô và các bạn sinh viên có thể cắm trại, homestay thực hiện các đề án phát triển công trình xanh và bền vững.

Nếu hồ sen Tịnh Đê Liên là nơi để trăm ngàn hoa sen tỏa sắc rạng ngời đầy khí khái của chân-thiện-mỹ thì Làng Sen Việt Nam của Phúc Khang Corporation đã và đang và sẽ là nơi hội tụ tinh hoa bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, để mỗi người con Việt Nam đến đây vẫn an cư lạc nghiệp mà không lạc lối tâm hồn về nguồn cội.

Ngọc Thủy - Đ. Khoa

ĐẦU TƯ THÔNG MINH TẠI THÀNH PHỐ SMART21



Từ khi ra mắt vào tháng 4/2021 đến nay, Lavita Thuan An luôn là dự án được đánh giá có sức hút bậc nhất tại Bình Dương

Năm 2021, Bình Dương tiếp tục trở thành đại diện duy nhất của Việt Nam góp mặt trong danh sách đô thị có chiến lược phát triển thành phố thông minh tiêu biểu thế giới (Smart21) của Diễn đàn cộng đồng thông minh thế giới (ICF). Với nỗ lực đã được ghi nhận, kế hoạch phát triển trở thành đô thị thông minh, phát triển toàn diện từ kinh tế - xã hội đến hạ tầng giao thông... của Bình Dương đã tạo thêm nhiều động lực và niềm tin cho các nhà đầu tư ở các lĩnh vực nói chung và nhà đầu tư bất động sản nói riêng.

Ghi nhận từ thực tế, đây hiện là tỉnh thành có thị trường bất động sản phát triển sôi động bậc nhất khu vực phía Nam chỉ sau TP.HCM. Đánh giá về tiềm năng tăng trưởng của thị trường

“Xuất hiện ngay thời điểm sóng an cư và đầu tư diễn ra mạnh mẽ tại Bình Dương - thành phố Smart21, Lavita Thuan An đang được xem là khu căn hộ đáng sống bậc nhất khi đáp ứng nhu cầu an cư chất lượng, đồng thời hội tụ đủ yếu tố hấp dẫn các nhà đầu tư.

bất động sản Bình Dương, các chuyên gia cho biết Bình Dương đã trở thành cực phát triển trọng điểm, bật lên từ chính thể mạnh hạ tầng và vai trò thiết yếu trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Tốc độ phát triển của thủ phủ công nghiệp đứng đầu cả nước đang là nhân tố chủ lực kéo theo sự phát triển rầm rộ của bất động

sản nhà ở, đặc biệt là phân khúc căn hộ, đất nền.

Có thể thấy, mặc dù thị trường bất động sản nói chung đã phải trải qua nhiều biến động và bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh trong năm 2020, tuy nhiên phân khúc căn hộ vẫn không hề hạ nhiệt, đặc biệt tại những dự án mới gia nhập thị trường TP. Dĩ An và Thuận An. Người mua đa số đang sinh sống và làm việc tại phía Đông TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai...

Bên cạnh đó, sự gia nhập của thể hệ người trẻ là hàng triệu chuyên viên, chuyên gia quản lý, kỹ sư, chuyên gia nước ngoài... tại các khu kinh tế, với mức thu nhập cao cùng phong cách sống hiện đại cũng tạo nên một nhóm khách hàng mới. Ghi nhận từ các sàn giao dịch tại Bình Dương, những dự án dọc trục Đại lộ Bình Dương (Quốc lộ 13) đang có mãi lực tốt hàng đầu. Riêng những dự án gần giao lộ thuận tiện cho di chuyển như Lavita Thuan An (do Hưng Thịnh Land phát triển) ngay mũi tàu Quốc lộ 13 - Nguyễn Thị Minh Khai được nhiều khách hàng là người mua để ở lẫn nhà đầu tư quan tâm.

Là một doanh nghiệp bất động sản có kinh nghiệm triển khai hàng loạt dự án đáp ứng nhu cầu ở thực tại TP.HCM, từng thành công với dự án New Galaxy tại TP. Dĩ An (Bình Dương), Hưng Thịnh Land đã mang đến TP. Thuận An khu căn hộ với không gian sống chất lượng cao. Dự kiến khi hoàn thành, Lavita Thuan An sẽ cung cấp cho thị trường gần 2.500 căn

hộ chất lượng, trở thành nơi đáng sống của cộng đồng dân cư đang sinh sống và làm việc tại Bình Dương nói riêng và toàn vùng TPHCM nói chung.

Với mật độ xây dựng chỉ 28%, Lavita Thuan An **được quy hoạch với** chuỗi tiện ích nội khu đồng bộ theo định hướng tối ưu chất lượng cuộc sống như hồ bơi rộng đến 800m², sân thể thao ngoài trời, khu vui chơi trẻ em, sân khấu ngoài trời, thác nước cảnh quan nhiều tầng, khu BBQ... và đặc biệt là hệ thống shophouse với đa dạng dịch vụ.

Đội ngũ thiết kế đặt mình vào vị trí của người mua để mang đến những giá trị tốt nhất cho cuộc sống của cư dân Lavita Thuan An tương lai. Theo đó, những căn một phòng ngủ có diện tích nhỏ phù hợp với những người trẻ muốn có cuộc sống tự lập hoặc các cặp vợ chồng mới cưới. Trong khi đó, những gia đình có nhiều thành viên hơn có thể lựa chọn các căn 2-3 phòng ngủ. Mỗi ngày, cư dân có thể chạy bộ tại đường nội khu rợp bóng cây xanh, rèn luyện sức khỏe tại khu gym, hồ bơi; trẻ em có thể thỏa sức khám phá tại khu vui chơi, người cao tuổi có thể tận hưởng bầu không khí trong lành giữa sắc xanh cây cỏ. Đây là lối sống mà cư dân hiện đại hướng đến, cân bằng giữa nhịp sống sôi động và những khoảnh khắc bình yên ngay giữa lòng phố thị.

Sở hữu một không gian sống hài hòa giữa thiên nhiên và trải nghiệm tiện nghi, đủ đầy đang là chuẩn sống mới của cư dân thành thị. Điều này phản ánh nhu cầu được tận hưởng bầu không khí trong lành, đặc biệt khi tốc độ đô thị hóa gia tăng nhanh chóng tại TPHCM và các địa phương lân cận.



Lavita Thuan An được chú trọng kiến tạo cảnh quan, tiện ích đáp ứng nhu cầu an cư lẫn đầu tư cho thuê



Khu hồ bơi rộng thoáng và hiện đại trong lòng khu căn hộ Lavita Thuan An

Tại Bình Dương, nơi được mệnh danh là “thủ phủ công nghiệp” phía Nam và đang được quy hoạch theo hướng trở thành thành phố thông minh, việc phát triển các dự án căn hộ có nhiều mảng xanh, hiện đại, tiện nghi và tiệm cận chuẩn mực cao cấp của TPHCM đóng vai trò quan trọng. Hướng phát triển này không chỉ mang đến lợi ích cho cư dân, mà còn đóng góp vào sự thịnh vượng của đô thị thông minh Bình Dương tương lai, mở ra cơ hội gia tăng giá trị bất động sản.

Điểm cộng của Lavita Thuan An là mức giá cạnh tranh tại khu

vực, đồng thời áp dụng chính sách bán hàng ưu đãi như thanh toán 20% khi ký hợp đồng mua bán, chỉ cần thanh toán 30% cho đến khi nhận nhà. Ngoài ra khách hàng còn được Ngân hàng Tiên Phong (TPBank) và Ngân hàng Quân đội (MBBank) hỗ trợ chính sách vay với lãi suất ưu đãi từ 8,7%.

Hưởng lợi từ sự phát triển đồng bộ về quy hoạch, hạ tầng, tiện ích của địa phương duy nhất của Việt Nam được vinh danh là thành phố Smart21, dự án Lavita Thuan An với pháp lý đã được hoàn thiện sẽ làm gia tăng giá trị đầu tư và giúp khách hàng an tâm sở hữu.



XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ

Thông báo

TỪ NGÀY 01/7/2020

Hội đồng XSKT miền Bắc thay đổi cơ cấu trả thưởng XSKT miền Bắc như sau:

Mới

**MỞ THƯỞNG CÁC NGÀY MÙNG 1 ÂM LỊCH
VÉ 10.000 Đ - 20 KÝ HIỆU**

**TỔNG GIÁ TRỊ 8 VÉ
GIẢI ĐẶC BIỆT**

4 TỶ ĐỒNG

MỖI VÉ 500 TRIỆU ĐỒNG

12 GIẢI PHỤ CỦA GIẢI ĐẶC BIỆT - MỖI GIẢI 25 TRIỆU ĐỒNG

**MỞ THƯỞNG HÀNG NGÀY
VÉ 10.000 Đ - 15 KÝ HIỆU**

**TỔNG GIÁ TRỊ 6 VÉ
GIẢI ĐẶC BIỆT**

3 TỶ ĐỒNG

MỖI VÉ 500 TRIỆU ĐỒNG

9 GIẢI PHỤ CỦA GIẢI ĐẶC BIỆT MỖI GIẢI 25 TRIỆU ĐỒNG

Từ giải nhất đến giải bảy và giải khuyến khích của tất cả các ngày không đổi

Giải Nhất - Mỗi giải 10.000.000đ (Quay 1 lần 5 số)

Giải Nhì - Mỗi giải 5.000.000đ (Quay 2 lần 5 số)

Giải Ba - Mỗi giải 1.000.000đ (Quay 6 lần 5 số)

Giải Tư - Mỗi giải 400.000đ (Quay 4 lần 4 số)

Giải Năm - Mỗi giải 200.000đ (Quay 6 lần 4 số)

Giải Sáu - Mỗi giải 100.000đ (Quay 3 lần 3 số)

Giải Bảy - Mỗi giải 40.000đ (Quay 4 lần 2 số)

Giải khuyến khích của giải đặc biệt - Mỗi giải 40.000 đồng

*Vé trúng nhiều giải
được lĩnh đủ giá trị
các giải*



XỔ SỐ KIẾN THIẾT - ÍCH NƯỚC, LỢI NHÀ

TỈNH HÒA BÌNH

CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA CÓ GIÁ TRỊ VÀ HIỆU QUẢ CAO

“Tái cơ cấu ngành nông nghiệp là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, có ý nghĩa sâu sắc về kinh tế - xã hội và môi trường giúp ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn thực hiện chiến lược công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.”

Qua 5 năm thực hiện Đề án, diện mạo ngành nông nghiệp tỉnh Hòa Bình đã có nhiều khởi sắc, một số lĩnh vực thể mạnh phát triển tốt. Trong giai đoạn 2016 - 2020, tăng trưởng bình quân ngành nông nghiệp đạt khoảng 4,1%/năm, chiếm gần 20% cơ cấu kinh tế của tỉnh; 46% số xã đã về đích nông thôn mới (sau sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã, đến cuối năm 2020 có 44,3% số xã đạt 19 tiêu chí); độ che phủ rừng đạt trên 51%. Nông thôn ngày càng khang trang; môi trường sống được bảo vệ; đời sống vật chất, tinh thần của nông dân được cải thiện.

Theo Bộ tiêu chí giám sát thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, có 8/14 chỉ tiêu vượt, 1/14 chỉ tiêu đạt so với mục tiêu khu vực miền núi phía Bắc, đặc biệt là tăng trưởng ngành ở mức cao, sản phẩm chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa có giá trị và

hiệu quả cao; cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản. Trình độ khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp ngày càng được nâng cao, góp phần tăng năng suất và chất lượng nông sản. Giá trị sản phẩm thu được trên một đơn vị canh tác tăng.

Nhằm phát huy các kết quả đã đạt được của ngành nông nghiệp trong thời gian qua, thực hiện Quyết định số 255 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 1014 ngày 19/5/2021 Phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021 - 2025. Đề án đặt mục tiêu:

Phát triển nông nghiệp là nền tảng theo hướng an toàn, hiệu quả, sản xuất hàng hóa lớn gắn với thị trường tiêu thụ, gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, du lịch, bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025: Phần đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm, thủy sản bình quân hàng năm đạt 4,5 - 5%. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng từ 51,5% trở lên. Tỷ lệ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh của dân cư nông thôn là 95%. Trong đó phần đầu 60% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch. Tỷ lệ nông sản hàng hóa qua sơ chế, chế biến đạt trên 30%. Có trên 16 sản phẩm OCOP được chuẩn



Xây dựng các mô hình rau hữu cơ, rau an toàn nhằm cung ứng cho thị trường lân cận là một trong những hướng đi đúng đắn và hiệu quả của tỉnh

hóa hoặc nâng hạng; Đến năm 2025 thực hiện đẩy mạnh ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Đẩy mạnh thực hiện có chiều sâu và thực chất hơn chương trình OCOP gắn với phát triển du lịch. Quan tâm xây dựng và phát triển thương hiệu hàng hóa nông, lâm sản có lợi thế so sánh. Phát triển liên kết, hợp tác sản xuất theo chuỗi. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác; tiếp tục chuyển đổi, thành lập mới và nâng cao năng lực hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân nông thôn, góp phần đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Để đạt được mục tiêu trên, tỉnh Hòa Bình xác định tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp; thực hiện phát triển thủy lợi và phòng chống thiên tai; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản; Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, mối quan hệ nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong tổng thể kinh tế, văn hóa, xã hội; Tổng kết thực tiễn và lựa chọn giải pháp phát triển tại địa phương; Khuyến khích tập trung đất đai nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn; Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Cùng với việc thực hiện hiệu quả các chính sách, huy động tối đa nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Tỉnh tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ, đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển sản xuất thành quy mô trang trại, hình thành doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất gắn với thị trường.../.

Người làm báo...

viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

QUÁN TRIỆT SÂU SẮC - THỰC HIỆN MẠNH MẼ LỜI BÁC DẠY

Nhằm góp phần tích cực thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, người làm báo cách mạng Việt Nam cần ra sức học Bác Hồ trong công tác báo chí, thông tin, tuyên truyền.

Bác cho rằng, chủ thể sáng tạo tác phẩm báo chí là con người, vì vậy xây dựng đội ngũ cán bộ báo chí cách mạng là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Nhà báo, trước hết là người cán bộ cách mạng, gắn cuộc đời mình với dân tộc, trung với Đảng, với nhân dân. “Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”. Bác nhắc nhở các nhà báo không ngừng học tập, nâng cao trình độ mọi mặt, đặc biệt là trình độ chính trị; đồng thời phải hoà mình vào đời sống của quần chúng nhân dân để viết cho đúng với tâm trạng, nhu cầu và nguyện vọng của họ. Quần chúng nhân dân là đối tượng cung cấp thông tin cho báo chí, đối tượng tiếp nhận thông tin báo chí, đồng thời cũng là đối tượng thẩm định chất lượng tác phẩm báo chí.

Do vậy, người làm báo cần học tập Bác ở tính trung thực trong tác nghiệp báo chí, theo cách “Chân đi, tay sờ, mắt thấy, tai nghe”. Đây là phẩm chất đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, đòi hỏi khi viết báo phải

trung thực, tôn trọng sự thật, không làm sai lệch thông tin. Mọi thông tin đưa ra công luận phải phản ánh đúng bản chất sự thật khách quan, cung cấp cho công chúng hình ảnh chân thực về sự kiện và tình huống được thông tin, thông qua đó hướng dẫn, định hướng dư luận.

Đồng thời phải đề cao tính chiến đấu, tính định hướng trong từng tác phẩm báo chí. Theo Bác, hoạt động báo chí thực chất là hoạt động chính trị, báo chí là vũ khí đấu tranh cách mạng, nên người viết báo phải thể hiện rõ sự ủng hộ hay phản biện đối với vấn đề, sự kiện mà mình đang phản ánh.

Bác cũng lưu ý người cầm bút: Phải học cách viết sao cho lối hành văn ngắn, gọn, cô đọng, súc tích, sức thuyết phục cao, “không dây cà ra dây muống” và phải luôn tự hỏi: “Viết để làm gì?”, “Viết cái gì? Viết cho ai? Viết thể nào?”.

Trong không khí tương bừng kỷ niệm 96 năm ngày báo chí cách mạng Việt Nam (21/6/1925-21/6/2021), tin rằng những người làm báo cách mạng Việt Nam với “bút sắc, tâm trong” ra sức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, nỗ lực không ngừng để có những tác phẩm báo chí hay, góp phần tích cực thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII, sớm đưa nước nước ta “bước đến đài vinh quang, sánh vai với các cường quốc năm châu” như Bác Hồ từng tâm nguyện./.

TẬP TRUNG HỖ TRỢ CHUẨN HÓA CÁC SẢN PHẨM OCOP NĂM 2021



Các đại biểu tham gia đánh giá sản phẩm tham gia chuẩn hóa OCOP năm 2020

Tính đến tháng 4/2021 tỉnh Hòa Bình có 105 sản phẩm của 91 chủ thể đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, kết quả có 70 sản phẩm của 59 chủ thể (gồm 39 HTX, 09 doanh nghiệp, 02 cơ sở sản xuất và 09 hộ có đăng ký kinh doanh) được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt sản phẩm OCOP từ ba sao trở lên (có 18 sản phẩm đạt hạng 04 sao trong đó có 01 sản phẩm OCOP được công nhận nâng hạng sao từ 3 sao lên 4 sao, 52 sản phẩm đạt hạng 3 sao).

Trong thời gian qua Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh bước đầu đã tạo được sự lan tỏa mạnh mẽ, phát huy sức mạnh và vai trò của cộng đồng trong bảo tồn và phát triển sản phẩm truyền thống của địa phương, đồng thời thúc đẩy và nâng cao năng lực của các chủ thể nhất là khu vực làng nghề, các Hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ, cơ sở sản xuất, hộ sản xuất trong tổ chức sản xuất kinh doanh các sản phẩm. Chương trình đã tạo phong trào khởi nghiệp mạnh mẽ, hình thành nhiều mô hình, vùng sản xuất nông sản sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với các chuỗi giá trị sản phẩm, phát triển thể mạnh dịch vụ du

lich của tỉnh nhằm góp phần nâng cao giá trị sản phẩm và tăng thu nhập cho người dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn là giải pháp quan trọng để thực hiện nhóm tiêu chí về sản xuất, thu nhập và hộ nghèo trong xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

Để Chương trình phát triển phong phú thêm các sản phẩm và đạt hiệu quả cao, năm 2021 tỉnh có thêm 33 sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố tích cực hỗ trợ các chủ thể trong quá trình chuẩn hóa sản phẩm.

Danh sách đơn vị đăng ký tham gia Chương trình:

Huyện Lạc Sơn có 03 sản phẩm gồm: Tinh bột nghệ Nhung Vân, Nấm Linh Chi (HTX Dịch vụ Nông nghiệp xã Tân Lập, xóm Chiềng Vang 1, xã Tân Lập); Gà ri tươi Xứ Mường (HTX Chăn nuôi và cung ứng gà Chí hiện, xóm Đảng 2, xã Quyết Thắng).

Huyện Tân Lạc đăng ký 04 sản phẩm gồm: Bưởi Hữu cơ Tân Đông, Khoai lang Phú Cường, Củ cải, Du lịch cộng đồng xóm Ngòi.

Huyện Yên Thủy đăng ký 07 sản phẩm, trong đó nâng cấp cao cà gai leo Yên Thủy từ 3 sao lên 4 sao; và 6 sản phẩm tham gia chuẩn hóa năm 2021 là: Cao xạ đen, trà túi lọc cà gai leo, bột cà gai leo hòa tan, mật ong, bưởi diên, dầu vừng đen.

Huyện Kim Bôi đăng ký nâng cấp sản phẩm nước uống Mường Động từ 3 sao lên 4 sao; có 4 sản phẩm tham gia chuẩn hóa năm 2021 gồm: Thanh long ruột đỏ Biên Kim, cơm Lam Mường Động, Thông xoan Triệu Gia, dạ dày Triệu Gia plus (của HTX thuốc nam gia truyền Triệu Gia).

Huyện Mai Châu đăng ký 02 sản phẩm gồm: Vịt cổ xanh nguyên con, thịt lợn đen Mường Pa.

Huyện Đà Bắc đăng ký 02 sản phẩm gồm: Rượu mầm thóc, Chè khô.

Huyện Lương Sơn đăng ký 03 sản phẩm: Chè Tân Thành, Cao cà gai leo, Cao xạ đen.

Huyện Lạc Thủy đăng ký 03 sản phẩm gồm: Dưa lưới Ichiba xanh, Gà tươi Hải Đăng, Nấm sò trắng.

Thành phố Hòa Bình đăng ký 03 sản phẩm gồm: Chuối tây tươi Thái Lan, Tinh dầu xả bản Dao, Cao Xạ đen.

Huyện Cao Phong đăng ký 01 sản phẩm là Mây tre đan.

Uyên Linh

LƯƠNG SƠN: CỬA NGÕ HÒA BÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

“ Lương Sơn là huyện cửa ngõ vô cùng quan trọng của tỉnh Hòa Bình. Với vị trí tiếp giáp thành phố Hà Nội, Lương Sơn có nhiều thuận lợi về mặt địa lý để phát triển kinh tế xã hội. Nhiều năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện Lương Sơn đã gặt hái được nhiều thành công trong công cuộc xây dựng Nông thôn mới.



Huyện Lương Sơn chú trọng phát triển nền nông nghiệp hiện đại có giá trị gia tăng cao.
Ảnh: Mô hình sản xuất rau hữu cơ tại xã Tân Vinh có hiệu quả kinh tế vượt trội, được nhân rộng ra toàn huyện.

Qua 10 năm triển khai chương trình MTQG XDNTM, với 100% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành 9/9 tiêu chí huyện về nông thôn, huyện Lương Sơn vinh dự được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019, sớm hơn 01 năm so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đề ra (đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020), đưa huyện Lương Sơn trở thành huyện nông thôn mới đầu tiên của tỉnh Hòa Bình.

Được sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân và sự vào cuộc quyết liệt, đồng bộ của cấp ủy chính quyền từ các cấp tới thôn xóm, huyện đã và đang triển khai các chương trình phát triển nông thôn mới phù hợp với điều kiện từng địa phương với lộ trình, kế hoạch thực hiện nhiều chương trình theo năm, khuyến khích người dân tăng gia sản xuất, hướng đến hoàn thành số xã đạt chuẩn nông thôn mới,

Trong từng giai đoạn thực hiện, Huyện triển khai nhiều Chương trình, hoạt động gặt hái được thành công như: Phát động phong trào thi đua “Huyện Lương Sơn chung sức xây dựng nông thôn mới”, “Tuổi trẻ Lương Sơn chung sức xây dựng nông thôn mới” hay phong trào “Nhà sạch - Vườn đẹp - Môi trường trong lành - Ngõ xóm văn minh” của TTVHTT huyện thực hiện cùng nhiều phong trào khác, góp phần quan trọng cho Lương Sơn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hiện nay, 100% các xã trong huyện được phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết, hoàn thành cắm mốc quy hoạch xây dựng nông thôn mới, ban hành quy chế quản lý quy hoạch theo quy định. Đồng thời, huyện được UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí rà soát, điều chỉnh quy hoạch xã nông thôn mới với các xã sáp nhập đơn vị hành chính, các xã không sáp nhập hỗ trợ 75%

mức hỗ trợ trên. Trong đó, 5 xã được sáp nhập gồm Cao Sơn, Liên Sơn, Cao Dương, Thanh Sơn và Thanh Cao, 5 xã không sáp nhập gồm Lâm Sơn, Tân Vinh, Hòa Sơn, Nhuận Trạch và Cư Yên. Đến nay, đã có 9/10 xã báo cáo đề nghị lập điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xã nông thôn mới, 1/10 xã thực hiện điều chỉnh quy hoạch sản xuất và phát triển đô thị loại V.

Những năm qua, huyện Lương Sơn luôn chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế- xã hội, Huyện đã đầu tư nâng cấp 31 công trình nhựa hóa, bê tông hóa giao thông nông thôn, nâng cấp các tuyến giao thông liên xã như Liên Sơn, Cao Sơn, Cao Dương và Thanh Sơn. Bố trí nguồn lực đầu tư 12 công trình thủy lợi, đảm bảo phát triển nông nghiệp, thủy sản và tránh mùa bão lũ, khởi công mới 09 công trình có nguồn vốn từ Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện và Quỹ phòng, chống thiên

tai, nhiều công trình trường học và một số công trình khác.

Với phương châm, xây dựng nông thôn mới chỉ có điểm khởi đầu không có điểm kết thúc, huyện Lương Sơn nghiên cứu, thu hút đầu tư sản xuất gắn liền tái cơ cấu ngành nông nghiệp: Sản xuất rau hữu cơ tiêu chuẩn cao, cây ăn quả có giá trị hay thực hiện các mô hình cải tạo đàn vật nuôi cho người nông dân. Kết quả sau nhiều năm thực hiện chương trình, số hộ nghèo huyện Lương Sơn giảm còn 2.37% (cuối năm 2020), các chính sách xã hội thực hiện cho người nghèo được cán bộ các cấp, các ngành thực hiện đảm bảo. Ngoài ra, huyện đặc biệt chú trọng đầu tư vào giáo dục, y tế và nâng cao chất lượng văn hóa của người dân nông thôn: Phổ cập văn hóa 100% các xã được hoàn thành; Cơ sở trang thiết bị y tế, hạ tầng được giữ vững đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế, 95% người dân tham gia BHYT; Tuyên truyền người dân xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp theo phong trào “Nhà sạch - Vườn đẹp - Môi trường trong lành - Ngõ xóm văn minh”, tiêu biểu như xây dựng tuyến đường hoa, tạo cảnh quan môi trường có hiệu quả tại khu vực Thị trấn Lương Sơn và các xã Hòa Bình, Cư Yên, Lâm Sơn, Thanh Cao được nhiều địa phương đến tham quan, học hỏi mô hình.

Giữ vững thành quả qua quá trình thực hiện, huyện Lương Sơn đặt ra các mục tiêu: Phần đầu có thêm từ 10- 30 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, từ 35-50 vườn kiểu mẫu được công nhận; Thu nhập bình quân đầu người đạt 83 triệu đồng/người/năm (2025); Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 2%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 70%; Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt trên 95%; Phần đầu có từ 10 sản phẩm trở lên được xây dựng chuẩn hóa sản phẩm OCOP



Từ khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới, đời sống vật chất của người dân huyện Lương Sơn ngày càng được nâng cao.

cấp tỉnh xếp hạng 3 sao trở lên, trên 03 sản phẩm đạt 4 sao và trên 02 sản phẩm được đánh giá xếp hạng 5 sao.

Để xây dựng huyện Lương Sơn phát triển toàn diện, bền vững, trở thành vùng kinh tế năng động của tỉnh với mục tiêu đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt 83 triệu đồng, thu ngân sách Nhà nước đạt 1.000 tỷ đồng, tỷ lệ đô thị hóa đạt 60%, thị trấn Lương Sơn

và khu vực mở rộng cơ bản đạt tiêu chí thị xã... theo Nghị quyết Đại hội (NQĐH) Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra. UBND huyện Lương Sơn xác định phải bám sát định hướng chung. Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện tích cực triển khai chương trình hành động thực hiện nghị quyết, với quyết tâm tạo thêm động lực đưa huyện thực sự trở thành vùng kinh tế năng động của tỉnh.



Người dân khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu thôn Sấu Thượng, xã Thanh Cao (Lương Sơn) chăm sóc đường hoa, tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

ĐỒNG THUẬN TỪ TƯ DUY ĐẾN HÀNH ĐỘNG



Trung tâm Y tế Lạc Thủy hiện có tổng số 203 cán bộ, y bác sĩ, với 210 giường bệnh nhưng luôn trong tình trạng quá tải, chủ yếu là bệnh nhân khám BHYT. Năm 2020, cán bộ, nhân viên trung tâm y tế huyện Lạc Thủy đã cố gắng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, hầu hết các chỉ tiêu về khám, chữa bệnh đều thực hiện đạt và vượt so với kế hoạch đề ra. Trung tâm y tế thực hiện khám chữa bệnh cho 45.097 lượt người bệnh, đạt 89,8% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó điều trị nội trú 9630 lượt người, điều trị ngoại trú là 6.123 lượt người, ngày điều trị nội trú là 61.333 lượt bệnh nhân. Chất lượng điều trị được duy trì tạo niềm tin cho nhân dân thể hiện qua số lượng bệnh nhân đến khám, chữa bệnh và điều trị ngày càng tăng cao.

Trung tâm đã từng bước được trang bị tương đối đầy đủ về trang thiết bị máy móc, phương tiện phục vụ người bệnh, các khoa, phòng được quy hoạch khoa học, hợp lý, áp dụng các kỹ thuật mới vào khám chữa bệnh, đồng thời phối hợp với bệnh viện Đa khoa tỉnh chuyển giao ứng dụng khoa học, kỹ thuật mổ nội soi, đến nay đã thực hiện thành công được 25 ca: Trong đó 15 ca chuyên ngành ngoại và 10 ca chuyên ngành sản, bên cạnh đó Trung tâm cũng thường xuyên

“ Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy được thành lập ngày 16 tháng 11 năm 2016. Trải qua nhiều khó khăn, thử thách, với sự hình thành từ tư duy đến hành động, trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy đã từng bước trở thành địa chỉ tin cậy của bệnh nhân và người dân, là điểm sáng của ngành y tế tỉnh Hòa Bình. ”

ưu tiên công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sĩ Trung tâm. Năm 2020, Trung tâm liên tục cử cán bộ đi học tập, tập huấn theo các chương trình, dự án, góp phần tích cực giúp Trung tâm từng bước khám chữa bệnh (KCB), tạo được lòng tin và trở thành địa chỉ tin cậy của Nhân dân.

Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy là một trong những đơn vị đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động theo dõi, khám chữa bệnh (KCB). Với việc ứng dụng thành công phần mềm quản lý bệnh viện có tiện ích vượt trội đã giúp trung tâm giải quyết tốt thủ tục hành chính, đơn giản từ khâu đón tiếp, đăng ký bệnh nhân, các bước luân chuyển nghiệp vụ trong dây truyền khám chữa bệnh một cách liên mạch và khép kín, phục vụ cấp cứu nhanh nhất. Tại

Trung tâm đã lắp hoàn chỉnh hệ thống mạng không dây, máy xét nghiệm, hệ thống phẫu thuật nội soi... Tạo điều kiện cho cán bộ trao đổi thông tin nhanh, hiệu quả.

Nói về những định hướng trong thời gian tới, lãnh đạo Trung tâm cho biết: Trung tâm sẽ thường xuyên tổ chức học tập và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn của Trung tâm theo quy định của bộ Y tế. “Sự hài lòng của người bệnh là thước đo đánh giá chất lượng của đơn vị”. Đây sẽ là nền tảng cốt lõi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trung tâm cũng xác định vai trò của các tổ chức, cá nhân để từ đó phát huy vai trò tổ chức phối hợp có hiệu quả sức mạnh tập thể, tạo sự đồng thuận từ tư duy đến hành động, từ lãnh đạo đến người lao động luôn thi đua nâng cao chất lượng của các đoàn thể và các hoạt động chuyên môn.

Để thực sự trở thành địa chỉ tin cậy của nhân trên địa bàn huyện và các vùng lân cận Trung tâm sẽ tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, giám sát thực hiện, triển khai Thông tư 07 năm 2014 của bộ y tế về quy tắc ứng xử của cán bộ, y bác sĩ, công chức, viên chức, người lao động. Từ đó tạo lòng tin trong nhân dân và người bệnh khi đến khám chữa bệnh.

HUYỆN CÁT HẢI (HẢI PHÒNG):

“LUỒNG GIÓ MỚI” thay đổi diện mạo nông thôn



Chủ tịch UBND huyện Cát Hải,
Bùi Tuấn Mạnh

Chủ tịch UBND huyện Cát Hải, Bùi Tuấn Mạnh: “Năm 2011, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM) được lãnh đạo huyện chỉ đạo triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả. Điều đó, khơi dậy sức mạnh trong nhân dân - giúp nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, vươn lên làm giàu, diện mạo nông thôn đổi mới”... Ngày 1-5-2021, huyện đã tổ chức thành công lễ công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba. (Cát Hải là huyện đầu tiên của Thành Phố Hải Phòng đạt chuẩn nông thôn mới).

Xin ông cho biết, trong quá trình xây dựng NTM, Cát Hải gặp những thuận lợi, khó khăn gì?

Giống như nhiều địa phương khác trong cả nước, khi bắt đầu triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM, Cát Hải gặp nhiều khó khăn bởi là huyện đảo xa đất liền, địa hình chủ yếu là đồi núi, thung áng, dân số ít. Hạ tầng giao thông còn khó khăn, nhất là việc kết nối giữa đất liền vào huyện đảo, còn cách trở bởi các tuyến phà...

Bù lại, Cát Hải có những điều kiện vô cùng thuận lợi. Nằm ở phía đông nam TP. Hải Phòng, Cát Hải được coi là khu vực phòng thủ về QP-AN và là cửa ngõ ra vào của khu vực phía đông bắc. Đây cũng là khu du lịch có ý nghĩa đặc biệt, không chỉ đối với sự phát triển du lịch của thành phố, mà còn đối với sự phát triển du lịch của vùng duyên hải Bắc Bộ với hàng trăm hang động kỳ thú, bãi tắm thơ mộng và nhiều cảnh đẹp thiên nhiên làm say lòng du khách.

Huyện đảo có nhiều tiềm năng về du lịch, thủy sản với những sản phẩm nông nghiệp đặc trưng. Năm 2004, quần đảo Cát Bà được

UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển thế giới; năm 2013, được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; năm 2014, Khu dự trữ sinh quyển thế giới quần đảo Cát Bà lọt Top 5 khu dự trữ sinh quyển Việt Nam nổi tiếng thu hút khách...

Song song đó, Trung ương và TP. Hải Phòng đã quan tâm - tạo điều kiện để Cát Hải thu hút nhiều tập đoàn kinh tế lớn vào đầu tư tại với những công trình dự án lớn như cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, cầu Đình Vũ - Cát Hải, NM sản xuất ô tô Vinfas, dự án khu cảng hàng hóa, bến tàu du lịch, khu dịch vụ hậu cần du lịch, dự án cáp treo Cát Hải - Cát Bà... Những công trình dự án đã mở ra cho huyện đảo hướng phát triển kinh tế mới là du lịch - cảng biển và công nghiệp.

Xác định việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp CNH-HĐH quê hương, đất nước, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân nông thôn, BCH Đảng bộ và chính quyền huyện đảo đã đưa

ra nhiều giải pháp, trong đó tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ về nguồn vốn của cấp trên, các chương trình mục tiêu quốc gia thông qua các sở ban ngành. Bên cạnh đó, đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt nội dung, mục đích, ý nghĩa và giá trị to lớn từ việc xây dựng NTM đối với đời sống dân sinh, qua đó nâng cao nhận thức tạo, sự đồng thuận trong nhân dân, nêu cao tinh thần trách nhiệm sẵn sàng chung tay, chung sức xây dựng quê hương.

Đánh giá của ông về việc triển khai thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM những năm qua?

BCĐ xây dựng NTM huyện Cát Hải được thành lập tại QĐ số 1193/QĐ-UBND ngày 11/10/2010, Trưởng ban là Chủ tịch UBND huyện. Đến nay, BCĐ đã được kiện toàn đáp ứng yêu cầu chỉ đạo trong xây dựng NTM phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương. Văn phòng điều phối NTM huyện Cát Hải thực hiện đúng vai trò, chức năng, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, điều 2 - QĐ số 1920/QĐ-TTg ngày 5/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, đã tham mưu xây dựng quy chế làm việc của BCĐ xây dựng

NTM của huyện, xây dựng chương trình làm việc, nội dung hội nghị, hội thảo, kế hoạch, tập huấn, báo cáo theo yêu cầu của Trưởng ban; xây dựng chương trình hoạt động hàng năm về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, kinh phí thực hiện NTM giai đoạn 2016 - 2020; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện chương trình hàng năm, kiến nghị đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề phát sinh và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất do trưởng BCD phân công.

Có thể nêu ra một số tiên chí xây dựng NTM địa phương đã triển khai thực hiện.

Về giao thông, toàn huyện có 35.934 km đường giao thông, trong đó đường trục huyện 24,4 km, mặt đường rộng 5,5 m và đường đô thị dài 11.534 km, mặt đường rộng 10 m, gồm 9 tuyến đường. Các tuyến đường đã đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp, đạt 100%. Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt.

100% tuyến đường trục xã, liên xã, đường thôn xóm đều được nhựa hóa, bê tông hóa. Đường thủy có 60 km với 7 bến thủy nội địa, trong đó có 1 bến tư nhân, do địa phương quản lý, được lắp đặt hệ thống phao tiêu báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông.

Tiêu chí về điện: Các xã, thị trấn trên địa bàn đều có điện lưới quốc gia với đường dây hạ thế 35 kV, cấp bán điện trực tiếp tới các hộ dân (đang xây dựng hoàn thiện hệ thống với đường dây và trạm biến áp 110 kV). Đến nay, 100% hệ thống điện trên địa bàn huyện đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của ngành điện.

Tiêu chí về sản xuất: Nhờ phát huy tiềm năng, lợi thế về du lịch, thủy sản nên huyện Cát Hải đã khai thác có hiệu quả thế mạnh của địa phương. Hiện nay, 100% số

Cát Hải đang từng ngày “thay da đổi thịt”...

xã xây dựng NTM đều có các mô hình du lịch cộng đồng thân thiện môi trường, các homestay được hình thành ngày càng nhiều.

Các tiêu chí y tế - văn hóa - giáo dục, môi trường, an ninh, trật tự xã hội, thủy lợi... được triển khai đồng bộ, triệt để, đạt được những kết quả tích cực...

Vậy, kết quả đạt được trong phong trào xây dựng NTM của huyện nhà ra sao?

Sau hơn 9 năm thực hiện chương trình xây dựng NTM, tổng nguồn lực thực hiện chương trình là 1.518.926 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách trung ương 126.927 triệu đồng, chiếm 8,36%; ngân sách thành phố 606.941 triệu đồng, chiếm 39,96%; ngân sách huyện 88.622 triệu đồng, chiếm 5,83%; ngân sách xã 820 triệu đồng, chiếm 0,05%. Vốn lồng ghép từ các chương trình dự án khác 263.143 triệu đồng, chiếm 17,32%; vốn vay tín dụng 49.870 triệu đồng, chiếm 3,28%; vốn doanh nghiệp 255.250 triệu đồng, chiếm 16,80%; cộng đồng dân cư 127.346 triệu đồng, chiếm 8,38%.

Có thể khẳng định, NTM thực sự là “luồng gió mới”, không chỉ làm thay đổi diện mạo nông thôn, mà còn tạo ra môi trường làm việc mới theo hướng tích cực. Giờ đây, đường làng ngõ xóm khang trang, Xen giữa các thung áng, vườn đồi cây trái là những khách sạn, nhà nghỉ, homestay, dịch vụ du lịch thân

thiện môi trường. Cát Hải đã tận dụng được tiềm năng du lịch, thủy sản, đưa tốc độ phát triển kinh tế tăng lên hàng năm. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt, qua đó, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Cát Hải đang nỗ lực nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được. Trong đó, thành lập các HTX nông nghiệp nhằm đẩy mạnh các mô hình sản xuất tập trung, tránh manh mún, dàn trải, từ đó nâng cao đời sống kinh tế người dân theo hướng bền vững. Tiếp tục phát huy đời sống văn hóa lành mạnh, nhân văn để xây dựng văn hóa cộng đồng gắn kết, mang bản sắc văn hóa riêng... Tất cả đều nhằm nâng cao chất lượng NTM, đồng thời xây dựng huyện Cát Hải trở thành một trung tâm du lịch - dịch vụ cảng biển - công nghiệp hiện đại - văn minh.

Những thành tựu bước đầu đã đạt được trong phong trào xây dựng NTM là minh chứng sống động nhất, cụ thể nhất của chủ trương đúng, phù hợp với nguyện vọng của đông đảo quần chúng nhân dân, để chúng ta có thêm niềm tin, nghị lực và ý chí quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đề ra.

***Trần trọng cảm ơn Chủ tịch!
Nhật Anh (Thực hiện)***

TẠO ĐIỀU KIỆN TỐT NHẤT ĐỂ THU HÚT ĐẦU TƯ

Nhật Anh

“Thời gian qua, Trung ương và TP. Hải Phòng đặc biệt quan tâm huyện Cát Hải. Theo đó, đẩy mạnh phát triển kinh tế trong công cuộc đổi mới, CNH-HĐH và hội nhập quốc tế sâu rộng; chú trọng cải cách, đơn giản hoá, cắt giảm một số TTHC, tạo cơ chế thoáng, thu hút các DN vào đầu tư.

Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển du lịch được quan tâm đầu tư khá đồng bộ; nhiều loại hình phương tiện giao thông, các cơ sở vật chất khác được đầu tư, tạo môi trường thuận lợi, thu hút các NĐT chiến lược, có tiềm lực đầu tư xây dựng các DA (Tổ hợp sản xuất ô tô Vinfast của Vingroup; DA cáp treo và các dịch vụ du lịch của Sungroup...).

Từ năm 2017 - 2020, Cát Hải chọn chủ đề năm “Tập trung GPMB - Cải thiện môi trường vịnh”. Vì vậy, công tác GPMB được coi là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của huyện. Ngay sau khi các dự án được các cấp thẩm quyền phê duyệt, UBND Thành phố giao UBND huyện thực hiện công tác GPMB phục vụ các dự án; chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất, các cơ quan liên quan và UBND các xã, thị trấn... tuyên truyền cho các DN và hộ dân hiểu về chính sách của Nhà nước liên quan đến đền bù GPMB và tiến hành kiểm kê lập phương án tính toán, chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người dân kịp thời, đúng theo quy định.

Nhờ đó, việc đảm bảo bàn giao mặt bằng sạch cho các DA mang lại kết quả tốt: Công ty TNHH Mặt Trời Cát Bà 359,9 ha/nhu cầu 559,38 ha với tổng mức đầu tư 7.877 tỷ đồng; các DA do Công ty TNHH SXKD

Vinfast 356,5 ha/nhu cầu 379,2 ha với tổng mức đầu tư 70.337 tỷ đồng; DA đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng 312 ha/nhu cầu 520 ha với tổng mức đầu tư 5.447 tỷ đồng...

Bên cạnh những tiềm năng và lợi thế trong thu hút đầu tư, Cát Hải còn tồn tại những khó khăn trong việc thu hút đầu tư đó là cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển như hạ tầng giao thông thiếu đồng bộ, hạ tầng điện, nước chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển du lịch mùa cao điểm. Nguồn lao động, có địa phương tuy dồi dào nhưng lực lượng lao động qua đào tạo chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Những năm qua, ngoài việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích thu hút các NĐT đến đầu tư trên địa bàn, hàng năm, huyện luôn tổ chức các hội nghị đánh giá tổng kết du lịch năm trước, đề ra phương hướng phát triển trong thời gian tới. Tại các hội nghị, chính quyền địa phương luôn lắng nghe, đối thoại với các NĐT, DN về kết quả, phương hướng đầu tư, đồng thời tìm các giải pháp tháo gỡ khó khăn mà các NĐT và DN gặp phải.

Mong rằng, Trung ương và Thành phố Hải Phòng quan tâm, chỉ đạo

các cơ quan chức có liên quan sớm triển khai xây dựng, hoàn thành và đưa vào sử dụng các DA lớn trên địa bàn huyện: Các bến còn lại của cảng Lạch Huyện; DA cầu Tân Vũ - Lạch Huyện 2; đầu tư xây mới bến phà Cát Hải - Phù Long; đưa nước ngọt ra Cát Hải phục vụ người dân và DN; đưa đường điện 110 kV ra đảo Cát Bà...

Đề nghị thành phố sớm ban hành cơ chế, chính sách và hỗ trợ kinh phí cắt giảm lồng bè trên các vịnh thuộc quần đảo Cát Bà, theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Thực hiện NQ số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển TP. Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, NQ Đại hội Đảng bộ TP nhiệm kỳ 2020 - 2025; NQ Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII, đã đưa ra định hướng về thu hút đầu tư trong giai đoạn 2020 - 2025, cụ thể như sau:

Xây dựng và phát triển huyện Cát Hải trở thành trọng điểm phát triển kinh tế của TP; trở thành đảo thông minh, có kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ; đảo Cát Bà trở thành trung tâm du lịch sinh thái quốc gia và quốc tế; huyện đảo Cát Hải trở thành trung tâm dịch vụ cảng biển, trung tâm dịch vụ logistics, KCN công nghệ cao, có môi trường xanh, sạch, đẹp...

BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nhật Anh

Huyện Cát Hải đã có những bước đột phá ấn tượng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Diện mạo đô thị, nông thôn không ngừng thay đổi, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Cát Hải trở thành địa phương đầu tiên của Hải Phòng được Chính phủ công nhận huyện đạt chuẩn NTM năm 2019. Hiện tại, có 6/6 xã xây dựng NTM đạt chuẩn với 19/19 tiêu chí.

Nhờ cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, ưu tiên phát triển sản phẩm nông nghiệp tiềm năng du lịch, thủy sản truyền thống, đã góp phần đưa tốc độ phát triển kinh tế của huyện tăng lên hàng năm, nhằm giữ vững các tiêu chí đã đạt được. Cùng với đó, kết cấu hạ tầng, môi trường... đáp ứng yêu cầu - làm động lực thu hút các DN, tổ chức có tiềm lực kinh tế vào đầu tư trên địa bàn huyện.

Có thể nêu ra đây một số kết quả nổi bật: Thu nhập bình quân đầu người toàn huyện năm 2020 đạt 61,4 triệu đồng/người/năm (tăng 39,9 triệu đồng/người/năm so 2011); 100% đường giao thông được nhựa - bê tông hóa; 100% trường mầm non, tiểu học, THCS có vật chất, thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia; 100% người dân tham gia BHYT; 97% hộ dân được cung cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh; hết năm 2020, không còn hộ nghèo; cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp... Phong trào xây dựng NTM đã làm thay đổi diện mạo nông thôn, môi trường làm việc được cải thiện tốt hơn, từ đó góp phần phát triển KT-XH, nâng cao mức sống của người dân, cả về vật chất lẫn tinh thần, theo hướng bền vững.

Huyện Cát Hải, do thiếu kinh nghiệm nên việc thực hiện xây dựng NTM còn bỡ ngỡ, chưa đáp ứng các nhiệm vụ đề ra. Nguồn vốn huy động từ các tổ chức xã

hội còn hạn chế. Công tác tổ chức thực hiện quy hoạch, đề án còn gặp một số bất cập. Nhận thức của một bộ phận Nhân dân còn hạn chế về ý nghĩa, mục tiêu của Chương trình quốc gia xây dựng NTM. Công tác VSMT trong khu dân cư còn hạn chế.

Một số nơi, chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, chưa chú trọng đầu tư thúc đẩy phát triển sản xuất nhằm gia tăng giá trị SXKD trong khu vực nông thôn; hiệu quả khai thác tiềm năng, lợi thế của các xã để phát triển kinh tế chưa cao...

Những thành quả đạt được trong thời gian qua rất đáng trân trọng và tự hào. Tuy nhiên, đối với Cát Hải, chặng đường phía trước còn nhiều khó khăn, Huyện xác định cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng. Trước hết, phải tiếp tục đề cao trách nhiệm, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị về xây dựng NTM, phải coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, thường xuyên, liên tục “xây dựng NTM có điểm bắt đầu, nhưng không có điểm kết thúc”. Chú trọng phát huy sức mạnh sáng tạo của các tầng lớp Nhân dân, tạo sự đồng thuận cao của toàn xã hội.

Song song đó, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động về nhiệm vụ xây dựng NTM kiểu mẫu, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM” và cuộc vận

động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng NTM. Tập trung phát triển các sản phẩm đặc trưng của địa phương, nhất là các sản phẩm về du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biển đảo, du lịch cộng đồng, du lịch xanh...; Thực hiện xây dựng đô thị Cát Bà trở thành trung tâm du lịch - dịch vụ hiện đại, trong đó, các xã khu vực đảo là điểm vệ tinh hấp dẫn về du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, nhằm thu hút các NĐT xây dựng các cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch hấp dẫn du khách; Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội. Áp dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, tạo ra các sản phẩm năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế nhằm tăng thu nhập của người dân; Xây dựng kế hoạch chi tiết thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí huyện NTM, xã NTM kiểu mẫu...

Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Cát Hải rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Trung ương, thành phố để địa phương giữ vững danh hiệu huyện đạt chuẩn NTM và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt ngày càng cao, góp phần quan trọng trong phát triển KT-XH của thành phố; đồng thời, là điểm đến du lịch lý tưởng của bạn bè trong nước và quốc tế...

Bản giao hưởng 4 mùa TỪ FLAMINGO CÁT BÀ

"Tôi rất biết ơn và hạnh phúc khi được làm việc tại một nơi như thế này, đặc biệt là Khách sạn Flamingo bên bãi biển đầy thơ mộng. Tôi cùng với các nhân viên đang rất nỗ lực để phát triển khu nghỉ dưỡng Flamingo nói riêng và quần đảo Cát Bà nói chung". Đó là những chia sẻ của ông Michael Murphy - VPTQL Tổng Quản lý với PV về Flamingo Cát Bà.

Xin ông cho biết một số thông tin về Flamingo Cát Bà?

Flamingo Cát Bà tọa lạc tại vị trí đắc địa trên đảo Cát Bà, với bãi cát trắng dài uốn lượn bao quanh các ngọn núi và vịnh Lan Hạ nên thơ, tạo điểm nhấn đầy ấn tượng cho bãi biển Cát Cò 1 và Cát Cò 2. Resort cũng được xây dựng và thiết kế phù hợp để phục vụ nhiều đối tượng khác như các lãnh đạo, chính trị gia, nguyên thủ cấp cao, các doanh nhân và du khách yêu thích du lịch...

Hiện nay, Flamingo Cát Bà đã có gần 600 phòng đang hoạt động, gồm tổng tòa 1 và tòa 2; có gần 600 nhân viên và người lao động làm việc, chưa kể số lượng thực tập sinh sắp tới, họ sẽ đến hỗ trợ chúng tôi đón khách mùa cao điểm. Cơ

sở vật chất, dịch vụ của Flamingo Cát Bà đáp ứng tối đa nhu cầu nghỉ dưỡng của du khách, chủ yếu tập trung tại tòa 2 - Wyndham Grand Flamingo Cat Ba Resort, mang đến khái niệm mới về nghỉ dưỡng: Giải trí khép kín 5 sao trên cao. Có thể kể đến hệ thống trò chơi thực tế ảo (VR Game), Kid's Club (CLB trẻ em) tại tầng 1; Karaoke tại tầng 2; Onsen và hồ bơi 4 mùa tại tầng 3; tầng 4 có khu vực Spa, chăm sóc sắc đẹp hàng trăm mét vuông ...

Ngoài bể bơi 4 mùa tại tầng 3, tòa nhà còn có 3 bể bơi vô cực ở mỗi tòa và 1 bể bơi ngoài trời nối liền tòa 2 và tòa 3, vắt qua dãy núi. Các tòa nhà trong khu nghỉ dưỡng có thể đi thông nhau qua "Cầu Mây" - được xây dựng bắc giữa các tòa nhà. Từ đây có thể phóng tầm

mắt ngắm vịnh Lan Hạ và trời mây non nước Cát Bà từ trên cao.

Không chỉ vậy, Flamingo Cát Bà còn sở hữu hệ thống bar, nhà hàng phân bố đồng bộ tại 3 tòa nhà. Đặc biệt, với quầy bar ở tầng trên cùng của tòa 2, quý khách có thể vừa thưởng thức đồ uống ưa thích, vừa ngắm nhìn toàn cảnh của vịnh Lan Hạ - một trong những vịnh đẹp nhất thế giới 2020.

Đại dịch Covid-19, có gây ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Flamingo Cát Bà?

Mặc dù tình hình hoạt động của Flamingo Cát Bà tương đối ổn định, song ít nhiều vẫn chịu ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19. Vào đợt dịch bùng phát tháng 1 và sau lễ 30/4-1/5 vừa qua, thời điểm đó tại khu nghỉ dưỡng có rất đông



khách, danh sách phòng gần như đã full đến hết tháng 6. Tuy nhiên chúng tôi buộc phải hủy nhiều hợp đồng, tạm thời đóng cửa resort để đảm bảo an toàn cho du khách và CBNV cho đến khi tình hình dịch được kiểm soát trở lại.

Thực tế, bất cứ thời điểm nào, chỉ cần là những thông tin có liên quan đến dịch tễ, TP. Hải Phòng đều kiểm soát rất nghiêm. Đợt bùng dịch đầu tháng 5 vừa qua, huyện đảo Cát Bà đã có lệnh cấm phương tiện ra vào, thậm chí cấm tất cả người và phương tiện từ các tỉnh khác nên khu Resort bị ảnh hưởng khá nhiều.

Song, may mắn là Việt Nam đang dần khống chế được dịch, các biện pháp truy vết, kiểm soát dịch đều được làm rất tốt và mọi thứ đã dần bình ổn trở lại. Nói cách khác, trên tinh thần không chủ quan, lơ là, áp dụng triệt để quy tắc 5K của Bộ y tế, chúng tôi tin tưởng mùa hè này, Cát Bà vẫn sẽ duy trì được lượng khách ổn định chứ không rơi vào tình trạng vắng khách như nhiều khách sạn, resort khác tại nhiều nơi trên thế giới. Dự kiến Flamingo Cát Bà sẽ mở cửa đón khách vào cuối tháng 6 tới.

Vậy, khả năng cung cấp dịch vụ của Flamingo Cát Bà tới đâu?

Trước hết, chính quyền địa phương đã tạo điều kiện giúp đỡ chúng tôi rất nhiều trong quá trình cấp giấy phép, các thủ tục hành chính, hỗ trợ cung cấp đầy đủ thông tin, quy trình thủ tục rõ ràng để Flamingo Cát Bà có thể tuân thủ và làm theo thuận lợi.

Bộ phận marketing đã triển khai nhiều hoạt động tiếp thị cho các sản phẩm của Tập đoàn Flamingo nói chung và Flamingo Cát Bà nói riêng.

Ngoài cung cấp các dịch vụ tại khu nghỉ dưỡng, chúng tôi còn cung cấp các dịch vụ bên ngoài như tạo ra các tour du lịch đi tới các điểm đến khác tại Cát Bà. Trong

chiến dịch marketing, chúng tôi không chỉ tiếp thị quảng cáo cho cơ sở mình, mà còn quảng cáo tất cả các điểm đến khác của Cát Bà, đưa Cát Bà trở thành điểm đến hứa hẹn của cả 4 mùa trong năm.

Bình thường với vị trí là huyện đảo, khách du lịch cho rằng chỉ có thể đến đây vào mùa hè để tắm biển. Nhưng Flamingo cung cấp tới du khách dịch vụ cho cả 4 mùa, như bể bơi 4 mùa hay onsen, những dịch vụ này chúng ta hoàn toàn có thể sử dụng vào bất kỳ mùa nào trong năm, phù hợp với mọi chuyến đi nghỉ dưỡng. Như vậy, chính quyền địa phương cũng có thể kéo được thêm nhiều du khách tới Cát Bà để sử dụng các dịch vụ khác ở trên đảo.

Sắp tới, chúng tôi sẽ phát triển thêm các kênh khác nhau trên mạng xã hội, kết hợp cùng với các kênh marketing truyền thống để tăng cường quảng bá 3 khu tổ hợp tại Flamingo Cát Bà...

Vấn đề môi trường, tại Flamingo Cát Bà Resort, được quan tâm ra sao?

Tại Flamingo Cát Bà, chúng tôi thường xuyên cất cử nhân viên quét dọn rác tại bãi biển hàng ngày, giảm thiểu chai nhựa bằng chai thủy tinh... Tất cả đều nhằm hướng tới phát triển “Cát Bà xanh, sạch, đẹp”, là điểm đến thân thiện và hấp dẫn du khách.

Tuy nhiên, đối với Flamingo, vấn đề môi trường không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ cảnh quan hay thúc đẩy những hành động thân thiện với môi trường. Chúng tôi thể hiện sự tôn trọng tự nhiên và bảo vệ môi trường ngay từ khi lên phương án thiết kế. Có thể nói, triết lý xanh là cơ sở để chúng tôi sáng tạo nên những công trình vừa tràn ngập hơi thở thiên nhiên, vừa tiết kiệm năng lượng như Flamingo Cát Bà.

Nhờ những tâm huyết này, Flamingo Cát Bà vinh dự được trao 4 chứng nhận công trình

xanh bởi EDGE do Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), thuộc nhóm Ngân hàng Thế giới (WB) trao tặng. Tháng 5 vừa qua, Cát Bà lọt Top 10% Khách sạn tốt nhất thế giới của Tripadvisor. Trước đó, dự án này cũng xuất sắc lập “hat-trick” ấn tượng tại Giải thưởng Bất động sản Châu Á Thái Bình Dương - International Property Awards (IPA) 2019.

Thiết kế của Flamingo Cát Bà không chỉ gắn liền với triết lý bền vững cùng thiên nhiên mà còn niềm tự hào của thương hiệu Việt trên trường Quốc tế.

Ông có thể chia sẻ về định hướng sắp tới của Flamingo Cát Bà?

Do cả tổ hợp nói chung vẫn trong giai đoạn tiền khai trương nên hiện tại, chúng tôi tập trung vào công việc marketing và hoàn thiện một số cơ sở vật chất, khu dịch vụ còn dang dở tại đây. Chúng tôi sẽ phát triển thêm nhiều gói dịch vụ mới như dịch vụ tổ chức đám cưới, sự kiện trên bãi biển...

Tuy năm nay vẫn còn rất khó khăn, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nhưng Flamingo Cát Bà đã có nhiều giải pháp để khắc phục tình hình.

Theo đó, chúng tôi tập trung vào thị trường nội địa, đưa vào mở cửa tòa 3; đưa ra nhiều chương trình khuyến mãi, ưu đãi không giới hạn. Khi đặt phòng tại khu resort, khách hàng được tặng kèm các dịch vụ trải nghiệm miễn phí và giảm giá như miễn phí khu onsen, giảm giá 50% khu dịch vụ karaoke, spa...

Đây là cũng là các hoạt động hướng tới Kỷ niệm 25 năm thành lập Tập đoàn Flamingo. Những hoạt động này góp phần tạo điểm nhấn, thu hút khách sử dụng dịch vụ và hơn hết cũng là một món quà để tri ân khách hàng.

Trân trọng cảm ơn ông!

Hiền Anh (Thực hiện)

PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA DU KHÁCH VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ DU LỊCH TẠI KHU DU LỊCH SINH THÁI GÁO GIỒNG

SVTH: Thái Thị Bích Tuyền

GVHD: Ths. Hoàng Thị Tố Như

Khoa Kinh tế - Trường Đại học Đồng Tháp

Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số SPD2020.02.14

TÓM TẮT

Nghiên cứu này tập trung phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách đối với chất lượng dịch vụ du lịch tại Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng. Số liệu sử dụng trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 200 du khách bao gồm 125 khách nội địa và 75 khách quốc tế đến tham quan du lịch tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng. Các phương pháp phân tích được sử dụng trong nghiên cứu này là thống kê mô tả và phương pháp kiểm định chi bình phương (dùng bảng chéo Crosstabs) để đánh giá thực trạng sử dụng các dịch vụ du lịch tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, sử dụng phương pháp đánh giá hệ số tin cậy Cronbach Anpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA). Kết quả nghiên cứu cho thấy 3 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ bao gồm “Điều kiện vật chất phục vụ du lịch và vấn đề an ninh”, “Chất lượng nhân viên và giá cả dịch vụ”, và “Chất lượng dịch vụ ăn uống”.

Từ khóa: khách du lịch, sự thỏa mãn, chất lượng dịch vụ du lịch.

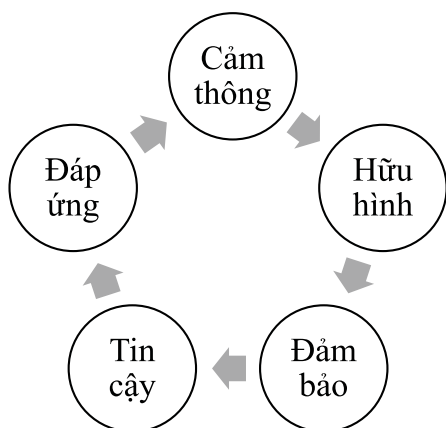
1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, tại nhiều nước trên thế giới, du lịch đang được xem là một trong những ngành kinh tế hàng đầu, phát triển với tốc độ cao bởi những lợi ích to lớn về kinh tế-xã hội mà bản thân ngành Du lịch mang lại. Điều này càng thể hiện rõ hơn trước xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam là quốc gia có nguồn tài nguyên du lịch phong phú cả về tự nhiên và nhân văn với nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn. Trong những năm qua, với vị trí địa lý là ngành kinh tế mũi nhọn, du lịch đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của nhiều tỉnh thành phố cũng như của cả nước, tạo ra nhiều việc làm và nâng cao nhận thức trong giao lưu văn hóa quốc tế. Nằm trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, trên con sông Tiền rộng lớn, có đường biên giới với đất nước Campuchia thuộc hai huyện Hồng Ngự và Tân Hồng, Đồng Tháp là một trong ba tỉnh có khá nhiều lợi thế cho phát triển kinh tế - xã hội. Đồng Tháp là một trong ba tỉnh thuộc Đồng Tháp Mười với hệ thống sông ngòi chằng chịt. Là một tỉnh nông nghiệp lâu đời, sản xuất nhiều lương thực và các loại nông, thủy sản có giá trị xuất khẩu. Đồng Tháp có tài nguyên đất màu mỡ, xóm làng trù phú bốn bề cây cối xanh tươi. Vì thế từ lâu Đồng Tháp được biết đến như một vựa lúa của

cả nước. Tuy nhiên, Đồng Tháp không nằm ngoài qui luật phát triển chung của xã hội đang từng ngày vươn lên nhằm khẳng định lại vị thế của mình, biểu hiện đó là chuyển dịch về cơ cấu kinh tế, các ngành dịch vụ trong đó phải kể đến ngành du lịch đang có những bước tiến mới. Xuất phát từ những thực tế trên thì việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch ở một khu du lịch sinh thái trong tỉnh Đồng Tháp là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Từ việc nghiên cứu về cơ sở lý luận và sự tham khảo một số đề tài nghiên cứu trước đây mô hình đánh giá sự hài lòng của du khách đối với chất lượng dịch vụ du lịch tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng được xây dựng dựa trên mô hình nghiên cứu của tác giả Lưu Thanh Đức Hải (2014) đề xuất thông qua đề tài “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng”. Dựa vào những cơ sở lý luận được đề cập phía trên mô hình nghiên cứu lòng trung thành của du khách đối với chất lượng dịch vụ du lịch tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng được xây dựng theo hình dưới đây:



Trong nghiên cứu này tác giả đã sử dụng thang đo Likert cho điểm từ 1 đến 5 để đo lường các biến quan sát nói trên, tác giả cũng sử dụng mô hình phân tích chất lượng dịch vụ, kiểm định thang đo mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ bằng hệ số Cronbach alpha, mô hình phân tích nhân tố khám phá (EFA); công cụ chủ yếu là phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy dạng nhị phân để đánh giá mức độ hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch trên địa bàn.

Số liệu sơ cấp được thu thập qua phỏng vấn trực tiếp 200 du khách bao gồm 75 khách quốc tế và 125 khách nội địa bằng phương pháp chọn mẫu phi xác suất theo phương pháp thuận tiện dựa trên việc tiếp xúc các du khách quốc tế và khách nội địa tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả kiểm định hệ số tin cậy Cronbach Alpha

Để đánh giá thang đo nghiên cứu, tác giả tiến hành phân tích hệ số Cronbach's Alpha. Như đã trình bày ở trên, mô hình nghiên cứu gồm 5 thành phần chính với 3 mục hỏi của các biến để đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng: (1) Sự tin cậy, (2) Sự đáp ứng, (3) Sự đảm bảo, (4) Sự cảm thông, (5) Phương tiện hữu hình, và 3 mục hỏi về sự hài lòng của du khách với chất lượng dịch vụ tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng.

Kết quả cho thấy với mức Alpha tổng bằng 0,914 > 0,8 là mức tốt. Tuy nhiên, trong đó có biến "sự khéo léo của nghệ nhân" có hệ số tương quan với biến tổng là 0,268 nhỏ hơn 0,3 và hệ số alpha nếu loại biến này là 0,916 lớn hơn hệ số alpha tổng. Do vậy, biến này bị loại ra khỏi mô hình. Còn tất cả các biến còn lại đều có hệ số alpha tương quan với biến tổng lớn hơn 0,5 chứng tỏ rằng các biến số này đạt độ tin cậy để sử dụng cho mô hình phân tích nhân tố.

Điểm trung bình mức độ hài lòng của du khách

Các yếu tố	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ hài lòng
Sự tin cậy:			
- An toàn địa phương	3,78	0,858	Hài lòng
- Vệ sinh môi trường	3,25	0,881	Hài lòng TB
- Vệ sinh an toàn thực phẩm	3,44	0,826	Hài lòng
Sự đáp ứng:			
- Sự liên kết các địa điểm du lịch	3,43	0,858	Hài lòng
- Món ăn đa dạng phong phú	3,64	0,742	Hài lòng
- Giá các dịch vụ liên quan	3,45	0,935	Hài lòng
- Sự đa dạng các hoạt động du lịch	3,58	0,930	Hài lòng
Sự đảm bảo:			
- Tính chuyên nghiệp của hướng dẫn viên	3,86	0,852	Hài lòng
- Sự khéo léo của nghệ nhân	3,84	0,779	Hài lòng
Sự cảm thông:			
- Sự nhiệt tình của hướng dẫn viên	3,90	0,897	Hài lòng
- Sự thân thiện của nghệ nhân	3,94	0,899	Hài lòng
Phương tiện hữu hình:			
- Ngoại hình, trang phục của hướng dẫn viên	3,80	0,869	Hài lòng
- Hệ thống giao thông	3,56	0,822	Hài lòng
- Hệ thống điện, nước	3,39	0,759	Hài lòng TB
- Hệ thống thông tin liên lạc	3,40	0,797	Hài lòng TB
- Phương tiện vận chuyển	3,48	0,779	Hài lòng
- Cảnh quang địa điểm	3,60	0,870	Hài lòng

Nguồn: Kết quả phỏng vấn 1.384 du khách năm 2019 (*)

Ý nghĩa của các giá trị trung bình:

Khoảng cách mức độ hài lòng = (Maximum Minimum) / n = (5 - 1)/5 = 0,8 Vậy ý nghĩa của các giá trị trung bình như sau:

- 1,00 – 1,80: Rất không hài lòng
- 1,81 – 2,60: Không hài lòng
- 2,61 – 3,40: Hài lòng trung bình
- 3,41 – 4,20: Hài lòng
- 4,21 – 5,00: Rất hài lòng.

Kết quả thống kê ở Bảng 5 cho thấy phần lớn các yếu tố thuộc 5 yếu tố đo lường mức độ hài lòng của du khách đều có điểm trung bình thuộc nhóm điểm từ 3,41 đến 4,20. Điều đó có nghĩa là đa số du khách hài lòng đối với 5 nhóm yếu tố khi đi du lịch tại khu du lịch sinh thái Gáo Giồng, chỉ có yếu tố vệ sinh môi trường; hệ thống điện, nước; hệ thống thông tin liên lạc có mức điểm thuộc mức độ hài lòng trung bình. Không có yếu tố nào thuộc 5 nhóm yếu tố trên có

mức điểm trung bình thuộc nhóm rất hài lòng, không hài lòng và rất không hài lòng.

Kiểm định sự khác biệt về mức độ hài lòng về chất lượng dịch vụ giữa 2 nhóm du khách quốc tế và nội địa

Nhóm du khách quốc tế		Nhóm du khách nội địa		So sánh (P-E)	Mức ý nghĩa (Sig. 2 tailed)
Các yếu tố	Trung bình	Các Yếu tố	Trung bình		
1. Sự tin cậy	3,62	1. Sự tin cậy	3,45	-0,17	0,005
2. Sự đáp ứng	3,58	2. Sự đáp ứng	3,39	-0,19	0,000
3. Sự đảm bảo	3,92	3. Sự đảm bảo	3,78	-0,14	0,007
4. Sự cảm thông	3,97	4. Sự cảm thông	3,76	-0,21	0,009
5. Sự hữu hình	3,61	5. Sự hữu hình	3,48	-0,13	0,000

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu so sánh Paired-sample T test giữa 2 nhóm du khách quốc tế và du khách nội địa

Kết quả kiểm định T cặp mẫu ở bảng trên cho thấy, hầu hết du khách quốc tế và du khách trong nước đều đánh giá khá tốt đối với 5 nhóm yếu tố cấu thành nên chất lượng dịch vụ du lịch ở khu du lịch sinh thái Gáo Giồng (điểm đánh giá theo thang đo Likert dao động từ 3,39 đến 3,97). Đặc biệt là sự sai lệch về cảm nhận của 2 nhóm du khách quốc tế và du khách trong nước là không lớn lắm chỉ dao động từ 0,13 đến 0,21 với mức ý nghĩa $p < 0,01$.

3.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Thang đo các yếu tố ảnh hưởng gồm 17 biến quan sát, theo kiểm định Cronbach's Alpha thì các quan sát này đều phù hợp. Sử dụng bộ biến số đã kiểm định ở trên để tiến hành phân tích nhân tố ta được kết quả ở Bảng ma trận nhân tố sau khi xoay. Trong đó, nhân tố thứ 1 (F1) tương quan với biến V8, V9, V10, V11, V12, V13 có hệ số tương quan cao nhất, các biến này thể hiện sự hài lòng về điều kiện vật chất phục vụ du lịch và an ninh.

Nhân tố thứ 2 (F2) bao gồm các biến V4, V5, V6, V7 với hệ số tương quan cao nhất, được đặt tên là chất lượng nhân viên và giá cả dịch vụ. Tương tự, nhân tố 3 (F3) có hệ số tương quan cao với biến V1, V2, V3, V14, V15, V16, V17 có tên gọi là chất lượng dịch vụ ăn uống và cảnh quan môi trường.

Bảng Ma trận nhân tố sau khi xoay (Rotated Component Matrix)

Các biến quan sát	Thành tố		
	1	2	3
V1	.171	.176	.757
V2	.034	.185	
V3	.239	.118	.728
V4	.111	.848	.199

Các biến quan sát	Thành tố		
	1	2	3
V5	.155	.838	.247
V6	.120	.856	.204
V7	.273	.645	.195
V8	.600	.384	.228
V9	.822	.162	.130
V10	.803	.091	.157
V11	.784	.094	.186
V12	.596	.193	.267
V13	.559	.370	.259
V14	.446	.182	.536
V15	.317	.372	.476
V16	.303	.317	.608
V17	.254	.389	.537

3.3. Phân tích Hồi quy Binary Logistic

Phương pháp phân tích Hồi quy Binary Logistic sử dụng biến phụ thuộc (Y) dạng nhị phân để ước lượng xác suất sự hài lòng của du khách sẽ xảy ra với những thông tin của biến độc lập là các nhân tố F1, F2, F3 ta vừa phân tích ở trên.

Kết quả mô hình hồi quy nhị phân

Biến số		Hệ số (β)	Hệ số Exp (β)	Mức ý nghĩa (Sig.)
Hằng số		12,425	0,000	0,000
+ Điều kiện vật chất phục vụ du lịch và an ninh	X1	0,939	2,559	0,006
+ Chất lượng nhân viên và giá dịch vụ	X2	0,719	2,052	0,006
+ Chất lượng dịch vụ ăn uống	X3	2,284	9,816	0,000
Sig				0,000
-2LL(-2 Log likelihood)				250,990
Cox & Snell R Square				0,373
Nagelkerke R Square				0,535

Nguồn: kết quả tính toán từ mô hình phân tích hồi quy nhị phân dựa trên số liệu điều tra

Kết quả mô hình hồi quy có dạng như sau:

$$\log_e[P(Y=1)/P(Y=0)] = -12,425X1 + 0,719X2 + 2,284X3$$

Qua mô hình này ta thấy 3 nhân tố ảnh hưởng đều có tác động dương, có nghĩa là các nhân tố này đều làm tăng mức độ hài lòng chung. Trong đó, nhân tố X3 (nhân tố F3) là chất lượng dịch vụ ăn uống có tác động mạnh nhất đến nhân tố chung (sự hài lòng của du khách), như vậy ngành du lịch cần tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ ăn uống sẽ nâng cao sự hài lòng cho du khách nhiều hơn.

Kết quả của các mô hình đo lường cho thấy, sau khi đã bổ sung và điều chỉnh, các thang đo đều đạt được độ tin cậy và giá trị cho phép. Kết quả cũng cho thấy trong phạm vi của nghiên cứu điển hình 200 du khách đến Gáo Giồng thì sự hài lòng của du khách có liên quan đến 3 thành phần: (1) “Điều kiện vật chất phục vụ du lịch và vấn đề an ninh”, (2) “Chất lượng nhân viên và giá cả dịch vụ”, và (3) “chất lượng dịch vụ ăn uống”. Dựa vào kết quả phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi qui dạng nhị phân cho thấy 3 thành phần nói trên đều có quan hệ nhân quả với sự hài lòng của du khách. Trong đó, “chất lượng dịch vụ ăn uống” tác động mạnh nhất đến sự hài lòng của du khách, kế đến là “Điều kiện vật chất phục vụ du lịch và vấn đề an ninh” và cuối cùng là “Chất lượng nhân viên và giá cả dịch vụ”.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Cần đầu tư cho những nghiên cứu chuyên đề về thị trường du lịch sinh thái Gáo Giồng để xác định nhu cầu của khách tham quan; Có đầu tư thỏa đáng cho công tác xúc tiến quảng bá làng du lịch sinh thái, góp phần tạo thị trường đối với loại hình du lịch hấp dẫn này; Bảo vệ môi trường nước ao sen trong sạch, tránh xả nước thải bẩn, có mùi xuống vì khu nhà ăn xây cất trên ao sen; Dịch vụ ăn uống cần đa dạng hơn, đặc biệt có những thực đơn phù hợp với khả năng tài chính của đối tượng là khách lẻ, khách là học sinh, sinh viên; Đầu tư thêm dịch vụ lưu trú nhưng cần quan tâm đến vấn đề vệ sinh và bảo vệ sức khỏe cho du khách.

Xây dựng một chiến lược tiếp thị thích hợp trên nền tảng các công cụ marketing hiệu quả nhằm thông tin rộng khắp hình ảnh du lịch Gáo Giồng đến với du khách. Vận dụng marketing- mix vào việc tiếp thị và quảng bá thương hiệu du lịch sinh thái Gáo Giồng; Chiến lược sản phẩm, chiến lược về giá, chiến lược phân phối, chiến lược chiêu thị cổ động....

Ngày nay, ngành du lịch ngày càng phát triển ở cả trong và ngoài nước vì thế để khu du lịch sinh thái Gáo Giồng ngày càng phát triển và giữ vững được vị thế là một trong những khu du lịch bậc nhất ở vùng Đồng Tháp Mười thì ngành du lịch Đồng Tháp và Ban giám đốc Khu du lịch sinh thái Gáo Giồng cần tiếp tục đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch, chú trọng tổ chức và tham gia các sự kiện, hội chợ triển lãm chuyên ngành, liên hoan du lịch trong và ngoài nước; liên kết phát triển du lịch với các tỉnh thành cả nước, kết nối sự kiện chung giữa 3 tỉnh tiểu vùng Đồng Tháp Mười (Đồng Tháp - Long An - Tiền Giang) để quảng bá điểm đến, tăng tính hấp dẫn, thu hút du khách, đặc biệt là khách quốc tế. Tích cực xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch mới, trong đó tập trung phát triển du lịch nông nghiệp sạch - công nghệ cao, du lịch cộng

đồng, du lịch sinh thái và hình thành các tour liên vùng; phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch đặc trưng từng khu điểm và các địa phương; xây dựng các điểm nhấn, tạo sự khác biệt tại các điểm đến Gáo Giồng, Xẻo Quýt, Tràm Chim, làng hoa Sa Đéc... Cải tiến về các loại hình như:

Dịch vụ câu cá: Cần trang bị đầy đủ các thiết bị câu cá, sự quan tâm nhiệt tình của hướng dẫn viên khu vực câu cá. Ngoài ra còn một giải pháp khác để thu hút du khách sử dụng dịch vụ câu cá là sự cải tiến trong hình thức câu khách đến với khu du lịch sinh thái Gáo Giồng.

Dịch vụ ăn uống: Trong thực đơn cần bổ sung một số món ăn đặc sản cho thực đơn của nhà hàng thêm phong phú, thực đơn cần phù hợp với từng loại du khách.

Dịch vụ xuống: Đảm bảo các hướng dẫn an toàn trước khi sử dụng dịch vụ để quy trình bơi xuống, cần nâng cao tinh thần bảo vệ môi trường của du khách, cần bổ sung một số loài động vật của rừng tràm.

Dịch vụ đàn ca tài tử: Sử dụng nguồn nhân lực địa phương, Tổ chức thu vào trong tiền vé cổng tham quan dưới hình thức đàn ca trên sông phục vụ chung cho tất cả du khách vào những ngày cao điểm để kích thích lượng khách sử dụng dịch vụ

Tỉnh Đồng Tháp cần tập trung đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ cho hướng dẫn viên tại điểm, tiếp đón, phục vụ du khách cho nông dân, quy trình các trang trại, nhà vườn, trạm dừng chân, khu điểm du lịch; tuyên truyền, hướng dẫn người dân tại các điểm du lịch cộng đồng nâng cao ý thức trách nhiệm, thái độ ứng xử văn minh; ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông kết nối tới các khu điểm du lịch trọng điểm và khu vực có tiềm năng phát triển du lịch; phát triển các cơ sở lưu trú du lịch gần gũi với thiên nhiên, các công trình dịch vụ sinh thái, nông nghiệp, trải nghiệm làng nghề truyền thống...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Khánh Toàn (2016), “Chất lượng dịch vụ, giá cả và sự hài lòng khách hàng”.
2. Dương Quế Nhu (2014), “Đánh giá mức độ thỏa mãn nhu cầu khách quốc tế của du lịch Cần Thơ và một số biện pháp thu hút khách du lịch đến Cần Thơ”
3. Lưu Thanh Đức Hải (2014), “Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách về chất lượng dịch vụ du lịch ở Tiền Giang”
4. Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Phạm Tuấn Minh (2015), “Đánh giá sự hài lòng của khách Du lịch nội địa tại điểm đến du lịch Phú Quốc, Kiên Giang”
Website: <http://vietnamtourism.gov.vn/>

KIÊN ĐỊNH CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI MÀ BÁC ĐÃ LỰA CHỌN TRONG THỜI KỲ MỚI

ThS. Đỗ Minh Khánh

Khoa Xây dựng Đảng - Trường Chính trị tỉnh Lai Châu

Cách đây vừa tròn 110 năm (ngày 5 tháng 6 năm 1911), Bác Hồ rời Bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước với câu nói giản dị nhưng đầy ý nghĩa, ý chí và mục tiêu cao cả: “Tôi muốn đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”.

Những năm đầu ra đi tìm đường cứu nước, Bác Hồ bôn ba khắp các châu lục để tìm hiểu bản chất của chủ nghĩa thực dân và tình cảnh giai cấp công nhân, nhân dân lao động. Bằng những tư liệu thu được, Bác rút ra kết luận: Ở đâu chủ nghĩa thực dân cũng tàn ác, vô nhân đạo, các dân tộc thuộc địa đều khổ đau; Trên đời này chỉ có hai giống người, giống người bóc lột và giống người bị bóc lột; Sự giả nhân, giả nghĩa, lừa bịp của chủ nghĩa đế quốc sau cụm từ: Tự do, bình đẳng, bác ái, nhân quyền. Từ đó, Người luôn luôn băn khoăn suy tư về câu hỏi: Làm thế nào để trên thế giới bớt đi những bất công? Con đường nào để giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột?

Năm 1920, Bác Hồ đã đọc “Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa” của V.I.Lênin đăng trên báo Nhân đạo của Đảng Xã hội Pháp. Bài viết đã tác động rất lớn đến hành trình đi tìm đường cứu nước của Bác Hồ: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”.

Như thế, sau nhiều năm đi khắp thế giới, Bác Hồ đã thực hiện được mục đích khi rời đất nước- tìm được con đường cứu nước, cứu dân: Đó là con đường cách mạng vô sản, lật đổ chế độ thực dân, phong kiến xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản - con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp cận con đường cách mạng vô sản, khẳng định tính tất yếu của cách mạng nước ta phải tiến hành cách mạng dân tộc, sau đó tiến lên chủ

nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo quốc tế thứ ba. Từng bước một trong cuộc đấu tranh, vừa nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên toàn thế giới khỏi ách nô lệ”.

Chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là một chế độ xã hội do nhân dân làm chủ, có nền kinh tế phát triển nhằm không ngừng nâng cao đời sống vật chất và đời sống tinh thần cho nhân dân; chủ nghĩa xã hội là một xã hội phát triển ở trình độ cao về văn hóa, đạo đức, một xã hội công bằng, mọi người có nghĩa vụ và quyền được lao động, hưởng theo lao động, các dân tộc bình đẳng. Chủ nghĩa xã hội là “một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động, ai làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng”

Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, lãnh đạo cách mạng, dân tộc Việt Nam ta đã lần lượt đánh thắng, đánh đuổi hai tên đế quốc xâm lược, giành độc lập dân tộc và từng bước thực hiện nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, dù cuộc sống còn nhiều khó khăn và còn có những vướng mắc phải giải quyết, nhưng không ai có thể phủ định một thực tế, người dân lao động Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành chủ nhân của đất nước, làm chủ xã hội. Cuộc sống của người dân từng bước được cải thiện và nâng cao cả về vật chất và tinh thần. Bản chất và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội định hình, hiện dần trong cuộc sống của mỗi người dân, trong từng gia đình, trong các cộng đồng xã hội từ miền xuôi đến miền núi, từ nông thôn đến đô thị.

Đứng trước những hạn chế, khó khăn trên cùng với những biến động chính trị ở Liên Xô và Đông Âu, con đường cách mạng vô sản - sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đứng trước những thách thức to lớn. Xuất phát từ thực tiễn đó, Đảng ta đã nhận

thức lại chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước. Kiên định với con đường cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn, Đảng ta, nhân dân ta tiến hành công cuộc Đổi mới toàn diện. Đại hội VI của Đảng (tháng 12-1986), con đường đổi mới đã được thông qua. Sự đổi mới ở đây không có nghĩa là từ bỏ con đường chủ nghĩa xã hội hoặc thay đổi mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, mà đổi mới để nhận thức đúng, đầy đủ hơn về chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Đổi mới ở đây là đổi mới tư duy, mà trước hết là tư duy kinh tế, không ngừng sáng tạo, bám sát thực tiễn của đất nước để xác định con đường cách mạng đi lên xã hội chủ nghĩa xã hội bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đại hội lần thứ VI (năm 1986) khẳng định: “Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm đem hết tinh thần và lực lượng tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng thời tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội” và “Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội khẳng định: toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc”.

Như vậy, Cách mạng vô sản ở Việt Nam trong bối cảnh Đổi mới về bản chất vẫn kiên định hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ nhân dân; trong đó nhiệm vụ dân chủ nhân dân với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân được đặt lên hàng đầu bên cạnh nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc phòng, độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia. Nhưng đến thời điểm hiện nay, với những thành tựu có ý nghĩa lịch sử dân tộc trong 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991, đặc biệt trong 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ xung và phát năm 2011) đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo

Những thành tựu có ý nghĩa to lớn, có ý nghĩa lịch sử kết tinh sức sáng tạo của Đảng và nhân ta. Khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử phát triển mạnh mẽ so với trước những năm đổi mới, Đặc biệt trong giai

đoạn 2016 - 2020. Mặc dù những năm cuối nhiệm kỳ, đại dịch Covi-19 và thiên tai bão lũ xảy ra ở các tỉnh miền Trung nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 6%/năm (riêng trong năm 2020 tăng trưởng GDP vẫn đạt 2,91% là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới). Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên (năm 2020 GDP đạt 271,2 tỷ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD) chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng xuất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011 - 2015 lên khoảng 6%/năm giai đoạn 2016 - 2020 và có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả cả một quá trình nỗ lực phấn đấu, bền bỉ liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo.

Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Đảng tiếp tục là ngọn cờ tư tưởng, lý luận dẫn dắt dân tộc ta vững vàng tiếp tục đẩy mạnh toàn diện đồng bộ công cuộc đổi mới; là nền tảng để Đảng ta hoàn thiện đường lối xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tr. 70
2. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 127.
3. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 128.
4. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 23.
5. Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2000, tr. 291.
6. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2011, tr. 69.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, sự thật 2021, tr. 61.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia, sự thật 2021, tr. 104.

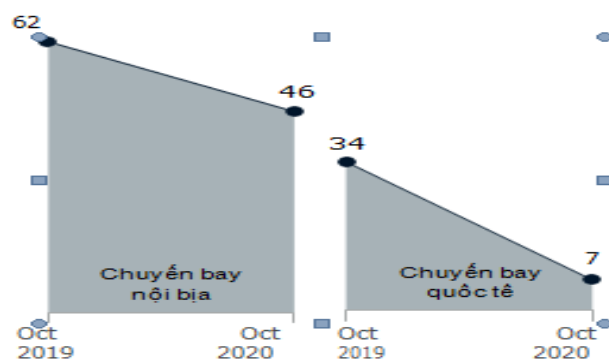
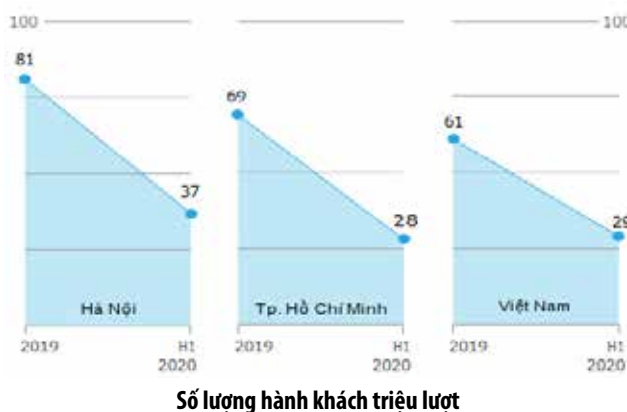
NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19

Đỗ Văn Tĩnh

Trường Đại học Duy Tân - Tp. Đà Nẵng

Đại dịch Covid-19 bùng phát trên thế giới đã tác động mạnh đến nền kinh tế Việt Nam, trong đó có ngành Du lịch. Các lệnh cấm bay, hạn chế đi lại và sự e ngại của du khách do lo sợ ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã khiến nhiều khách sạn, nhà hàng và chuỗi bán lẻ tại các điểm du lịch trở nên vắng khách, doanh thu ngành du lịch sụt giảm mạnh.

Theo Tổng cục Du lịch, vào giai đoạn trước đại dịch, ngành Du lịch đóng góp bình quân trên 10% vào GDP cả nước; tạo ra hơn 3 triệu việc làm. Tính chung trong giai đoạn 2015-2019, ngành du lịch đạt tốc độ tăng trưởng cao 22,7%. Tuy nhiên, đại dịch Covid-19 và ảnh hưởng của thời tiết cực đoan đã nhanh chóng “đóng băng” ngành du lịch Việt Nam. Việc đóng cửa biên giới để ngăn chặn Covid-19, khách quốc tế đến Việt Nam chỉ đạt khoảng 3,7 triệu lượt, giảm 79,5% so với năm 2019; khách nội địa đạt 56 triệu lượt, giảm 34,1%; tổng thu du lịch đạt 312 nghìn tỷ đồng, giảm 58,7% - mức giảm tương đương 19 tỷ USD. Khoảng 40-60% lao động bị mất việc làm hoặc cắt giảm ngày công. Khoảng 95% doanh nghiệp lữ hành quốc tế đã ngừng hoạt động. Nhiều khách sạn phải đóng cửa, công suất sử dụng phòng có thời điểm chỉ đạt từ 10-15%. Theo Tổng cục Thống kê, khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 3/2020 giảm mạnh, chỉ đạt gần 450.000 lượt khách, giảm 68,1% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 63,8% so với tháng 2. Đặc biệt, 2 thị trường khách quốc tế lớn nhất của du lịch Việt Nam đó là Trung Quốc và Hàn Quốc đều giảm 91,5% và 91,4%. Khách du lịch đến từ châu Á chiếm 72,54% với 2.674.367 lượt khách nhưng giảm hơn 21% so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường khách du lịch đến từ châu Âu đứng thứ hai với 648.731 lượt khách, chiếm 17,6% nhưng giảm 5% so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường khách du lịch đến từ châu Mỹ (chủ yếu là Mỹ) với 234.050 lượt khách, chiếm 0,63% nhưng giảm 20,24% so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường khách du lịch đến từ châu Úc với 102.181 lượt khách, chiếm 2,77% nhưng cũng giảm 14,37% so với cùng kỳ năm 2019.



Công suất sử dụng buồng phòng %

Nguồn: CBRE; Cục Hàng không Việt Nam; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam

Khách đến từ châu Âu trong quý I ước tính đạt 664,3 nghìn lượt người - giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến từ Vương quốc Anh đạt 81,4 nghìn lượt người - giảm 9,4%; Pháp 74,5 nghìn lượt người - giảm 14,7%; Đức 61,5 nghìn lượt người - giảm 14,9%; riêng khách đến từ Liên bang Nga tăng 13,6% với 245 nghìn lượt người. Khách đến từ châu Mỹ ước tính đạt 234 nghìn lượt người - giảm 20,2% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là khách đến từ Hoa Kỳ, đạt 172,7 nghìn lượt người - giảm 21,4%. Khách đến từ châu Úc đạt 102,2 nghìn lượt người - giảm 14,4%, trong đó khách đến từ Australia đạt 92,2 nghìn lượt người - giảm 15%. Khách đến từ châu Phi đạt 11,9 nghìn lượt người - tăng 2% so với cùng kỳ năm 2019.

Trước những thách thức này, ngành Du lịch đã chuyển hướng tập trung khai thác và phát triển du lịch nội địa, nhờ đó trở thành giải pháp cứu cánh cho doanh nghiệp lữ hành tồn tại trong giai đoạn dịch bệnh. Ngành Du lịch đã 2 lần phát động Chương trình kích cầu du lịch nội địa; lần thứ nhất vào tháng 5/2020 với chủ đề “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam và lần thứ hai vào tháng 9/2020 với chủ đề “Du lịch Việt Nam an toàn, hấp dẫn”. Chương trình kích cầu du lịch nhận được sự hưởng ứng tích cực của các địa phương, doanh nghiệp và người dân. Việc kích cầu du lịch nội địa đã tạo ra xu hướng chuyển dịch mới, lan tỏa cảm hứng khám phá Việt Nam an toàn và hấp dẫn, đem lại những đóng góp thiết thực cho quá trình khôi phục kinh tế: Nhiều khách du lịch trong nước lần đầu tiên được trải nghiệm, khám phá các điểm du lịch hàng đầu và nhiều địa điểm chưa được biết đến của Việt Nam chỉ với mức chi phí trung bình khá; các cơ sở vui chơi giải trí, các hoạt động mua sắm đều được kích hoạt; các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành hoạt động trở lại, từ đó giải quyết công ăn việc làm cho một lượng nhất định người lao động... Mặc dù sự hồi sinh của du lịch trong nước có thể chưa đủ để



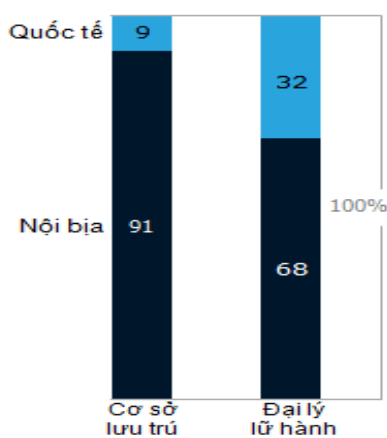
Nguồn: Tổng cục thống kê

thúc đẩy hoạt động của toàn bộ ngành du lịch nhưng nó có thể giữ chân các doanh nghiệp nhỏ hoạt động và kích thích nền kinh tế địa phương, làm giảm tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nền kinh tế nói chung cho đến khi du lịch quốc tế hoạt động trở lại.

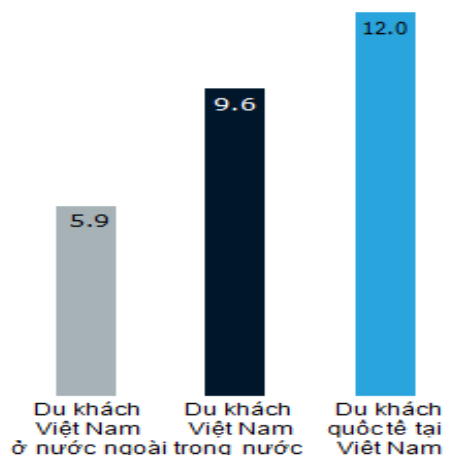
Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 nên khách quốc tế đến nước ta trong quý III/2020 chủ yếu là chuyên gia, lao động kỹ thuật nước ngoài làm việc tại các dự án ở Việt Nam. Trong tháng Chín, khách quốc tế ước tính đạt 13,8 nghìn lượt người, giảm 15,5% so với tháng trước và giảm 99,1% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2020, khách quốc tế đến nước ta đạt gần 3.788,5 nghìn lượt người, giảm 70,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách quốc tế đến trong quý I/2020 chiếm 97,3%, trong quý II và quý III chỉ chiếm 1,5% và 1,2%.

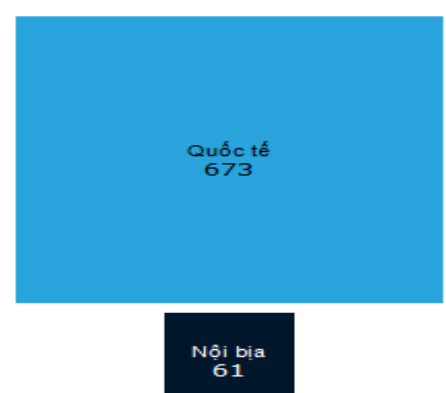
Sau giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội những tháng đầu năm, ngành du lịch Việt Nam lại tiếp tục đối mặt với “khó khăn chồng chất khó khăn” khi dịch Covid-19 bùng phát trở lại trong cộng đồng tại một số địa phương trên cả nước. Không chỉ các thành phố lớn mà hoạt động du lịch ở nhiều địa phương cũng gặp khó khăn do ảnh hưởng



Số lượng du khách %



Chỉ cho du lịch 2019 tỷ USD



Chi tiêu trung bình 1 du khách năm 2019

Nguồn: CBRE; Cục Hàng không Việt Nam; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam

của dịch bệnh. Trong 9 tháng năm 2020, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước tính đạt 369,3 nghìn tỷ đồng, giảm 15% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Khánh Hòa giảm 59,8%; Quảng Nam giảm 53,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 41,3%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 39,9%; Đà Nẵng giảm 35,7%; Cần Thơ giảm 24,7%; Bình Định giảm 16,3%; Thanh Hóa giảm 16,2%; Hà Nội giảm 15,7%; Tiền Giang giảm 14,5%... Doanh thu du lịch lữ hành 9 tháng ước tính đạt 14,2 nghìn tỷ đồng, giảm 56,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó Khánh Hòa giảm 78,7%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 73,7%; Quảng Nam giảm 70,6%; Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 68,5%; Đà Nẵng giảm 68,1%; Cần Thơ giảm 57,1%; Quảng Ninh giảm 49,8%; Bình Định giảm 44,3%; Hà Nội giảm 42,6%; Thanh Hóa giảm 39,9%; Hải Phòng giảm 34,9%.

Theo dữ liệu thống kê cuối tháng 9 năm 2020, lượng khách quốc tế đạt 3,8 triệu lượt người, giảm 70,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Vốn được xem là địa điểm ưu thích của người dân Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam đã chứng kiến sự sụt giảm hơn 70% số lượng khách du lịch Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản...

Sang đến năm 2021, diễn biến dịch COVID-19 trên thế giới tiếp tục phức tạp, dự báo bức tranh du lịch toàn cầu những tháng đầu năm 2021 vẫn chưa có dấu hiệu tươi sáng. Việt Nam vẫn bị ảnh hưởng bởi COVID-19 nên ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành cũng giảm sút nặng nề. Trong tháng 01/2021, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 48,7 nghìn tỷ đồng, giảm 4,1% so với cùng kỳ 2020, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt 4,5 nghìn tỷ đồng, giảm 15%;

doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 1,6 nghìn tỷ đồng, giảm 62,2%, trong đó doanh thu của Hà Nội giảm 45,6%; Cần Thơ giảm 50,1%; Đà Nẵng giảm 68,2%; thành phố Hồ Chí Minh giảm 69,9%; Quảng Nam giảm 91,3%; Khánh Hòa giảm 95%.

Tổng cục Thống kê (GSO) công bố báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I năm 2021 với nhiều tín hiệu tích cực về sự phục hồi và tăng trưởng của nền kinh tế trên nhiều lĩnh vực. Tuy vậy, với ngành du lịch và vận tải hành khách, tình hình chưa mấy khả quan. Quý I/2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 48.100 lượt người, giảm 98,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính riêng tháng 3/2021, Việt Nam tiếp đón 19.400 lượt người, tăng 77,3% so với tháng trước nhưng giảm 95,7% so với cùng kỳ. Việc khách quốc tế giảm cũng dễ hiểu khi Việt Nam có quy trình kiểm soát dịch bệnh rất nghiêm ngặt.

Đánh giá chung

Tác động tích cực

Đối với ngành du lịch, năm 2020 là một năm đầy gian nan và thử thách trong bối cảnh bùng phát đại dịch COVID-19, tuy nhiên, vẫn có một số mặt tích cực nhất định.

Đẩy mạnh phát triển du lịch, phục hồi ngành du lịch là hướng đi rất đúng đắn cho kinh tế nước ta. Nhưng đó phải là việc khai thác, phát triển du lịch đúng mức, theo hướng bền vững, thân thiện với thiên nhiên và con người, khai thác phải kèm theo gìn giữ và bảo tồn.

Tăng cường du lịch nội địa. Yêu cầu giãn cách xã hội và hạn chế di chuyển trên toàn cầu đã khiến cho các du khách tìm đến các địa điểm du lịch gần nhà hơn trong các kỳ nghỉ lễ.

Ngay sau khi khống chế thành công đại dịch trong nước, Bộ

Văn hóa, Thể thao và Du lịch nhanh chóng phát động chương trình “Người Việt Nam đi du lịch Việt Nam” từ đầu tháng 5-2020. Chương trình này được các doanh nghiệp, hiệp hội, các địa phương hưởng ứng nhiệt tình và đã thu được nhiều kết quả tích cực.

Riêng tại Đà Nẵng, Thông tin từ Sở Du lịch TP Đà Nẵng cho biết, sau một tháng triển khai chương trình kích cầu du lịch “Danang Thank You”, tổng lượng khách du lịch đến Đà Nẵng trong tháng 6-2020 đạt 454.764 lượt, tăng 85% với tháng 5-2020. Tại các điểm du lịch chính của thành phố đã đón 191.000 lượt khách; trong đó Khu du lịch SunWorld Bà Nà Hills đón 130.000 lượt; Khu du lịch Núi Thần Tài đón 33.000 lượt; Khu du lịch Ngũ Hành Sơn và Bảo tàng Đà Nẵng đón 28.000 lượt khách.

Tác động tích cực đối với môi trường. Dưới ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sự giảm sút rõ rệt của các hoạt động du lịch đã và đang đem lại những tác động tích cực đến môi trường. Cụ thể, việc tất cả mọi người được yêu cầu ở nhà để tránh lây lan Covid-19 đã mang lại cho hành tinh một luồng không khí trong lành khác thường. Các nhà khoa học dự đoán khí thải nhà kính thời gian này có thể đạt mức thấp nhất trong hơn một thập kỷ. Hàng loạt các hãng máy bay đóng cửa, các chuyến bay giảm gần 90%, kết quả thu được lượng khí thải CO2 giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2019, thậm chí còn lớn hơn mức giảm trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 và cuộc khủng hoảng dầu mỏ những năm 1970.

Tác động tiêu cực

Du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu GDP (đóng góp 10% vào cơ cấu GDP năm 2018), tạo động lực thúc đẩy

phát triển kinh tế - xã hội. Du lịch phát triển sẽ là tiền đề tạo nên sự thịnh vượng của các ngành nghề phụ trợ. Tuy nhiên, Dịch Covid-19 diễn ra năm 2020 đã tác động mạnh đến nền kinh tế Việt Nam, trong đó, ngành Du lịch bị ảnh hưởng rất nặng nề.

Hàng loạt khách sạn đóng cửa, chủ đầu tư rao bán dự án; cửa hàng, quán ăn tạm ngừng hoạt động dài hạn. Sự bùng phát của dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (nCoV) đã gây ra cú sốc lớn đối với ngành du lịch toàn cầu và được nhận định sẽ còn tiếp tục ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh khách sạn trong thời gian tới do vị thế thị trường khách du lịch nước ngoài lớn nhất thế giới của Trung Quốc.

Không chỉ du khách Trung Quốc mà du khách từ nhiều quốc gia trên thế giới có kế hoạch du lịch đến châu Á đều đã hủy tour và hủy đặt phòng khách sạn do lo sợ nguy cơ lây nhiễm vi rút Corona. Các khách sạn tại Việt Nam đã nhận được một lượng lớn yêu cầu hủy phòng ngay khi dịch bệnh bùng phát tại Việt Nam, không chỉ từ các nhóm khách đoàn, khách công tác mà cả các đối tượng khách lẻ. Tác động đầu tiên và dễ nhận thấy nhất từ dịch Corona tới du lịch Việt Nam là sự sụt giảm đáng kể lượng khách Trung Quốc khi đây đang là thị trường đóng góp tới hơn 30% lượt khách quốc tế vào năm ngoái.

Nhiều doanh nghiệp du lịch rút lui khỏi thị trường. Theo thống kê, có 1.037 doanh nghiệp dịch vụ việc làm, du lịch rút khỏi thị trường (tăng 32,2% so với năm 2019); Dịch vụ lưu trú và ăn uống (có 936 doanh nghiệp, tăng 29,3% so với năm 2019). Có thể thấy, du lịch và các ngành có liên quan bị ảnh hưởng khá mạnh trong dịch Covid-19, thể hiện không chỉ ở sự

sụt giảm mạnh trong doanh thu mà còn ảnh hưởng tới tâm lý của chủ doanh nghiệp, là sự e ngại dè chừng khi tiếp tục chờ đợi giai đoạn phục hồi sau đại dịch hoặc là ngừng hẳn hoạt động kinh doanh để bảo toàn vốn, hạn chế thua lỗ.

Tỷ lệ thất nghiệp tăng cao trong đại dịch Covid-19. Ngành du lịch là một trong những ngành sử dụng lượng nhân sự nhiều nhất, vì vậy, khi ngành này bị tổn thương thì ảnh hưởng rất nhiều tới xã hội. Theo báo cáo của Sở Du lịch thành phố Đà Nẵng, nửa đầu quý III/2020, khoảng 31.874 người/50.963 người, chiếm 62,5% tổng số lao động phải tạm ngừng, nghỉ việc (số lao động này chưa bao gồm đội ngũ nhân viên nhà hàng, giáo viên giảng dạy, cán bộ, công nhân viên quản lý Nhà nước về du lịch).

Trong đó, ước tính số lao động tạm ngừng, nghỉ việc đến tháng 8/2020 tại các doanh nghiệp lữ hành khoảng 1.800/1.848 lao động, chiếm 97,8%; tại các doanh nghiệp vận chuyển du lịch khoảng 2.599/3.042 lao động, chiếm 85,4%, số nhân viên tạm nghỉ không lương, mất việc tại các cơ sở lưu trú du lịch khoảng 25.983 nhân viên, tương ứng với 93% nhân viên thời điểm cuối năm 2019. Đây là một nguy cơ, bởi khi đại dịch qua đi, du lịch bước vào giai đoạn phục hồi thì sẽ bị thiếu nhân lực. Lỗ hổng nguồn nhân lực du lịch chắc chắn không thể tránh khỏi và có thể sẽ biểu hiện ngày càng rõ sau đại dịch.

Sự kêu cứu của ngành Hàng không. Dựa trên mối quan hệ cộng sinh giữa ngành Du lịch và ngành Vận tải hành khách, dưới tác động của Covid-19, năm 2020 được Hiệp hội vận tải hàng không thế giới (IATA), đánh giá là năm tồi tệ nhất trong lịch sử ngành hàng không dân dụng của tất cả

các quốc gia trên thế giới. Tại Việt Nam, số liệu từ Cục Hàng không Việt Nam cho thấy, sau nhiều năm liên tục tăng trưởng 2 con số, năm 2020, do ảnh hưởng chưa từng thấy của dịch Covid-19, thị trường vận tải hàng không Việt Nam quay đầu giảm mạnh so với các năm trước. Ngành hàng không đã chịu tác động to lớn từ ba đợt bùng phát dịch bệnh. Ước tính năm 2020, các hãng hàng không Việt Nam đã phải gánh khoản lỗ trên 18.000 tỷ đồng từ hoạt động vận tải hàng không và doanh thu giảm khoảng 100.000 tỷ đồng so với năm 2019.

Hiện nay, thị trường bay quốc tế vẫn đóng băng, hoạt động bay của các hãng chủ yếu chỉ là vận chuyển khách hồi hương, vận chuyển chuyên gia và vận chuyển hàng hóa. Trong 2 tháng đầu năm 2021, vận chuyển khách quốc tế chỉ đạt 66.600 khách, giảm 98,8% so cùng kỳ 2019. Mặt khác, thị trường hàng không nội địa cũng đã giảm sút nghiêm trọng do dịch bệnh đợt 3 diễn ra đúng vào dịp Tết âm lịch (27/1-26/2/2021), khi nhu cầu vận chuyển đạt cao điểm nhất trong năm, nên lượng khách bỏ chỗ rất lớn. Lượng khách giảm, số chuyến bay cũng giảm theo nhưng chi phí tăng cao do phải đảm các biện pháp phòng dịch. Trong bối cảnh hoạt động bay bị thu hẹp, các doanh nghiệp dịch vụ thương mại, dịch vụ kỹ thuật, cung ứng suất ăn hàng không... đều bị ảnh hưởng bất lợi, giảm sút cả về doanh thu lẫn sản lượng từ tháng 3/2020. Dự báo năm 2021, doanh thu các hãng hàng không vẫn tiếp tục giảm sâu so với năm 2019 và các hãng vẫn lỗ trên 15.000 tỷ đồng từ vận tải hàng không. Đặc biệt, do năm 2020, các hãng đã phải chuyển nhượng tài sản và các khoản đầu tư, tài chính tích lũy từ nhiều năm trước để cải thiện dòng tiền nên năm 2021, các hãng đối

diện với nguy cơ cạn kiệt dòng tiền hoạt động từ ngay giai đoạn thấp điểm sau dịp Tết Nguyên đán.

Định hướng giải pháp

Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước trong ngành du lịch.

Nhà nước cần có những chính sách miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp trong ngành du lịch như: Miễn thuế giá trị gia tăng cho tiêu dùng du lịch và các doanh nghiệp du lịch, giảm chi phí môi trường cho các doanh nghiệp du lịch, giảm thuế khoán đối với các hộ kinh doanh du lịch cá thể, áp dụng mức giá điện theo đơn giá điện sản xuất cho các cơ sở kinh doanh nhà hàng, dịch vụ lưu trú du lịch thay vì áp dụng mức giá dịch vụ...; Cần tập trung nâng cao chất lượng tham mưu quản lý nhà nước về du lịch, trong đó tập trung xây dựng Chiến lược phát triển du lịch đến năm 2030; tham mưu thành lập Hội đồng phát triển du lịch và phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo Phát triển Du lịch. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ doanh nghiệp du lịch. Nâng chất các sản phẩm du lịch hiện tại và tích cực xây dựng, phát triển sản phẩm du lịch mới theo hướng đa dạng hóa, khai thác lợi thế, tiềm năng, kết nối giữa các tỉnh, thành trong liên kết vùng như du lịch y tế, du lịch đường thủy, du lịch văn hóa- lịch sử, văn hóa nghệ thuật và ẩm thực... Sở Du lịch các tỉnh thành cũng cần thiết chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực; tiến hành đồng thời các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức nhằm nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch cũng như chất lượng nguồn nhân lực đang lao động tại các cơ sở kinh doanh du lịch với việc liên kết đào tạo nguồn nhân lực du lịch cho các địa phương;

Phát triển du lịch bền vững.

Khai thác hiệu quả tài nguyên du lịch, phù hợp với xu hướng, nhu cầu của thị trường. Đồng thời đa dạng hóa thị trường du lịch để tránh phụ thuộc vào một số thị trường nhất định, từ đó có thể hạn chế rủi ro trước những biến cố trong khu vực và thế giới; Cần điều chỉnh lại cách hoạt động, nghiên cứu nhu cầu thị trường của các doanh nghiệp để có những sản phẩm du lịch phù hợp có chất lượng; Tăng cường xúc tiến, quảng bá, phát triển các sản phẩm mới thu hút khách du lịch quốc tế, nhất là khách du lịch từ các vùng không chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh; đồng thời tập trung phát triển mạnh du lịch nội địa ở các vùng, miền của đất nước; Tăng cường sự liên kết để tăng sức đề kháng và phát triển mạnh mẽ; liên kết với hàng không, vận tải, khách sạn, nhà hàng... để xây dựng những gói kích cầu du lịch, đưa du lịch hồi phục nhanh sau giai đoạn khủng hoảng; Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn phòng chống dịch Covid-19. Du lịch bền vững sẽ là động lực cho ngành hiện nay. Trong bối cảnh du lịch là hoạt động nhạy cảm, luôn bị ảnh hưởng từ các điều kiện khách quan, phát triển doanh nghiệp bền vững được đặt ra như một nhu cầu. Bên cạnh đó, còn đáp ứng nhu cầu đa dạng, đòi hỏi ngày càng cao của khách du lịch, đồng thời phù hợp với xu thế phát triển du lịch trên thế giới.

Việc nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp về phát triển bền vững sẽ giúp các doanh nghiệp ứng phó tốt hơn với các rủi ro hiện tại và trong tương lai. Việc nâng cao năng lực này gồm nâng cao năng lực doanh nghiệp trên nhiều góc độ như: nâng cao nhận thức về du lịch bền vững, phát triển và khác biệt hóa sản phẩm du lịch bền vững, marketing du lịch bền vững, vận hành doanh nghiệp du lịch

bền vững, quản trị doanh nghiệp du lịch bền vững, kiểm toán du lịch bền vững. Ngoài ra, cũng cần triển khai nhiều hoạt động khác nhau cho doanh nghiệp lĩnh hành nhằm nâng cao kiến thức về phát triển bền vững, cách làm để có sản phẩm khác biệt, du lịch trách nhiệm với cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường, áp dụng các tiêu chí của phát triển du lịch bền vững..., bảo đảm các mục tiêu của phát triển du lịch bền vững gồm: Hiệu quả kinh tế; Phát triển cho địa phương; Đáp ứng sự thỏa mãn của khách du lịch; Bảo tồn các giá trị văn hóa; Bảo vệ tự nhiên; Bảo vệ môi trường; Sử dụng hiệu quả các nguồn lực; An sinh xã hội; Công bằng xã hội. Ngoài ra, quản trị doanh nghiệp bền vững sẽ giúp cho các doanh nghiệp lĩnh hành nâng cao hình ảnh của doanh nghiệp, bảo đảm cho doanh nghiệp phát triển bền vững, nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, dự đoán và đối phó với rủi ro và thách thức trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Linh Chi - Bích Trâm (2020), *Ngành Du lịch lao đao vì corona*.
2. Nhật Nam (2020), *Doanh nghiệp đề xuất Chính phủ các giải pháp hỗ trợ phục hồi du lịch*, Báo điện tử Chính phủ;
3. Tâm Lê (2020), *Ngành Du lịch khắp nơi chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19*
4. Tổng cục Thống kê (2020), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý I/2020*;
5. Website: <http://www.gso.gov.vn>; <http://www.vietnamtourism.gov.vn>; <http://www.vietnam-tourism.com/>

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN: TỪ LÝ THUYẾT ĐẾN THỰC TIỄN ỨNG DỤNG

Nguyễn Thị Kim Dung

Đại học Kinh tế Quốc dân

TÓM TẮT

Kinh tế tuần hoàn hiện được coi là mô hình kinh tế đáp ứng yêu cầu về giải quyết ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững. Nghiên cứu này góp phần làm rõ hơn nhận thức về vai trò của kinh tế tuần hoàn từ đó cung cấp các giải pháp hữu ích cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia.

MỞ ĐẦU

Trong những thập kỷ vừa qua, nền kinh tế thế giới đã đạt được những thành tựu quan trọng giúp chất lượng cuộc sống của con người ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, cách thức vận hành của nền kinh tế theo mô hình kinh tế tuyến tính (Linear Economy) thể hiện qua chu trình Khai thác tài nguyên - Sản xuất - Tiêu dùng - Thải loại đã làm cho tài nguyên liên tục bị khai thác và khối lượng chất thải ra môi trường gia tăng. Do đó, sự phát triển kinh tế mạnh mẽ theo mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống đã đồng thời làm suy kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, phá vỡ cân bằng sinh thái, và gây tổn hại lớn đến môi trường.

Những vấn đề trên đã và đang gây ra những áp lực rất lớn đối với nền kinh tế, đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải thay đổi mô hình phát triển. Trong bối cảnh đó, kinh tế tuần hoàn (KTTH – Circular Economy) được xem như một mô hình với nhiều ưu việt có thể phá vỡ sự ràng buộc lâu nay giữa tăng trưởng kinh tế và các ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường. Sự chuyển dịch từ nền kinh tế tuyến tính sang KTTH được xem như xu hướng tất yếu đang diễn ra đồng thời tại nhiều quốc gia trên thế giới.

Bài nghiên cứu sẽ trình bày những nội dung cơ bản về KTTH để thấy được tính ưu việt của mô hình này. Đồng thời bài báo cũng đề cập đến thực tiễn áp dụng mô hình KTTH ở một số quốc gia trên thế giới. Mục tiêu là thông qua việc phân tích các mô hình KTTH đang được ứng dụng tại các quốc gia có điều kiện phát triển kinh tế xã hội và môi trường khác nhau, nghiên cứu sẽ đưa ra kết luận về những nguyên tắc chung cần lưu ý khi áp dụng mô hình này để tạo ra sự phát triển hài hòa về cả kinh tế và môi trường ở mỗi quốc gia.

TÍNH ƯU VIỆT CỦA KINH TẾ TUẦN HOÀN

Theo Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp quốc - UNIDO (2017), KTTH được coi là mô hình tạo ra giá trị và sự thịnh vượng lâu dài. Mô hình này hoạt động bằng cách kéo dài vòng đời của sản phẩm thông qua cải tiến thiết kế và bảo dưỡng sản phẩm, sử dụng chất thải của chuỗi cung ứng làm đầu vào cho chu trình tiếp theo, vì vậy, tài nguyên không chỉ được sử dụng một lần duy nhất mà được sử dụng hiệu quả nhiều lần. Trong nền kinh tế tuần hoàn, các sản phẩm được thiết kế đảm bảo độ bền trong sử dụng, có khả năng tái sử dụng và tái chế cao và những sản phẩm cũ trở thành những nguyên liệu để sản

xuất những sản phẩm mới. Như vậy, KTTH giúp thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời giảm khai thác tài nguyên và giảm chất thải ra môi trường, từ đó góp phần bảo vệ hệ sinh thái và sức khỏe con người.

Tương tự như vậy, McKinsey Center for Business and Environment (2016) cho rằng nền KTTH đang được phục hồi bằng cách sử dụng và tái sử dụng vốn tài nguyên một cách hiệu quả nhất có thể, đồng thời tìm ra được giá trị xuyên suốt vòng đời của sản phẩm hoàn thiện. Theo Bùi Thị Hoàng Lan (2020), để hướng tới phát triển bền vững thì mô hình KTTH chính là mô hình phát triển tất yếu của thế giới. KTTH sẽ giúp các quốc gia đạt được đồng thời 3 mục tiêu: (i) Ứng phó với sự cạn kiệt của tài nguyên đầu vào; (ii) Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong phát triển ở đầu ra; (iii) Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, việc áp dụng mô hình KTTH còn đem lại nhiều lợi ích cho các quốc gia, giúp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu sự biến động giá và rủi ro đến từ các nhà cung cấp, đồng thời gia tăng tính đổi mới sáng tạo bằng việc thay thế các sản phẩm, thúc đẩy nghiên cứu khoa học và tạo thêm việc làm...

Nhìn chung nền KTTH thể hiện rất nhiều ưu việt và xứng đáng là sự lựa chọn hàng đầu cho các quốc gia hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, giải quyết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và suy thoái môi trường. Mô hình KTTH tuy đa dạng tùy vào quan điểm, lĩnh vực nghiên cứu hay mục tiêu cần đạt được nhưng luôn đảm bảo tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng, nguyên vật liệu đồng thời giảm thiểu chất thải, tối ưu hóa sản lượng tài nguyên, tích cực sử dụng năng lượng tái tạo và tối thiểu hóa các ngoại ứng tiêu cực.

THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TUẦN HOÀN TRÊN THẾ GIỚI

Như vậy, khi dân số ngày một tăng nhanh trong khi nguồn tài nguyên lại hữu hạn, mô hình kinh tế tuyến tính đã bộc lộ nhiều hạn chế thể hiện rõ qua hệ lụy của văn hóa tiêu thụ, tạo ra khuynh hướng lãng phí, suy kiệt tài nguyên và tổn hại đến môi trường. Vì vậy phong trào toàn cầu chuyển đổi từ kinh tế tuyến tính sang KTTH ngày càng trở nên mạnh mẽ. Tuy nhiên, phương thức tiếp cận và áp dụng mô hình KTTH ở các quốc gia trên thế giới rất đa dạng do điều kiện phát triển kinh tế và môi trường ở các nước khác nhau.

Nguyễn Khắc Hải và cộng sự (2021) đã tổng kết kinh nghiệm áp dụng mô hình KTTH ở một số các quốc gia điển hình như Hà Lan, Đức, Pháp, Canada, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... Các quốc gia này sử dụng rất đa dạng các biện pháp và các chương trình khác nhau trong quá trình tiên phong ứng dụng mô hình KTTH. Các biện pháp được áp dụng phổ biến như quy định trách nhiệm của nhà sản xuất hay thân thiện với môi trường (khâu thiết kế), tái sử dụng và thu hồi sản phẩm (khâu sản xuất), tiêu dùng xanh và thông tin cho người

tiêu dùng (khâu tiêu dùng), cấm chôn lấp và thu phí rác thải (quản lý rác thải), đánh thuế năng lượng/môi trường và nâng cao nhận thức của các cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế.

Khi phân tích trường hợp Thụy Điển, quốc gia tiên phong ứng dụng mô hình KTTH và phát huy được tính hiệu quả của mô hình này, Bùi Thị Hoàng Lan (2020) cho thấy cần sự thống nhất tư duy trên phạm vi cả nước từ Chính phủ, doanh nghiệp và người dân về phát triển và xây dựng nền KTTH. Mô hình KTTH được xây dựng dựa trên áp dụng công nghệ cao và có thể thực hiện đổi mới sáng tạo rộng rãi ở nhiều ngành khác nhau như thực phẩm, nhựa, chế tạo và xây dựng.

Như vậy, mô hình KTTH có thể triển khai dưới nhiều hình thức đa dạng ở các quốc gia khác nhau. Tuy nhiên để đạt được những kết quả tích cực thì không chỉ một bên tham gia riêng lẻ nào có thể thực hiện được mà đòi hỏi sự tham gia đồng bộ của các cá nhân, các tổ chức và các cơ quan ban ngành, các cấp chính quyền. Sự chuyển mình của nền kinh tế ở một đất nước cần sự chung tay của cả xã hội ở quốc gia đó.

KẾT LUẬN

Chuyển dịch từ nền kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn là một xu thế tất yếu. Rất nhiều quốc gia đã tiên phong trong quá trình chuyển đổi này với nhiều hình thức áp dụng mô hình KTTH khác nhau. Tuy nhiên quá trình này đòi hỏi một sự chuyển đổi toàn diện từ cách thức tạo ra sản phẩm, dịch vụ trong cả hệ thống kinh tế. Mặc dù trên phương diện lý thuyết, mô hình KTTH thể hiện rất nhiều ưu việt, nhưng để đạt được những kết quả tích cực trong thực tiễn phụ thuộc rất lớn vào việc học và ứng dụng mô hình

này của mỗi cá nhân, các nhóm cộng đồng và các tổ chức.

KTTH không phải là một mô hình cho cả nền kinh tế mà trong nền kinh tế có thể áp dụng nhiều mô hình KTTH trong các lĩnh vực, các ngành, các quá trình sản xuất khác nhau. Cũng cần lưu ý rằng KTTH không phải là mục tiêu mà là phương thức để hướng đến phát triển bền vững. Do đó, việc ứng dụng mô hình KTTH là hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững, gắn liền phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường của các quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bùi Thị Hoàng Lan (2020), *Phát triển nền kinh tế tuần hoàn ở một số quốc gia và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - Tháng 8/2020.
2. Bùi Văn Huyền và Nguyễn Ngọc Toàn (2020), *Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - Tháng 11/2020.
3. McKinsey Center for Business and Environment (2016), *The circular economy: Moving from theory to practice*, Special Edition, McKinsey&Company, October 2016.
4. Nguyễn Khắc Hải và cộng sự (2021), *Kinh tế tuần hoàn: kinh nghiệm quốc tế và định hướng phát triển tại Việt Nam*, Tạp chí Công thương online, truy cập tại : <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/kinh-te-tuan-hoan-kinh-nghiem-quoc-te-va-dinh-huong-phat-trien-tai-viet-nam-81339.htm>
5. UNIDO (2017), *Circular Economy*, Vienna, Austria. Available at: https://www.unido.org/sites/default/files/2017-07/Circular_Economy_UNIDO_0.pdf

NHỮNG RÀO CẢN ĐỐI VỚI TÍN DỤNG XANH TẠI VIỆT NAM

Ths. Đào Thị Thanh Tú

Học viện Ngân hàng

“ Các yếu tố cực đoan của môi trường đã ngày càng ảnh hưởng nghiêm trọng tới cuộc sống của con người. Nguyên nhân chủ yếu từ việc sản xuất và tiêu thụ không bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên kèm theo ô nhiễm môi trường. Chính vì vậy, chiến lược “kinh tế xanh” đang là lựa chọn mới của các quốc gia, nhằm thúc đẩy kinh tế toàn cầu phát triển bền vững. Để tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế xanh, tín dụng xanh là một kênh cung cấp vốn rất quan trọng. Tuy nhiên, việc mở rộng tín dụng xanh ở Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Bài viết tập trung xem xét các rào cản nhằm rút ra những khuyến nghị hữu ích cho Việt Nam về vấn đề này. ”

Trong những năm gần đây, sự phát triển kinh tế và khoa học công nghệ đang ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh thái và chất lượng cuộc sống của con người. Để hướng tới sự phát triển bền vững nền kinh tế, hạn chế sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng không tái tạo và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhiều nước trên thế giới đã lựa chọn mô hình phát triển là xanh hóa nền kinh tế. Tại Việt Nam, Đảng và Nhà nước cũng đã xây dựng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050, khẳng định: tăng trưởng xanh là một nội dung quan trọng của phát triển bền vững, đảm bảo phát triển kinh tế nhanh, hiệu

quả, bền vững và góp phần quan trọng thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu. Để tạo lập nền tảng pháp lý và tạo đà cho quá trình xanh hoá nền kinh tế, ngày 25 tháng 9 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1393/QĐ-TTg, phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050. Hiện nay

các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố đã cụ thể hóa chiến lược tăng trưởng xanh thành kế hoạch hành động với các mục tiêu cụ thể nhằm khuyến khích phát triển nhu cầu tài chính xanh cho các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh theo tiêu chí xanh. Đó là những hoạt động kinh doanh được thực hiện



tại các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ hoặc cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường, sản xuất và tiêu thụ ít nguyên liệu carbon, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

Để triển khai hoạt động đầu tư này, nguồn vốn tài trợ có thể hình thành từ ba nguồn chính sau:

Nguồn vốn công trong nước: Là nguồn vốn tài trợ trực tiếp từ chính phủ và các tổ chức tài chính phát triển quốc gia (Development Financial Institutions-DFI). Chính phủ các nước tham gia tài trợ cho hoạt động đầu tư xanh nhằm đạt được các mục tiêu: (i) Hình thành và đảm bảo nguồn tài trợ cho các ngành công nghiệp xanh và tăng trưởng bền vững; (ii) Phát triển các sản phẩm tài chính mới hỗ trợ cho nền kinh tế carbon thấp; (iii) Thu hút các nguồn vốn đầu tư tư nhân để xây dựng và duy trì cơ sở hạ tầng xanh; (iv) Hỗ trợ triển khai các thông lệ quản lý xanh đối với khu vực doanh nghiệp và tăng cường tài trợ cho các doanh nghiệp áp dụng các thông lệ đó; (v) Thiết lập thị trường đối với hàng hóa và dịch vụ môi trường. Trong nguồn vốn công trong nước, nguồn vốn từ DFI chiếm phần lớn cho việc tài trợ phát triển các dự án biến đổi khí hậu và carbon thấp. Phần lớn các DFI có mối liên hệ chặt chẽ với chính phủ, trong đó, chính phủ đóng vai trò tài trợ hoặc cung cấp vốn chính.

Nguồn vốn công cộng nước ngoài: Là nguồn vốn từ các tổ chức, định chế quốc tế hay các ngân hàng phát triển song phương và đa phương. Trong đó, nguồn vốn từ các tổ chức chiếm tỷ trọng lớn nhất. Các nhà đầu tư tổ chức thường có xu hướng đầu tư vào các doanh nghiệp hay dự án hoạt động có trách nhiệm với xã hội, có khả năng phát triển ổn định, lâu dài và bền vững.

Nguồn vốn khu vực tư nhân

trong và ngoài nước: Nguồn vốn tư nhân hình thành chủ yếu từ sự đóng góp của một số nhóm đầu tư như các nhà phát triển dự án, doanh nghiệp, hộ gia đình, các định chế tài chính thương mại... Các nhà đầu tư tư nhân bỏ vốn vào dự án xanh phụ thuộc vào mức độ hài lòng của họ khi so sánh giữa chi phí và lợi ích của dự án. Mọi hoạt động và nỗ lực của chính phủ đối với hoạt động đầu tư xanh có thể giảm bớt các rủi ro, gia tăng sự đảm bảo cho các khoản lợi nhuận dự kiến có được từ dự án, từ đó làm tăng khả năng thuyết phục nhà đầu tư.

Như vậy, nguồn vốn cho đầu tư xanh được tài trợ bằng nhiều phương thức khác nhau. Tuy nhiên, lựa chọn những kênh nào là phù hợp có sự khác biệt giữa các quốc gia.

Đối với nguồn tín dụng xanh tại Việt Nam, theo Vụ Tín dụng các ngành kinh tế (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), dư nợ tín dụng xanh đã tăng từ hơn 71 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2015, lên đến 340 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2020, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp sạch và năng lượng tái tạo. Tính đến ngày 16/4/2021, tín dụng toàn nền kinh tế đạt gần 9,5 triệu tỷ đồng, kéo theo đó, số dư nợ tín dụng xanh tiếp tục gia tăng. Như vậy, trong 6 năm qua, tốc độ tăng trưởng tín dụng xanh lên đến 378,9%, trung bình tăng 63,1%/năm, gấp 3 lần mức tăng trưởng tín dụng bình quân giai đoạn này. Tuy nhiên, tỷ trọng tín dụng xanh vẫn còn khiêm tốn trong tổng dư nợ tín dụng nền kinh tế. Cụ thể, tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh tăng tương ứng từ 1,55% năm 2015 lên mức 3,69% năm 2020. Trong đó, dư nợ lĩnh vực nông nghiệp xanh chiếm gần 40%, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chiếm hơn 30%. Tại BIDV, tổng dư nợ đối với

các dự án xanh đến thời điểm cuối năm 2020 chiếm khoảng 1,8% tổng dư nợ cho vay.

MỘT SỐ RÀO CẢN ĐỐI VỚI TÍN DỤNG XANH

Mặc dù có những chính sách khuyến khích các tổ chức tín dụng hướng dòng vốn tín dụng vào việc tài trợ những dự án thân thiện với môi trường, bao gồm năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Tuy nhiên, mở rộng tín dụng xanh còn nhiều rào cản sau đây:

Nhận thức của xã hội về doanh nghiệp xanh còn hạn chế: Các bộ, ngành, địa phương vẫn thiếu sự phối hợp trong tổ chức quản lý chiến lược phát triển ngành, vùng, địa phương theo hướng tăng trưởng xanh. Hiện tượng chạy đua xây dựng, cấp phép cho nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh... thiếu quy hoạch lâu dài, không tính kỹ hiệu quả kinh tế cũng như những tác động đến môi trường. Hệ quả là nguồn tài nguyên không tái tạo bị khai thác cạn kiệt, gia tăng gánh nặng về ô nhiễm môi trường, đe dọa cuộc sống của người dân, lãng phí vốn mà không mang lại hiệu quả kinh tế. Ngoài ra, thói quen tiêu dùng cũ, thiếu kiến thức về các tiêu chuẩn xanh đối với đời sống cũng như ý thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường của người tiêu dùng cũng là rào cản trong phát triển các doanh nghiệp xanh tại Việt Nam.

Năng lực đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam còn hạn chế: Công nghệ thân thiện với môi trường, giảm tối đa phế thải độc hại và tăng cường khả năng tái chế, đầu tư công nghệ mới, sử dụng năng lượng hợp lý... là xu hướng phát triển bền vững trong tương lai mà các doanh nghiệp cần hướng đến. Tuy nhiên thách thức lớn nhất của doanh nghiệp khi tiếp cận với công nghệ xanh

là chi phí đầu tư ban đầu. Vốn đầu tư ban đầu của hệ thống công nghệ xanh rất là lớn, trong khi ở Việt Nam đa số là doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiềm lực vốn còn hạn chế, khả năng tiếp cận các khoản vay khó khăn khiến doanh nghiệp chưa mặn mà với công nghệ xanh. Nhiều doanh nghiệp còn né tránh việc đầu tư chiều sâu cho các công nghệ xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường, trì hoãn các biện pháp khắc phục khi hoạt động kinh doanh gây ra hậu quả với môi trường. Kinh nghiệm của nhiều chủ đầu tư còn hạn chế, nhất là lĩnh vực điện nói chung và lĩnh vực năng lượng tái tạo nói riêng.

Còn thiếu những quy định, hướng dẫn cụ thể về phát triển ngân hàng xanh: Trong kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của Chính phủ, các tổ chức tín dụng được xem là những mắt xích quan trọng. Theo chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/03/2015, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) yêu cầu các ngân hàng thương mại thúc đẩy cấp tín dụng xanh cho những dự án có mục tiêu rõ ràng về việc bảo vệ môi trường, khuyến khích hoạt động kinh doanh thân thiện với môi trường. NHNN cũng ban hành Chỉ thị 01/2017 tiếp tục nhấn mạnh việc triển khai kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đến năm 2020. Ngày 15/08/2018, NHNN cũng ra quyết định 1604/QĐ-NHNN về việc phê duyệt “Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam” đưa ra 3 mục tiêu cụ thể đối với ngành ngân hàng: (i) từng bước tăng tỷ trọng tín dụng cho các ngành, lĩnh vực xanh; (ii) đẩy mạnh ứng dụng công nghệ đi cùng với xây dựng thói quen thân thiện với môi trường cho khách hàng; (iii) phấn đấu đến năm 2025, 100% ngân hàng thực hiện đánh giá rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Áp dụng các tiêu chuẩn về môi

trường cho các dự án được ngân hàng cấp vốn vay. 60% ngân hàng tiếp cận được nguồn vốn xanh và triển khai cho vay các dự án tín dụng xanh... Tuy nhiên, hướng dẫn về danh mục các ngành, lĩnh vực xanh vẫn còn chung chung, chưa có các tiêu chí cụ thể để các ngân hàng có căn cứ lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp tín dụng xanh.

Nguồn vốn từ ngân sách và nguồn tín dụng quốc tế còn hạn chế: NHNN cũng hỗ trợ các NHTM trong tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi từ các tổ chức quốc tế đã, đang và dự kiến sẽ tài trợ cho các dự án, chương trình thuộc lĩnh vực tăng trưởng xanh và chống biến đổi khí hậu như WB, ADB, IFC... Tuy nhiên, thách thức huy động vốn, tiếp cận trực tiếp đến các quỹ khí hậu quốc tế đối với các dự án tăng trưởng xanh là rất lớn do các quỹ khí hậu đều đưa ra các quy định chặt chẽ. Vì vậy, khi muốn tiếp cận các quỹ này, phải vượt qua được tất cả các quy định bảo đảm về môi trường và xã hội.

Nhiều ngân hàng thương mại quy mô nhỏ chưa đủ năng lực để cung cấp các khoản cho vay xanh đối với doanh nghiệp: Ban đầu, theo Chỉ thị số 03/CT-NHNN, tín dụng xanh được triển khai dưới dạng chương trình thí điểm cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, với tổng số tiền 2.000 tỷ đồng. Chương trình này được triển khai ở ba NHTM nhà nước là Vietcombank, BIDV và Agribank, cùng một ngân hàng tư nhân là Sacombank. Cuối tháng 5/2021, BIDV nhận được khoản vay dài hạn trị giá 100 triệu USD và hỗ trợ kỹ thuật trị giá 300.000 EUR, từ Cơ quan Phát triển Pháp (AFD). Trong quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng tổ chức hiện hành, BIDV cũng đã đánh giá rủi ro môi trường xã hội đối với từng khoản cấp tín dụng, đảm bảo dự án tài trợ đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật

về môi trường, đưa ra biện pháp phòng ngừa rủi ro và thực hiện kiểm tra giám sát định kỳ thường xuyên đối với các dự án cho vay. Năm 2020, Sacombank dành 15.000 tỷ đồng cho vay lãi suất ưu đãi từ 5%/năm đối với doanh nghiệp có nhu cầu sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực “xanh” hoặc có quy trình hoạt động không gây ảnh hưởng, có khả năng bảo vệ tài nguyên, môi trường. Bên cạnh đó, Sacombank cũng dành 2.000 tỷ đồng cho vay lên đến 70% nhu cầu vốn đầu tư dự án điện mặt trời dành cho khách hàng doanh nghiệp tại khu vực Tây Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với lãi suất từ 8,5%/năm. Doanh nghiệp còn được ân hạn thời gian trả lãi, vốn vay lên đến 6 tháng và có thể thế chấp chính hệ thống điện mặt trời làm tài sản đảm bảo cho khoản vay. Tính đến nay, đã có khoảng 40 tổ chức tín dụng phát sinh dư nợ tín dụng cho các dự án xanh.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ MỞ RỘNG TÍN DỤNG XANH TẠI VIỆT NAM

Các doanh nghiệp hiện nay rất cần tiếp cận được nguồn vốn tín dụng xanh để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong những lĩnh vực “xanh”, nhằm nâng cao uy tín và hiệu quả hoạt động, đồng thời đóng góp cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Dựa trên các phân tích, bài viết đưa ra một số khuyến nghị sau:

Về ban hành cơ chế chính sách: Chính phủ và các bộ ngành nên xem xét, triển khai các nội dung sau:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sớm ban hành hướng dẫn về danh mục và tiêu chí xác định dự án xanh phù hợp với phân ngành kinh tế của Việt Nam. Nhanh chóng xây dựng lộ trình, cơ chế chính sách (thuế, phí, vốn, kỹ thuật, thị trường đến quy hoạch, chiến lược

phát triển) của từng ngành, lĩnh vực đồng bộ. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ các tổ chức tín dụng được hỗ trợ các nguồn vốn dài hạn, ưu đãi để có các khoản tín dụng có thời hạn dài và lãi suất ưu đãi cho ngành, lĩnh vực xanh.

- **NHNN** cần thiết lập một chính sách tín dụng xanh có hướng dẫn rõ ràng các tiêu chuẩn cho vay để hỗ trợ các NHTM tham chiếu trước, trong và sau khi giải ngân. Chính sách này dựa trên các tiêu chuẩn hoạt động xã hội và môi trường của các tổ chức quốc tế như WB, IFC, Liên hợp quốc... giúp các NHTM hiểu rõ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong từng ngành. Bên cạnh đó, NHNN cần ban hành quy định khuyến khích các NHTM thực hiện tốt hoạt động tín dụng xanh và có quy định biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với các NHTM vi phạm trong cho vay sai quy định.

- **Bộ Tài chính (BTC)** cần tiếp tục dùng chính sách thuế để ưu đãi cho các doanh nghiệp hoạt động vì môi trường và xã hội.

- **Bộ Kế hoạch và Đầu tư** cần có hướng dẫn đầy đủ và thống nhất với các bộ, ngành khác về chính sách ưu đãi đầu tư để doanh nghiệp đổi mới công nghệ xanh, tạo nên thế mạnh cạnh tranh trên thị trường, đồng thời bảo vệ môi trường. Đối với các doanh nghiệp FDI cần quy định chặt chẽ về tiêu chuẩn xanh trong đầu tư.

- **Bộ Tài nguyên và Môi trường** cũng cần xây dựng kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu và chính sách để ứng phó hiệu quả với rủi ro ngày càng tăng do biến đổi khí hậu. Các kịch bản biến đổi khí hậu cũng như các rủi ro và mối đe dọa nên được triển khai cho tất cả các khu vực và tỉnh thành để cùng xác định và hành động, nhằm chống lại các đe dọa do biến đổi khí hậu. Quá trình này nên được

thể chế hóa để đảm bảo rằng khả năng phục hồi luôn được đảm bảo, tương ứng với nhiều kịch bản biến đổi khí hậu khác nhau có thể xảy ra.

Về quản lý giám sát: Các bộ ngành cần phối hợp để giám sát thực hiện đồng bộ các giải pháp và tăng hiệu quả quản lý đối với các NHTM và các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư xanh. Việt Nam cần yêu cầu các cơ quan liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về các nguồn vốn tín dụng xanh, đặc biệt nguồn từ ngân sách và quốc tế. Các trường hợp vi phạm trong sử dụng nguồn vốn tín dụng xanh cần phải xử lý nghiêm minh. Từ đó, Việt Nam có thể thu hút thêm các nguồn vốn nước ngoài, cả công và tư để bổ sung cho nguồn vốn trong nước đang còn hạn chế.

Về thực thi:

- Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế nhằm thực hiện có hiệu quả mô hình tăng trưởng xanh, bền vững trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, đổi mới, sáng tạo phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Các hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam phải đáp ứng các quy định, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đất nước. Các doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động mở rộng phạm vi giao dịch của mình ra các nước, đặc biệt với những nước có kinh nghiệm trong xây dựng kinh tế xanh, đầu tư xanh. Cần có nhiều cuộc tiếp xúc và trao đổi cởi mở hơn về những thách thức đặt ra cũng như những khó khăn khi tiếp cận công nghệ xanh. Khi đó, doanh nghiệp Việt Nam sẽ tìm được những giải pháp thích hợp từ hai phía.

BTC cần tiếp tục ưu tiên ngân sách cho đầu tư xanh và chủ động hợp tác với các nhà đầu tư tư nhân trong lĩnh vực này. Hình thức hợp tác công tư phải dựa trên mục tiêu

các bên cùng có lợi và sau thời gian thực hiện cần có đánh giá đầy đủ về hiệu quả hợp tác. Ngoài ra Bộ nên chú trọng đào tạo, nâng cao nhận thức về đầu tư có trách nhiệm với môi trường và xã hội cho tất cả các doanh nghiệp niêm yết và các công ty chứng khoán hiện có trên thị trường.

Các NHTM nên xây dựng và đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ cho phù hợp với từng đối tượng đầu tư xanh. Ngoài ra, quy trình thẩm định, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư xanh tại các ngân hàng cũng cần được hoàn thiện để đảm bảo các dự án mang lại hiệu quả kinh tế dựa trên mô hình sản xuất và tiêu thụ bền vững, thân thiện với môi trường. Các ngân hàng cũng cần chủ động xây dựng kế hoạch và lộ trình tiếp cận các nguồn vốn xanh quốc tế. Các ngân hàng quy mô nhỏ chưa có khả năng cho vay dự án đòi hỏi vốn lớn như đầu tư năng lượng mặt trời, gió, thì tùy theo khả năng, có thể tham gia đồng tài trợ với các ngân hàng lớn, đóng góp và cấp tín dụng xanh với tỷ lệ nhỏ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2015), Ngân sách cho ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam: Đầu tư thông minh vì tương lai bền vững, Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2015.
2. PGS.TS Trần Thanh Tú và TS. Nguyễn Thị Hương Liên, *Tài chính ngân hàng kế toán xanh- Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2017.
3. G20 (2017), G20 Green Finance Synthesis Report.
4. <http://www.chinhphu.vn/>
5. <http://www.mpi.gov.vn/>
6. <https://www.sbv.gov.vn/>

THU HÚT FDI VÀ THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU Ở VIỆT NAM - PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH TRƯỚC BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

TS. Nguyễn Thị Vân Anh

Trường Đại học Lao động - Xã hội

Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là nguồn vốn lớn góp phần mở rộng thị trường và thúc đẩy xuất khẩu, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng và hội nhập quốc tế. FDI góp phần vào gia tăng độ mở của nền kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu thông qua các kênh: (i) Cải thiện năng lực xuất khẩu của nước nhận đầu tư; (ii) Thu hút thêm các doanh nghiệp FDI vệ tinh; (iii) Tạo ra sự di chuyển lao động; (iv) Cung cấp thông tin về thị trường xuất khẩu. Trong bài viết này tác giả tập trung xem xét thực trạng thu hút FDI và xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 1995 – 2020. Bên cạnh những tác động tích cực của FDI với thúc đẩy xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế, có thể thấy việc thu hút, sử dụng FDI cũng còn nhiều vấn đề đặt ra. Do vậy tác giả đưa ra một số giải pháp thu hút và sử dụng FDI nhằm thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam trước bối cảnh đại dịch Covid-19

Từ khóa: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, FDI, xuất khẩu, covid-19

1. FDI VÀ VAI TRÒ CỦA FDI ĐỐI VỚI THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức đầu tư dài hạn của cá nhân hay công ty nước này vào nước khác bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất, kinh doanh. Cá nhân hay công ty nước ngoài đó sẽ nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh này.

FDI đóng góp lớn vào gia tăng độ mở của nền kinh tế, thúc đẩy xuất khẩu ở các nước tiếp nhận đầu tư thông qua các kênh sau:

- *Cải thiện năng lực xuất khẩu của nước nhận đầu tư.* Năng lực này có được là do các nước nhận đầu tư được tiếp cận với công nghệ sản xuất hiện đại, nâng cao được kỹ năng quản lý, nâng cao tay nghề của người lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm do:

(i) *Áp lực cạnh tranh tăng do sự xuất hiện của doanh nghiệp FDI ở thị trường nước nhận đầu tư.* Các doanh nghiệp tại nước nhận đầu tư buộc phải đầu tư cải tiến, nâng cấp công nghệ, gia tăng chuyên môn hóa sản xuất, đầu tư đào tạo nguồn nhân lực tay nghề kỹ năng cao nhằm sản xuất ra những sản phẩm có thể cạnh tranh và xuất khẩu do sự xuất hiện của các doanh nghiệp FDI ở thị trường nước nhận đầu tư. [Haskel, J. & et al (2007); Karpaty, P. & et al (2004); Buckley, P.J. & et al (2007); Hamida, B. (2011)]

(ii) *Chuyển giao công nghệ thông qua liên kết sản xuất.* Việc liên kết sản xuất và cung ứng giữa các doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI cũng góp phần làm gia tăng xuất khẩu của các doanh nghiệp trong nước do các doanh nghiệp học hỏi được quá trình liên kết với doanh nghiệp FDI; Các doanh

niệp trong nước cũng được đào tạo kỹ năng để sản xuất và xuất khẩu hàng hóa đạt tiêu chuẩn quốc tế. [Glass, A. & et al (2004)]

(iii) *Sự di chuyển lao động.* Những lao động làm việc cho doanh nghiệp FDI có thể chuyển đến làm việc cho những doanh nghiệp khác trong nước. Việc vận dụng những kiến thức về sản xuất hàng hóa xuất khẩu, hay các kỹ năng quản lý thông tin thị trường xuất khẩu... của nguồn nhân lực di chuyển sẽ tạo điều kiện để ngành cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động xuất khẩu, nhờ đó giúp cải thiện năng lực xuất khẩu của doanh nghiệp trong nước. [Glass, A. & et al (2004)]

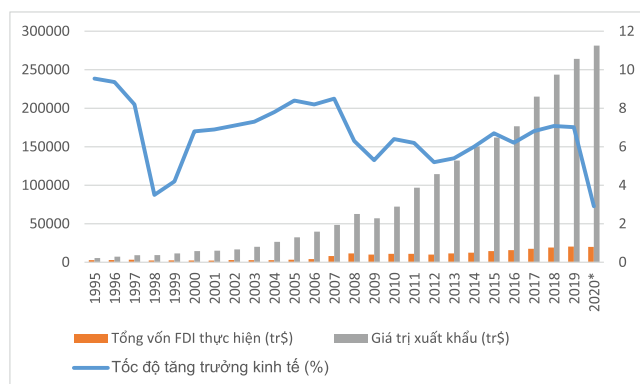
- *Thu hút thêm các doanh nghiệp FDI vệ tinh.* Khi doanh nghiệp FDI di chuyển hoạt động sản xuất hàng hóa toàn cầu sẽ kéo theo chuỗi cung ứng toàn cầu của các hãng này di chuyển theo. Sự có mặt của doanh nghiệp FDI kéo theo sự xuất hiện của các doanh nghiệp mới – các doanh nghiệp sản xuất vệ tinh xuất hiện theo các doanh nghiệp FDI vào thị trường nước nhận đầu tư. [Ngọc, N.B. (2017)]

- *Cung cấp thông tin về thị trường xuất khẩu.* Doanh nghiệp FDI có mặt ở nhiều quốc gia, cho nên bản thân doanh nghiệp sẽ là người cung cấp các thông tin về thị trường nước ngoài, khách hàng nước ngoài, các kênh phân phối hàng hóa ra nước ngoài và công nghệ nước ngoài; từ đó doanh nghiệp FDI sẽ giúp cung cấp các kênh để từ đó các doanh nghiệp xuất khẩu ở nước tiếp nhận đầu tư có thể tiếp cận được với thị trường nước ngoài và khách hàng nước ngoài. [Aitken, B.J. & et al (1997)]

2. THỰC TRẠNG THU HÚT FDI VÀ XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

Sau hơn 30 năm Việt Nam tập trung thực hiện việc thu hút FDI, nhiều nghiên cứu như nghiên cứu của Nam, T.H., & Anh, N.M.Q. (2015); Cảnh, N.P., & Quyền, P.G. (2016); Nhung, N.T.K. (2017); Nam, T. (2018); Hương, N.T.M. (2019); Vi, G. (2020); Nhiên, A. (2021); Tùng, V. (2021)... đánh giá FDI có những đóng góp đáng kể cho thúc đẩy xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Năm 2020 trước tình hình đại dịch Covid-19, FDI vào Việt Nam sụt giảm khoảng 400 triệu USD (giảm 2% so với năm 2019), tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút chỉ đạt 2,91% mức thấp nhất trong 30 năm đổi mới nền kinh tế. Tuy nhiên, điểm sáng trong kinh tế Việt Nam năm 2020, xuất khẩu vẫn tăng và Việt Nam vẫn đạt giá trị xuất siêu gần 19 tỷ USD, mặc dù giá trị xuất siêu có giảm sút so với những năm trước đó.

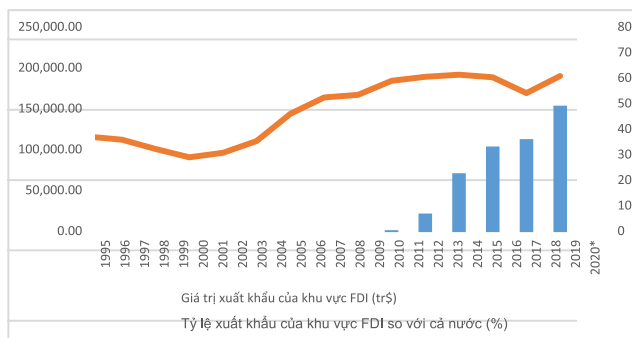
Biểu đồ 1. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), giá trị xuất khẩu và tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam giai đoạn 1995 – 2020



Nguồn: GSO (2021), IFS-IMF (2021)

FDI là nhân tố góp phần cải thiện năng lực xuất khẩu của Việt Nam. Thu hút FDI tạo điều kiện mở rộng quan hệ đối ngoại góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Theo GSO (2021) năm 1995 tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI chỉ chiếm 27% so với cả nước thì năm 2000 con số này là 47%; năm 2005 là 57,2%; năm 2010 là 54,2%; năm 2015 là 70,6%; năm 2019 là 67,8% và năm 2020 dự kiến con số này đạt mức 71,7% (Biểu đồ 2). Năm 2020, một năm khó khăn, tác động của đại dịch Covid -19 là vô cùng nặng nề đối với nền kinh tế của nhiều quốc gia, song cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 tại Việt Nam tiếp tục xuất siêu gần 19 tỷ USD, trong đó khu vực có vốn FDI (kể cả dầu thô) xuất siêu 34,6 tỷ USD. [Bộ kế hoạch và đầu tư (2021)]

Biểu đồ 2. Giá trị xuất khẩu hàng hóa của khu vực FDI và tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI so với cả nước giai đoạn 1995 – 2020



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của GSO, (2021) và Baodautu.vn, (2021)

FDI là nhân tố quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hướng xuất khẩu vào những mặt hàng Việt Nam có thế mạnh và nâng cao giá trị của những mặt hàng xuất khẩu. FDI đã đóng góp hơn 50% giá trị công nghiệp chế tác [Vi, G. (2020)]. FDI cũng góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, nâng cao giá trị hàng nông sản xuất khẩu, tiếp thu những công nghệ tiên tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng suất, khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Doanh nghiệp FDI đóng góp đáng kể cho nguồn thu ngân sách Nhà nước với giá trị ngày càng gia tăng.

FDI góp phần nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh của sản phẩm xuất khẩu Việt Nam trên trường quốc tế. Qua khu vực FDI Việt Nam có điều kiện tiếp cận với công nghệ tiên tiến của thế giới để phát triển các ngành sử dụng công nghệ hiện đại như: điện tử, cơ khí, công nghiệp phần mềm, công nghệ sinh học... Ngành công nghệ cao tăng nhanh, FDI đóng góp về giá trị gia tăng 12,2% là ngành điện tử, máy tính và sản phẩm quang học [Hương, N.T.M. (2019)]; Tác động lan tỏa xuất khẩu từ doanh nghiệp FDI đến khối doanh nghiệp nội địa được phân tích sâu trong nghiên cứu của Nguyễn Bích Ngọc (2017) đối với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Nghiên cứu cho thấy, các dự án FDI quy mô lớn đã tạo ra cú hích tác động mạnh mẽ tới kết quả xuất khẩu của các ngành này ở Việt Nam. Sự hiện diện của các doanh nghiệp FDI trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã tạo sức ép, buộc các doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, cải thiện sản xuất, gia tăng tìm hiểu thị trường xuất khẩu, tăng cường liên kết thương mại. Lợi thế áp đảo về vốn và công nghệ của các tập đoàn đa quốc gia đã tạo ra những áp lực không nhỏ tới thị phần xuất khẩu cũng như năng lực cạnh tranh của các DN nội địa. Thêm nữa, từ góc nhìn vĩ mô, vị thế của doanh nghiệp FDI áp đảo trong xuất khẩu của Việt Nam.

Bên cạnh những tác động tích cực của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đến xuất khẩu ở Việt Nam, sự phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu của FDI được giới chuyên môn đánh giá tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Theo Sách Trắng doanh nghiệp 2020, tính đến cuối năm 2019, cả nước có 758.610 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó doanh nghiệp FDI là 16.878 doanh nghiệp. Thế nhưng, đóng góp cho kim ngạch xuất khẩu của cả nước của khối này chiếm tới khoảng 70%. [Baodautu.vn, (2021)]

Nền kinh tế phụ thuộc ngày càng nhiều vào khu vực FDI, trong khi việc liên kết giữa khu vực FDI với khu vực trong nước chưa đạt được như mong muốn, tỷ lệ “nội địa hóa” trong một số ngành công nghiệp còn thấp, giá trị gia tăng trên một đơn vị sản phẩm không lớn. Các doanh nghiệp FDI “gia công” còn chiếm tỷ lệ lớn, tỷ lệ “nội địa hóa” thấp, bình quân khoảng 20% – 25%. Do vậy, FDI góp phần tăng giá trị xuất khẩu nhưng FDI cũng là lý do dẫn đến việc tăng giá trị nhập khẩu.

Việt Nam nằm ở vị trí thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu với giá trị gia tăng chưa đủ đáp ứng những đòi hỏi của chuỗi sản xuất và lắp ráp công nghệ cao của các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới. Nhiều dự án FDI chỉ tập trung ở một vài công đoạn đối với những ngành sử dụng nhiều lao động để gia công, lắp ráp và chế biến. Đầu tư của khu vực FDI vào lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ nguồn còn rất hạn chế. Thực trạng này cũng tạo ra tính bất ổn đối với việc xuất khẩu, bởi do sản xuất và xuất khẩu của khối FDI phụ thuộc rất nhiều vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.

Nhiều doanh nghiệp FDI chỉ chú trọng khai thác tài nguyên thiên nhiên, do đó gây ra tình trạng ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nồng độ bụi, tàn phá môi trường tự nhiên... Khu vực FDI vẫn còn diễn ra hành vi trốn tránh nghĩa vụ tài chính, có biểu hiện lạm dụng chính sách ưu đãi, dùng chiêu trò “chuyển giá” để trốn thuế, gây thất thu cho ngân sách Nhà nước và tình trạng kinh doanh thiếu minh bạch, cạnh tranh không lành mạnh...

3. PHẢN ỨNG CHÍNH SÁCH NHẪM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VÀ SỬ DỤNG FDI THÚC ĐẨY XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM TRƯỚC BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Với thực trạng về FDI và xuất khẩu giai đoạn 1995 – 2020 của Việt Nam trong hơn 30 năm đổi mới nền kinh tế cho thấy FDI đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy xuất khẩu của nền kinh tế Việt Nam. Với mục tiêu duy trì và thúc đẩy xuất khẩu, trước những ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, đồng thời xây dựng nền kinh tế tự chủ trên cơ sở làm chủ công

nghệ và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường, nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế. Chính phủ cần có những chính sách nhằm tăng cường thu hút và sử dụng FDI hiệu quả, qua đó thúc đẩy xuất khẩu và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, cụ thể:

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách đồng bộ, nhất quán, tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý FDI ở Việt Nam. Để thu hút FDI phải hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, Việt Nam cần tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn, chủ động trong việc lựa chọn dự án và nhà đầu tư. Xây dựng hệ thống chính sách liên quan đến FDI theo hướng nhất quán, công khai, minh bạch, tạo hành lang pháp lý cho việc quản lý, giám sát hiệu quả việc thu hút và sử dụng FDI, đảm bảo tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực;

Hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ. Nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý nhà nước, ngăn tình trạng “chuyển giá”, trốn thuế, trốn tránh nghĩa vụ tài chính qua các hợp đồng chuyển giao công nghệ. Trong giai đoạn xem xét, phê duyệt, quản lý vốn FDI và doanh nghiệp FDI, những quy định về phòng ngừa, giảm ô nhiễm môi trường, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng... cần được cụ thể hóa thành các chỉ tiêu xét duyệt. Chính phủ tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý, thu hút và sử dụng FDI; Phân định rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc hoạch định chính sách, truyền thông, kiểm tra, xử lý vi phạm các doanh nghiệp FDI.

Tập trung ưu tiên vào các ngành công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ thông tin và viễn thông, điện tử ở trình độ tiên tiến của thế giới, công nghệ ô tô, máy nông nghiệp, thiết bị công trình, thiết bị công nghiệp, thiết bị điện, công nghiệp hỗ trợ, R&D, internet... Bên cạnh đó là các ngành như công nghiệp chế biến, nông nghiệp công nghệ cao, thiết bị y tế, chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, du lịch chất lượng cao, dịch vụ tài chính, logistics và các dịch vụ hiện đại khác; Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh...

Thu hút các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vốn, công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị sản phẩm, tăng tỷ lệ “nội địa hóa” và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Qua đó góp phần nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của Việt Nam. Đẩy mạnh tăng cường liên kết giữa khu vực FDI và khu vực trong nước để tăng tỷ lệ “nội địa hóa”, giá trị cho các sản

phẩm tạo ra làm cơ sở cho mở rộng xuất khẩu, thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng trên nền tảng cách mạng công nghiệp 4.0.

Các đơn vị xúc tiến đầu tư cần chủ động làm việc với các nhà đầu tư nước ngoài đã có kế hoạch đầu tư tại Việt Nam để trao đổi, định hướng và thống nhất sơ bộ về thủ tục đầu tư, không để các nhà đầu tư đợi chờ đến khi dịch bệnh được xử lý dứt điểm mới tiếp tục tiến hành các thủ tục đầu tư.

Hỗ trợ các doanh nghiệp FDI tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, như tạo thuận lợi thông quan hàng hóa, gia hạn giấy phép cho lao động nước ngoài... Đồng thời xem xét, giải quyết các đề xuất xin giãn tiến độ thực hiện dự án do khó khăn dịch bệnh, kéo dài thời hạn nộp tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính liên quan tới dự án đầu tư...

Nâng cao phẩm chất đạo đức, chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý trong công tác quản lý đầu tư nước ngoài. Có chiến lược đào tạo cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về chuyên môn nghiệp vụ, tác phong, thái độ làm việc. Trau dồi cho cán bộ quản lý hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại kỹ năng khai thác thị trường, kỹ năng kinh doanh và luật pháp quốc tế... Quan tâm đến chính sách tiền lương, thưởng và xây dựng các tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp FDI để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người lao động Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdull, A., Saaed, J., & Hussain, M.A. (2019), *Exports, Imports, FDI and Trade Openness on Economic Growth: Evidence from ARDL Bounds Testing For United Arab Emirates*, DOI: <http://dx.doi.org/10.18576/hexatech/020102>
2. Aitken, B.J., Harrison, A.E. (1997). Spillovers, Foreign Investment and Export Behaviour. *Journal of International Economics*, 43, 103 -132
3. Baodautu.vn (2021), Rủi ro khi xuất khẩu phụ thuộc vào FDI, <https://www.mof.gov.vn>
4. Bộ kế hoạch và đầu tư (2021), *Báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2020*, <http://www.mpi.gov.vn>
5. Buckley, P. J., Cleg, J. & Wang, C. (2007). *The impact of foreign ownership, local ownership and industry characteristics on spillover benefits from foreign direct investment in China*. *International Business Review*, 16, 142-158
6. Cảnh, N.P., Quyền, P.G. (2017), *Ảnh hưởng của dòng vốn nước ngoài và độ mở thương mại đến tăng trưởng kinh tế*, Tạp chí Ngân hàng online, <http://tapchinganhang.com.vn/anh-huong-cua-dong-von-nuoc-ngoai-va-do-mo-thuong-mai-den-tang-truong-kinh-te.htm>
7. Công, H.T. (2019), *Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và thương mại quốc tế đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam*, Tạp chí khoa học công nghệ số 52.2019
8. Frank S.T.H, Mei-Chu W.H. (2006), *FDI, Exports, and Growth in East and Southeast Asia – Evidence from Time-Series and Panel Data Causality Analyses*, International Conference on Korea and the World Economy V, July 7–8, 2006 at Korea University Seoul, Korea
9. Glass, A. & Saggi, K. (2004). *Multinational firms and technology transfer*. *Scandinavian Journal of Economics*, 104, 495 - 514
10. GSO (2021), *Số liệu thống kê*, <https://www.gso.gov.vn>
11. Hamida, B. (2011). *FDI and spillovers in the Swiss services/ construction industry: Interaction effects between spillover mechanisms and domestic technological characteristics*. *International Business Review*, 7, 224 – 249.
12. Haseeb, M., Hartani.N.H., Bakar, N.A.A., Azam, M., & Hassan, S. (2014), *Exports, Foreign Direct investment and Economic Growth: Empirical Evidence From Malaysia (1971-2013)*, *American Journal of Applied Sciences* 11 (6): 1010-1015, 2014 ISSN: 1546-9239
13. Haskel, J., Pereira, S.C. & Slaughter, M.J. (2007). *Does inward foreign direct investment boost the productivity of domestic firms?* *The review of Economics and Statistics*, 89, 482-496
14. Hương, N.T.M. (2019), *Đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào năng lực cạnh tranh của Việt Nam*, Tạp chí Tài chính online, <https://tapchitaichinh.vn>
15. International Monetary Fund (2021), *Macroeconomic and Financial Data*, <https://data.imf.org>
16. Karpaty, P. & Lundberg, L. (2004). *Foreign direct investment and productivity spillovers in Swedish manufacturing*. Working Paper No. 2, Örebro University, Örebro.
17. Nam, T.H & Anh, N.M.Q (2000), *The Impact of Foreign Direct Investment on Economic Growth: Evidence from Vietnam*. *Developing Country Studies*, 2015, 5(20): 1–9.
18. Nam, T. (2018), *FDI – Cú hích tạo việc làm, cải thiện nguồn nhân lực*, Tạp chí Tài chính online, <https://tapchitaichinh.vn>
19. Ngọc, N.B. (2017). *Tác động lan tỏa từ FDI tới xuất khẩu của ngành công nghiệp chế biến chế tạo ở Việt Nam. Luận án tiến sĩ kinh tế*. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
20. Nielsen, A. (2021), *Năm 2020 Việt Nam xuất siêu kỷ lục, nhiều mặt hàng vượt chục tỷ USD*, Tạp chí VnEconomy online, <https://vneconomy.vn/nam-2020-viet-nam-xuat-sieu-ky-luc-nhieu-mat-hang-vuot-chuc-ty-usd-2021010710300195.htm>.
21. Nhung, N.T.K (2017), *The long run and short run impacts of foreign Direct investment and export on economic growth of Vietnam*. *Asian Economic and Financial Review*, DOI: 10.18488/journal.aefr.2017.75.519.527, Vol. 7, No. 5, 519–527, URL: www.aessweb.com
22. Stefan, C.G., & Liliana, N.S., & Oana, S.H. (2019), *Exploring Foreign Direct Investment–Economic Growth Nexus—Empirical Evidence from Central and Eastern European Countries Sustainability* 2019, 11, 5421; doi:10.3390/su11195421, www.mdpi.com/journal/sustainability
23. Tùng, V. (2021), *Tăng cường kết nối khu vực kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước*, Tạp chí Cộng sản online, <https://tapchicongsan.org.vn>
24. Vi, G. (2020), *Lao động việc làm trong xu thế mới của vốn FDI*, Báo Nhân dân online, <https://nhandan.com.vn>

TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN ĐỐI VỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

ThS. Nguyễn Thanh Thảo

Trường đại học Mô-Địa chất

TÓM TẮT

Trong quá trình phát triển kinh tế- xã hội, các mối quan hệ công nghiệp tại nơi làm việc cũng ngày càng phát triển. Công đoàn là một trong các thể chế quan trọng của thị trường lao động tác động đến mối quan hệ đó. Các nghiên cứu chỉ ra rằng công đoàn đã tác động đến việc làm, thu nhập, năng suất và gắn kết xã hội trên thị trường nhưng chiều hướng và mức độ tác động còn tồn tại một số tranh cãi.

Từ khóa: Công đoàn, việc làm, thu nhập, năng suất.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Công đoàn là một trong bốn thể chế quan trọng của thị trường lao động. Công là các tổ chức chính trị xã hội phản ánh xã hội nơi mà doanh nghiệp hoạt động. Tác động của công đoàn khá phức tạp và gây tranh cãi hơn so với các thể chế khác của thị trường lao động. Công đoàn có tác động lên cả thu nhập, việc làm, năng suất và gắn kết xã hội.

2. VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN

Theo quan điểm kinh tế truyền thống vai trò quan trọng của công đoàn là đại diện cho người lao động là công đoàn viên. Các công đoàn có thể đàm phán mức lương và lợi ích cao hơn, và điều kiện làm việc tốt hơn so với điều kiện cạnh tranh hoàn hảo cho công đoàn viên. Công đoàn bằng khả năng đàm phán/ thương lượng của mình tạo ra cho các công đoàn viên lợi thế độc quyền để cải thiện mức sống với chi phí hiệu quả. Thông qua vai trò đại diện, các công đoàn có thể đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp bằng cách cải thiện giao tiếp nơi làm việc, tăng cường quan hệ hợp tác và giảm tốc độ thay thế lao động.

Công đoàn có thể có vai trò “chính trị” mạnh mẽ khi có tiếng nói trong việc xây dựng và thảo

luận chính sách đối với thị trường lao động. Các công đoàn có vai trò quan trọng để đề xuất quyền xã hội và lao động cơ bản. Ở một số quốc gia đang phát triển, vai trò chính trị của công đoàn làm lu mờ vai trò đại diện và thương lượng cho các công đoàn viên. Ở các quốc gia này, Công đoàn là “cánh tay nối dài” của Đảng lãnh đạo trong việc điều tiết thị trường lao động. Thông qua vai trò chính trị, công đoàn có thể ảnh hưởng đến các chính sách xã hội và kinh tế; trong một số trường hợp, điều này có thể mang lại phúc lợi xã hội cho cả những người lao động không phải công đoàn viên.

Tại các quốc gia khác nhau, vai trò và tác động của công đoàn là khác nhau một cách đáng kể. Nguyên nhân có thể là trình độ phát triển của quan hệ lao động tại các quốc gia là rất khác nhau. Bên cạnh đó bản chất của nền kinh tế như mức độ tự do hóa thị trường hàng hóa, mức độ mở cửa với thương mại, v.v cũng có thể là nguyên nhân quan trọng, ảnh hưởng tới khả năng tác động của các công đoàn. Hơn nữa, các tác động có thể thay đổi vào các giai đoạn khác nhau trong quá trình phát triển của một quốc gia.

Công đoàn với vai trò là tổ chức của người lao động, đại diện

cho người lao động tham gia đàm phán, thương lượng với người sử dụng lao động hoặc tổ chức đại diện của người lao động. Trong các cuộc thương lượng đó, công đoàn sẽ bảo vệ những lợi ích của người lao động như thương lượng về tiền lương, về các điều kiện làm việc, về đảm bảo việc làm, và các quyền lợi bắt buộc khác cho người lao động là công đoàn viên. Đặc biệt, công đoàn sẽ đàm phán để bảo vệ quyền lợi cho những người lao động thuộc nhóm dễ tổn thương như lao động nữ, lao động trẻ em. Công đoàn cũng có thể đại diện người lao động đàm phán về các vấn đề như đào tạo cho người lao động hoặc cải tiến công nghệ dẫn đến những thay đổi tích cực trong năng suất lao động. Công đoàn còn có vai trò giám sát việc thực hiện các quyền chính đáng của người lao động tại nơi làm việc. Các công ước quốc tế về lao động ghi nhận các quyền cơ bản của người lao động, song không phải tất cả các quốc gia/ doanh nghiệp đều thực hiện nghiêm túc các công ước này.

3. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN

Công đoàn với vai trò là tổ chức của người lao động, đại diện cho người lao động tham gia đàm phán, thương lượng với người sử

dụng lao động hoặc tổ chức đại diện của người lao động. Trong các cuộc thương lượng đó, công đoàn sẽ bảo vệ những lợi ích của người lao động như thương lượng về tiền lương, về các điều kiện làm việc, về đảm bảo việc làm, và các quyền lợi bắt buộc khác cho người lao động là công đoàn viên. Đặc biệt, công đoàn sẽ đàm phán để bảo vệ quyền lợi cho những người lao động thuộc nhóm dễ tổn thương như lao động nữ, lao động trẻ em. Công đoàn cũng có thể đại diện người lao động đàm phán về các vấn đề như đào tạo cho người lao động hoặc cải tiến công nghệ dẫn đến những thay đổi tích cực trong năng suất lao động. Công đoàn còn có vai trò giám sát việc thực hiện các quyền chính đáng của người lao động tại nơi làm việc. Các công ước quốc tế về lao động ghi nhận các quyền cơ bản của người lao động, song không phải tất cả các quốc gia/ doanh nghiệp đều thực hiện nghiêm túc các công ước này.

3.1 Tác động đến thu nhập

Các nghiên cứu cho thấy rằng người lao động là công đoàn viên được hưởng mức lương cao hơn so với những người lao động không thuộc công đoàn. Theo nghiên cứu của Aidt và Tzannatos (2002), ở các nước phát triển, lương của người lao động là công đoàn viên cao hơn từ 5% đến 15% so với các lao động khác cùng điều kiện làm việc. Ở các quốc gia phát triển, không có nhiều nghiên cứu định lượng về vấn đề này. Một số nghiên cứu được thực hiện ở Mexico và Nam Phi cho thấy tiền lương của lao động là công đoàn viên cao hơn khoảng 10% đến 20% so với các lao động khác. Tuy nhiên, vẫn có những nghi vấn liên quan đến việc mức độ và tác động thực sự của công đoàn trong đàm phán tiền lương cho người

lao động. Các nghiên cứu về tác động của công đoàn tới tiền lương tại các quốc gia châu Á còn rất hạn chế song cũng nhất quán với nhận định công đoàn có tác động làm tiền lương cho các công đoàn viên cao hơn mặc dù mức độ tác động rất ít. Theo Trường và Yoo (2000) và Park (1991) chỉ ra rằng hiệu ứng tăng lương chỉ khoảng từ 5%-6% tại Hàn Quốc.

Công đoàn cũng có ảnh hưởng tích cực đến giảm bất bình đẳng tiền lương. Các nghiên cứu về vấn đề này được nghiên cứu chủ yếu ở các nước phát triển. Công đoàn thương lượng tiền lương đặc biệt hướng tới bảo vệ những lao động là công đoàn viên thuộc nhóm yếu thế, dễ tổn thương, những lao động kỹ năng kém. Kết quả thực nghiệm cho thấy hiệu ứng tiền lương của lao động nữ mạnh hơn so với lao động nam, nhưng chưa có nhiều kết quả rõ ràng đối với nhóm lao động thiểu số. Bất bình đẳng về tiền lương có quan hệ ngược chiều với mật độ công đoàn viên. Các quốc gia có mật độ công đoàn viên cao thì hiệu ứng tiền lương của công đoàn là rõ ràng nhất. OECD (2011b) kết luận rằng giảm mật độ công đoàn viên tại nhiều nước OECD đã góp phần làm tăng một cách đáng kể chênh lệch trong phân phối tiền lương. Bên cạnh đó, cấu trúc thương lượng tập trung hoặc/và phối hợp cũng làm tăng mức độ tác động của hiệu ứng tiền lương.

3.2 Tác động đến việc làm

Công đoàn làm tăng tiền lương đối với các lao động là công đoàn viên làm cho chi phí sử dụng lao động của các doanh nghiệp tăng lên. Theo lý thuyết kinh tế, điều này có thể dẫn tới việc doanh nghiệp giảm bớt lao động để đảm bảo mức lao động tối ưu. Mặt khác, tiền lương cao hơn lại khiến lao động sẵn sàng làm việc

nhiều hơn và sự có mặt của công đoàn cũng làm cho việc sa thải lao động của các doanh nghiệp đối mặt với nhiều chi phí hơn, sẽ kìm hãm mức giảm về việc làm. Tác động tổng hợp của công đoàn tới việc làm là gì là câu hỏi của nhiều nhà nghiên cứu. Kết quả của các nghiên cứu đang chưa có sự thống nhất. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng công đoàn làm giảm việc làm nhưng một số nghiên cứu khác cho thấy công đoàn không có ảnh hưởng đáng kể đến thất nghiệp- ví dụ như Aidt và Tzannatos (2002). Một số nghiên cứu cho thấy mật độ công đoàn làm tăng thất nghiệp bao gồm Bertola, Blau và Kahn (2002); IMF (2003); Baccaro và Rei (2005); và Nickell, Nunziata và Ochel (2005). OECD (2011) sử dụng chỉ số về mức độ bảo hiểm của công đoàn thay cho tỷ lệ công đoàn viên và thấy rằng bảo hiểm công đoàn giảm 10 điểm phần trăm (đây là mức giảm đáng kể) sẽ làm việc làm tăng bằng 0,8 điểm phần trăm.

Cấu trúc thương lượng cũng ảnh hưởng tới tỷ lệ thất nghiệp và việc làm. Hầu hết các nghiên cứu về vấn đề này được thực hiện tại các quốc gia OECD. Theo Aidt và Tzannatos (2002), cấu trúc thương lượng phối hợp thường dẫn tới tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn. Theo OECD (2006), một số nghiên cứu chỉ ra rằng cấu trúc thương lượng tập trung hoặc/và phối hợp góp phần làm cho tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn. Tuy nhiên, ảnh hưởng cấu trúc thương lượng phối hợp tới việc làm còn chưa có sự thống nhất và phụ thuộc vào các yếu tố khác: những cú sốc tiêu cực đối với nền kinh tế, khả năng đo lường các cấu trúc thương lượng. Khi nền kinh tế gặp cú sốc bất lợi, nghiên cứu của Bertola chỉ ra rằng cấu trúc

thương lượng hỗn hợp làm giảm tác động tiêu cực tới việc làm nhưng Blau và Kahn (2002) và Bertola *et al.* (2002) cho thấy cấu trúc thương lượng làm tăng thất nghiệp.

3.3 Tác động đến năng suất

Lý thuyết về khả năng thương lượng chỉ ra rằng công đoàn có thể đàm phán làm tăng giao lưu xã hội tại nơi làm việc, khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường đào tạo cho người lao động, tái phân bổ lao động và cải tiến công nghệ. Thông qua đó, công đoàn có thể ảnh hưởng tích cực đến năng suất lao động. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của công đoàn đến năng suất cần được kiểm chứng qua các nghiên cứu thực nghiệm. Trước năm 2000, các nghiên cứu về vấn đề này được chủ yếu được thực hiện ở Anh và Mỹ. Một vài nghiên cứu khác ở Mexico và Malaysia lại chỉ ra những kết luận về tác động trái ngược nhau của công đoàn tới năng suất. Các công đoàn có nhiều khả năng có tác động tích cực đến năng suất tại các quốc gia có thị trường hàng hóa là thị trường cạnh tranh và quan hệ công nghiệp phát triển. Gần đây, nghiên cứu của Fakhfakh, Perotin và Robinson (2011) chứng minh rằng công đoàn hoặc sự tham gia của đại diện người lao động trong thương lượng góp phần cải thiện năng suất tại các doanh nghiệp ở Anh và Pháp. Cấu trúc thương lượng cũng ảnh hưởng đến năng suất. Theo Boeri. 2014; Barth. 2014 thương lượng tập trung không ảnh hưởng đáng kể nhưng thương lượng phi tập trung ở cấp doanh nghiệp lại có ảnh hưởng đến năng suất.

3.4 Tác động đến gắn kết xã hội

Công đoàn cơ sở có thể tham gia thúc đẩy gắn kết xã hội bằng

một số cách thức khác nhau. Cụ thể, sự có mặt của công đoàn góp phần làm giảm bất công trong phân phối tiền lương, giảm bớt chênh lệch tiền lương giữa lao động là công đoàn viên và những người lao động khác. Công đoàn thông qua đàm phán có thể kéo dài thời gian làm việc, khuyến khích doanh nghiệp cung cấp bảo hiểm y tế, thực hiện chế độ trả lương và trợ cấp cho người lao động. Công đoàn cũng có thể cung cấp các kênh để người lao động có thể tham gia vào các quyết định và hoạt động tại nơi làm việc. Công đoàn cũng có thể góp phần thực thi thời gian làm việc linh hoạt, giúp người lao động dễ dàng hơn trong cân đối giữa công việc tại nơi làm việc và tại gia đình. Công đoàn thông qua đối thoại xã hội cũng là kênh giải quyết tranh chấp trong quan hệ lao động trước, hạn chế nguy cơ trở thành xung đột.

Mức độ ảnh hưởng của công đoàn tới gắn kết xã hội phụ thuộc vào mật độ công đoàn viên hoặc mức độ phổ biến của thương lượng tập thể. Mật độ công đoàn viên càng lớn thì tác động tới gắn kết xã hội của công đoàn càng tích cực và rõ ràng. Ngược lại, nếu công đoàn ít được phổ biến, việc tham gia công đoàn bị giới hạn sẽ làm giảm tác động của các lợi ích từ gắn kết xã hội. Ngoài ra, ở những quốc gia mà vai trò chính trị của công đoàn lần át vai trò đại diện thì tác động gắn kết xã hội sẽ khó đo lường hơn.

4. KẾT LUẬN

Công đoàn là một thể chế quan trọng của thị trường lao động, và có ảnh hưởng tới nhiều khía cạnh như thu nhập, việc làm, năng suất, gắn kết xã hội tại doanh nghiệp cũng như trong toàn bộ nền kinh tế. Tuy nhiên, Số lượng các nghiên cứu thực nghiệm tiến

hành chưa nhiều. Mức độ và chiều hướng ảnh hưởng của công đoàn vẫn còn nhiều vấn đề chưa thống nhất. Vai trò của công đoàn ở các nước đang phát triển và có nền kinh tế đang chuyển đổi vẫn cần tiếp tục được kiểm chứng để có thể đưa ra các khuyến nghị về chính sách một cách hiệu quả và hợp lý.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Freeman, Richard B. 2010. "Labor Regulations, Unions, and Social Protection in Developing Countries: Market Distortions or Efficient Institutions?" in Dani Rodrik and Mark R. Rosenzweig (eds.). *Handbook of Development Economics*. Vol. 5. Amsterdam: Elsevier. 4657-4702.
2. OECD. 2011b. *Divided We Stand: Why Inequality Keeps Rising*. Paris: OECD.
3. Koeniger, Winfried, Marco Leonardi, and Luca Nunziata. 2007. "Labor Market Institutions and Wage Inequality." *Industrial and Labor Relations Review*. 60 (3): 340-356
4. "Betcherman, Gordon. 2012. Labor Market Institutions : A Review of the Literature. Background Paper for the World Development Report 2013;. World Bank, Washington, DC.
5. Boeri, Tito, 2014. "Two-Tier Bargaining," IZA Discussion Papers 8358, Institute of Labor Economics
6. Barth, Erling, Moene, Karl O., Willumsen, Fredrik, 2014. The Scandinavian model, An interpretation, *Journal of Public Economics*



HUNG THINH
CORPORATION

*Chúc mừng
kỷ niệm*

96
năm

NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM

21/6/1925 - 21/6/2021





NHÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH XANH

Chúc
mừng
Kỷ niệm

96 năm

— NGÀY BÁO CHÍ —

— CÁCH MẠNG VIỆT NAM —

21/6/1925-21/6/2021

